



THỜI DƯNG ĐẢNG

THẾP MỜI



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

THỜI DỰNG ĐẢNG

THÉP MỚI

THỜI DỰNG ĐẢNG

(Tái bản lần thứ nhất)



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**BIỂU GHI BIÊN MỤC TRƯỚC XUẤT BẢN
ĐƯỢC THỰC HIỆN BỞI THƯ VIỆN KTTH TP. HCM**

Thép Mới

Thời dựng Đảng / Thép Mới. - T.P. Hồ Chí Minh : Nxb. Tổng hợp
Thành phố Hồ Chí Minh, 2013.

tr. ; 21 cm

ISBN 978-604-58-0523-7

1. Đảng Cộng Sản Việt Nam. 2. Chủ nghĩa Cộng Sản -- Việt Nam.
3. Việt Nam -- Chính trị và chính quyền.

1. Communism – Vietnam. 2. Vietnam -- Politics and government

324.2597075 -- dc 14

T397-M71

LỜI NÓI ĐẦU

Lê-nin viết: chủ nghĩa Mác đã ra đời ở nước Nga trong đau thương.

Chủ nghĩa Mác đã ra đời ở nước ta như thế nào?

Cách đây vừa tròn một nửa thế kỷ, đồng chí Nguyễn Ái Quốc, chỉ sau ít tháng trở về bên cạnh Tổ quốc Việt Nam, tại Quảng Châu, với niềm tin và vui mà ít ai trên đời này thông cảm hết, đã ghi lại trong tài liệu lịch sử ký tên Người đề ngày 19-2-1925: “Tôi đã lập một nhóm bí mật gồm 9 hội viên”, trong đó “có 5 người đã là đảng viên dự bị của Đảng Cộng sản..., 2 đoàn viên dự bị của Đoàn Thanh niên Cộng sản Lenin”⁽¹⁾.

Đây là cái mầm đầu tiên của tổ chức cộng sản Việt Nam.

Xin phép tạm lấy ngày tháng còn ghi trong tài liệu đó để tính mốc khởi điểm cho sự diệu kỳ: nhân tố của mọi nhân tố thắng lợi đã bén rễ tươi rói vào dân tộc và quê hương.

1 Thư báo cáo của đồng chí Nguyễn Ái Quốc gửi Đoàn Chủ tịch Quốc tế Cộng sản ngày 19-2-1925.

19-2-1925 — 3-2-1930

Cả một thời kỳ thai nghén, mang nặng, đẻ đau, đã quyết định tính chất và vai trò của Đảng, hướng đi lên chính xác của đất nước, cái kiên và cái cường của phong trào, độ vững và sức bật của dân tộc và mỗi con người.

Lúc này đây, đang có một sự khao khát trở về nguồn để bồi dưỡng cho mình sức mạnh đi tới, khi đến lượt chúng ta đây vươn cao lên để giải quyết tổng hợp những nhiệm vụ nặng nề và rộng lớn của thời kỳ mới, trực tiếp thực hiện những điều mơ ước - vì nó mà sống và chết - của những người cộng sản Việt Nam thuộc lớp đầu tiên.

Xin kể chuyện đơn sơ về thời dựng Đảng, một phác thảo với những tư liệu gần như để nguyên chất mộc. Người viết không dám làm văn và càng không phải là làm sử. Dựa vào những điều mà khoa học lịch sử Đảng đã nghiên cứu được, lại được sự chỉ đạo và giúp đỡ đầy tinh thần trách nhiệm của một số đồng chí cách mạng lão thành, trong điều kiện năng lực và thời giờ có hạn, tập hợp, đối chiếu và rút lại những nguồn tư liệu từ nhiều phía khác nhau, với tinh thần của tin yêu và khám phá, chỉ xin thử sống lại những sự kiện lớn và nhỏ của một thời cần nhớ lắm. Sống với giác quan của người phóng viên, bị hấp dẫn trước hết bởi cái thật, cái ý nghĩa, cái cụ thể; vừa bị cuốn hút theo, vừa cố gắng bắt mạch nó, cái bước chân đi thật khỏe của lịch sử.

Năm năm vĩ đại, 5 năm chuyển thế nước để Đảng ra đời. Cách mạng Việt Nam trải qua một thời kỳ mà

bất cứ cuộc cách mạng nước nào cũng phải làm như thế: lấy thế giới quan của giai cấp vô sản làm công cụ quan sát vận mệnh nước nhà, suy nghĩ lại những vấn đề của mình. Dưới ánh bình minh của chủ nghĩa mới, một giai cấp xóc tới soi hồn nước, chuyển thế nước và xoay vận nước. Giai cấp công nhân Việt Nam ta đó, rất non trẻ về tuổi, nhưng tràn đầy dũng khí sáng tạo, và, đối với nguyên lý Mác - Lê-nin, quả là có một sự giác ngộ thần đồng.

Như đồng chí Lê Duẩn đã khẳng định Đảng ta là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lê-nin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước trong những năm 20 của thế kỷ XX, ngay từ đầu, Đảng ta đã mang trong mình bản chất cách mạng và khoa học là hai thuộc tính căn bản nhất của một Đảng Mác - Lê-nin. Bản chất đó ngày càng phát triển cùng với cuộc sống chiến đấu sôi nổi, phong phú và không ngừng đi lên của giai cấp công nhân và dân tộc ta được thể hiện cụ thể và sinh động trong mỗi chặng đường cách mạng. Lịch sử xanh tươi cụ thể và sinh động, tự nó toát lên tinh thần đó.

Đội tiên phong của giai cấp chúng ta đâu có sinh ra trong nôi ấm, giường êm. Ngay từ những ngày trứng nước, Đảng đã nếm mật nằm gai, vào sinh ra tử. Nhưng sao mà cảm thấy một cái gì náo nức như mở hội trong đời. Chủ nghĩa cộng sản vốn là thanh xuân. Càng thanh xuân bởi vì năm 1925, Bác của chúng ta mới 35 tuổi; phần lớn tuyệt đối trong 211 người cộng

sản đầu tiên⁽¹⁾ đều mới bước vào tuổi đôi mươi, mười bảy. Tuổi “nghe nói đến cách mạng là muốn nhảy, muốn bay” như đồng chí Lê Duẩn đã tâm sự với thanh niên ta lúc bắt đầu đánh Mỹ.

Những khuôn mặt 1925 - 1930 mà chúng ta đã từng được hiểu qua từng gương chiến đấu cá nhân, càng ánh lên nét tinh thần mới, gắn bó với tập thể, với tổ chức, với phong trào, trước khúc rẽ của lịch sử. Với độ sáng tinh thần trong suốt, đội cận vệ già của chúng ta, ngày ấy, vượt qua mọi hạn chế của lịch sử, trong đấu tranh gan góc, đã tiêu biểu cho một kiểu người Việt Nam trẻ mới nhất. Họ chinh phục bằng cái đúng và cái mới của trí tuệ họ, bằng cả cái đẹp của tâm hồn họ. Càng muốn hút lòng ta ánh nước trong nguồn từ cái thuở bình minh trong như lọc ấy, khi dòng sông giờ đây đã cuộn cuộn khỏe, băng núi băng rừng, chở nặng phù sa, chảy qua bến bờ làm xanh tươi cuộc sống, tránh sao khỏi có khúc nổi lên vánh đục, củi mục trôi và rác rưởi.

Tấm lòng “vô sản”, như thời bấy giờ hay nói, là sống “mình vì mọi người” cao nhất.

Nhưng, cộng sản không phải chỉ có tấm lòng.

Đối với lớp người vạch đường lối, dựng tổ chức và nhen phong trào, cộng sản là ở cái đầu trước hết.

1 Xem dự thảo Lịch sử phong trào Cộng sản Đông Dương của Hồng Thế Kông, 1933.

Cái chí của họ: nghiêng vai đẩy cả một chế độ, và từ thuở đó sớm nhận ra sự cần thiết xây dựng một cách chính xác, khoa học, một động lực thật sự cách mạng đẩy cả xã hội tiến lên. Ngay từ trong trứng, Đảng đã biết tìm sức mạnh trong câu nói của Lê-nin, mà Nguyễn Ái Quốc đã ghi ngay trên trang bìa cuốn *Đường cách mệnh*: “Không có lý luận cách mệnh thì không có cách mệnh vận động...”. Ngay từ trong trứng, do say sưa nghiên cứu lý luận, do tiếp thu kinh nghiệm quốc tế đã được tổng kết, một bước trong thời đại bấy giờ, do cọ sát tư duy với thực tiễn đời sống và đấu tranh, và, trên hết, do niềm tin chắc nịch ở giai cấp mới ra đời, những người đầu tiên đã hiểu sâu sắc lòng đỏ của trứng là vấn đề tổ chức. “Ai nói cộng sản là nói tổ chức”. Vào khoảng những năm 1928, 1929, câu nói đó tự đâu mà ra, không biết, nhưng hết sức phổ biến. Người cách mạng gặp nhau chỉ bàn chuyện đó và thời ấy, đã bàn là dùng dùng quyết và làm.

Nhưng, điều rõ nhất là Đảng của chúng ta không thể nào không mạnh được, vì Đảng sinh ra đúng là trong hùng khí của một cao trào quần chúng mãnh liệt. Điều đặc biệt quan trọng - như nhận định của đồng chí Lê Duẩn - là Đảng ta đã sớm xác định được đúng phương pháp cách mạng. Khi khẳng định con đường cách mạng bạo lực tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền, Đảng ta không quan niệm cách mạng bạo lực chỉ là xây dựng lực lượng quân sự tiến hành đấu tranh vũ trang. Muốn tiến tới khởi nghĩa vũ trang, ngay từ đầu Đảng rất coi trọng xây dựng “đội

quân chính trị quần chúng” của cách mạng, dựa vào phong trào quần chúng từng bước xây dựng lực lượng vũ trang. Do đi đúng đường lối cách mạng bạo lực ấy mà Đảng ta, ra đời chưa bao lâu, đã phát động được một phong trào cách mạng sôi nổi của công nông khắp cả nước, những năm 1930 - 1931 mà đỉnh cao là Xô viết Nghệ Tĩnh. Chúng ta thấy rất rõ những người cộng sản Việt Nam, thoát giác ngộ là hăm hở lao vào quần chúng liên, đem đường lối mà mình tuyệt đối tin tưởng thâm nhập mạnh mẽ vào quần chúng giai cấp và nhân dân, xây dựng lực lượng cách mạng khắp cả nước, từ không đến có, từ nhỏ đến lớn, từ yếu đến mạnh. Ngay từ trong trứng, Đảng nhạy cảm và nắm đúng những nguyện vọng và yêu cầu cơ bản của nhân dân ta; biết giáo dục, tổ chức và động viên quần chúng nổi dậy tự mình thực hiện những yêu cầu ấy. Bởi vậy, dù phong trào bị chìm trong máu lửa, dù trong khủng bố trắng, đồng bào mình phải chịu đựng muôn vàn gian khổ, hy sinh, quần chúng - ngay từ cái thuở ban đầu không quên ấy - vẫn tin yêu và đi theo sự lãnh đạo của Đảng, tự trái tim mình, thừa nhận Đảng là con và người lãnh tụ tập thể. Sự gắn bó hai chiều ấy là di sản vĩ đại nhất mà thời dựng Đảng để lại, là sản phẩm quý báu nhất của hơn 80 năm lịch sử Đảng.

Và trên hết tất cả, chúng ta được gặp lại Bác ở ngọn nguồn bước ngoặt: lịch sử Việt Nam hiện đại giở sang trang mới hẳn. Với trình độ chung ngày nay, có lẽ chúng ta hiểu được hơn ý nghĩa sâu xa trong từng chi

tiết còn nắm được về những công việc Bác đã làm khi nhen lửa. Ngay từ hồi đó, ở Bác đã hiện rõ những nét in sâu trong lòng nhân dân ta về Bác sau này. Chúng ta được thấy Nguyễn Ái Quốc đến với mỗi người cộng sản bình thường, ở cương vị đảng viên nguyên chất, làm công tác Đảng, thạo năm bước công tác. Bác nêu gương gây cơ sở, phát triển Đảng, lãnh đạo tổ chức, ra báo, viết tài liệu, mở lớp huấn luyện, giải quyết công việc nội bộ, theo dõi và tổng kết phong trào theo kiểu của Bác nữa, làm cả việc móc nối đường dây liên lạc và đưa đón cán bộ. Bác là bậc thầy về hoạt động bí mật. Chúng ta được biết Bác còn làm nhiều việc khác cho phong trào chung, Bác vẫn dành nhiều sức mình, dựa vào quan hệ rộng và uy tín lớn, gây dựng tiền đồ cho Đảng. Chính Bác đã làm thêm việc - làm phóng viên quốc tế - để lấy tiền nuôi đồng chí trẻ, nuôi cách mạng thời măng sữa. Bấy giờ Bác chăm từng người, Bác bồi dưỡng từng người, Bác trông người trăm năm cho Đảng ta, cho dân tộc mới, cho nhân loại mới.

* *
*

Thưa Bác, Bác vẫn cùng chúng cháu hành quân.

Bác vẫn cùng chúng cháu xây dựng Đảng, xây dựng tổ chức, xây dựng phong trào.

Trong chặng đường khó khăn hiện nay phải chăng Bác vẫn dặn dò chúng cháu: cách mạng đâu có phải là con đường phẳng lì, cách mạng có thắng lợi mà cũng có vấp vấp, có thuận lợi mà cũng có khó khăn. Bác đã

dạy chúng cháu phải có tinh thần lạc quan cách mạng và tin tưởng sắt đá ở thắng lợi cuối cùng.

Trước khó khăn và phức tạp, bài học thời dựng Đảng của Bác đã chỉ cho chúng cháu: cán bộ phải đi sát dân, nêu cao phẩm chất đạo đức, sẵn sàng chịu đựng mọi khó khăn, làm người lãnh đạo mà cũng là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân.

Vinh dự và tự hào về thành phố được mang tên Bác, chúng cháu quyết tâm: Phát huy thế mạnh và khả năng của thành phố, phấn đấu để trong một tương lai không xa xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh thành một thành phố mạnh về mọi mặt, một thành phố xã hội chủ nghĩa có cơ cấu công - nông nghiệp hiện đại, có văn hóa, khoa học tiên tiến, một thành phố văn minh, hiện đại có tầm cỡ ở Đông Nam châu Á.

TÁC GIẢ

HAI CHỮ GIÁC NGỘ

— I —

Đi tìm hiểu về thời dựng Đảng, tôi thấy trước hết có một danh từ mà các nhà ngôn ngữ học có lẽ nên nghiên cứu số phận của nó. Danh từ đó xuất hiện ở nước ta từ bao giờ? Theo các đồng chí cách mạng lão thành kể lại, danh từ đó trước Cách mạng tháng Tám và nhất là thời kỳ trực tiếp trước và sau những năm 1930 - 1931, người ta hay dùng lắm. Từ ngày giành được chính quyền đến nay, các đồng chí nghiệm thấy rằng danh từ đó không hiểu sao biến khỏi đời sống. Các đồng chí hỏi tôi: Tại sao vậy? Đó là hai chữ *giác ngộ*, danh từ nhà Phật được chuyển dùng một cách có lẽ đắt hơn nhiều vào đời sống cách mạng.

Giác ngộ là gì? Là “*Mặt trời chân lý chiếu qua tim*”⁽¹⁾. Hàng vạn bạn trẻ chúng ta, từ trên ghế nhà trường, đã yêu câu thơ. Hàng nghìn lần các thầy giáo, cô giáo đã bình câu thơ đó. Nhưng...

1 Tố Hữu, *Từ ấy*, Nhà xuất bản Văn Học, năm 1964, trang 10.

Trường hợp giác ngộ tiêu biểu nhất là đồng chí Nguyễn Ái Quốc của chúng ta, làm nghề rửa ảnh, giữa mùa tuyết lạnh Pa-ri, sống trên căn gác nhỏ hẹp, nhà số 9 ngõ hẻm Công-poăng, sưởi bằng hòn gạch nung bọc giấy nhật trình, chăm chú đọc báo *Nhân Đạo*, mê mải nghiên cứu từ đầu đến cuối bản *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lê-nin. Thế là từ trong lòng phát ra một nguồn năng lượng vô tận, đi tới làm thay đổi cả cuộc đời chúng ta sau này. Bác đọc Lê-nin, xúc động quá, nước mắt giàn giụa trên hai gò má, buông tờ báo xuống, đứng phắt dậy, nói to lên như nói trước quần chúng đông đảo:

“Hỡi đồng bào bị đọa đày đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta”⁽¹⁾.

Lê-nin phát triển lý luận cách mạng trong thời kỳ đế quốc chủ nghĩa, đã bắc cầu cho Nguyễn Ái Quốc giác ngộ chủ nghĩa Mác. Cảm xúc mãnh liệt biểu thị một sự chói sáng trong trí óc, chuyển hóa cả một bộ máy tư duy, hút toàn bộ tinh lực con người về một cực.

Vào cùng một khoảng thời gian bừng sáng tinh thần Nguyễn Ái Quốc, thì tại Hà Nội năm 1919, toàn quyền Xa-rô đến trụ sở Hội Khai trí tiến đức, cảnh cáo dư luận nước ta lúc đó đang dấy một cảm tình đặc biệt đối với Cách mạng tháng Mười và Nhà nước công

1 Xem bài *Con đường dẫn tôi đến chủ nghĩa Lê-nin*, của Hồ Chủ tịch, trong *Hồ Chí Minh tuyển tập*, Nhà xuất bản Sự Thật, 1960.

nông Nga. Xa-rô nói những gì? Dân “An-nam” đừng có dại mà rơi vào cái “bẫy độc lập” của bọn “quá khích mà Lê-nin là đầu đảng”⁽¹⁾. Nó nói vô ích, vì cách mạng Việt Nam có ngồi đâu ở cái Hội Khai trí tiến đức, cái ổ tổ tôm điểm ấy.

Điều trở trêu của lịch sử là hai mươi năm sau, chính lại đích danh Xa-rô, khi đó làm Chủ tịch Quốc hội Pháp, xui tướng Pháp tên Đờ Lát họ Tát-xi-nhi giảng cái bẫy độc lập giả vờ bằng cách nới tí quyền cho Bảo Đại và xúc tiến việc xây dựng quân đội Sài Gòn. Sau thất bại ở mặt trận Biên giới năm 1950, thực dân Pháp đã nghĩ phải mau mau thay đổi màu da các xác chết. Theo hồi ký của tướng Pháp Ra-un Xa-lăng, cái khái niệm và từ ngữ “Việt Nam hóa chiến tranh” tiền bản quyền tác giả phải trả cho Đờ Lát, bố đẻ chính cống của quân đội Sài Gòn bấy giờ. Hóa ra Ních-xơn với Kít-xinh-giơ chỉ cóp lại một việc Pháp đã làm trước khi xảy ra Điện Biên Phủ. Để thực hiện cuộc “Việt Nam hóa” lần thứ nhất ấy, đích thân Xa-rô chẳng quản tuổi già lợm khộm, đã bay sang dự cuộc duyệt binh ban đêm cho lạ kiểu, bày ra ở Hà Nội năm 1951, vào đúng tối mừng một Tết Nguyên đán, cho hợp với phong tục Việt Nam, do Đờ Lát, vốn chuộng hình thức, nghĩ ra. Trước Xa-rô và Đờ Lát ngồi chễm chệ trên khán đài cao, có Nguyễn Hữu Trí ghé vào bên cạnh, đã từng ác ề mấy thằng “*pác-ti-dăng*” như Nguyễn

1 Xem *Giai cấp công nhân Việt Nam* của Trần Văn Giàu, Nhà xuất bản Sự Thật, 1958.

Văn Thiệu, Trần Thiện Khiêm, Đỗ Cao Trí, v.v... nhờ chính sách “Việt Nam hóa” của bố đẻ Đờ Lát mới được mang lon úy quân đội liên hợp Pháp⁽¹⁾.

Chiến thắng Điện Biên Phủ thật sự bắt nguồn từ một trận đụng độ xa xưa, trận đụng độ Nguyễn Ái Quốc - Xa-rô. Sách Trần Dân Tiên⁽²⁾ kể lại chuyện xảy ra năm 1922: “Ông (Nguyễn Ái Quốc) nhớ lại một hôm, Xa-rô, bộ trưởng thuộc địa Pháp, đã nói với ông: “Nước Pháp rất khoan hồng. Nước Pháp rất muốn làm những việc cải cách. Nhưng nước Pháp sẽ không tha thứ cho những người nào từ Pa-ri đến Mô-xcu, và từ Mô-xcu đến Quảng Châu, từ Quảng Châu đến Đông Dương (y vừa nói vừa lấy ngón tay vẽ một bản địa đồ trên bàn - đồng chí Nguyễn Ái Quốc nhấn mạnh chi tiết này; phải chăng Xa-rô đã vẽ đường trước?) kiếm cách gây nên những sự rối loạn”. Trận đụng độ ấy, thật ra, nẩy lửa hơn nhiều. Cụ Phan Văn Trường, hồi đó ở ngay cạnh buồng trọ của Hồ Chủ tịch, ngõ hẻm Công-poăng, kể lại với đồng chí Bùi Lâm⁽³⁾: “Xa-rô

1 Xem *Hồi ký của Ra-un Xa-lăng*, Pa-ri, 1970.

2 Xem *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch* của Trần Dân Tiên, Nhà xuất bản Văn Học, 1969.

3 Bài *Gặp Bác ở Pa-ri*, Bùi Lâm kể, trong tập *Bác Hồ*, Nhà xuất bản Văn Học, 1960.

Trong *Vừa đi đường, vừa kể chuyện*, của T. Lan, tác giả thuật lại là Bác có nói rõ về sự kiện này như sau:

“Thượng thư thuộc địa mất thì nhìn Bác chăm chăm, tay thì vẽ trên bàn, miệng thì nói như phun ra lửa. Y nói đại ý như sau:

“Hiện nay có những kẻ ngông cuồng hoạt động ở Pháp. Họ liên lạc với bọn bôn-sê-vích ở Nga. Từ Nga họ liên lạc với Quảng Đông. Và từ Quảng Đông họ liên lạc với Việt Nam. Chính phủ Pháp biết rõ hết những dây liên lạc đó! Họ âm mưu phá rối trật tự trị an ở Đông Dương và chống đối lại nhà nước bảo hộ. Nước mẹ Đại Pháp rất

nó giơ bàn tay rồi nghiền răng rất chặt lại, xoay một vòng, ra ý bóp nát và bảo anh Nguyễn Ái Quốc: nước Pháp, có đủ sức mạnh”. Mặc nó dọa, anh Nguyễn Ái Quốc vẫn hoạt động, vẫn chống lại. Nó bèn quay sang mua chuộc, vuốt ve thì anh đập thẳng vào mặt nó: “Tôi không cần ơn huệ, tôi tự đi làm cũng đủ sống. Tôi không cần gì hết. Tôi chỉ đòi độc lập cho dân tộc Việt Nam”. An-be Xa-rô, cái tên thét ra lửa ấy, bị bẽ mặt, ức lắm, nhưng phải chịu cứng.

khoan hồng, nhưng sẽ không tha thứ những kẻ gây rối loạn... Nước mẹ Đại Pháp đủ sức để bẻ gãy họ, như thế này...”.

Nói đến đó vẻ mặt y hầm hầm, hai tay nắm lại và làm như đang bẻ những vật gì rất cứng rắn - những người cách mạng Việt Nam...

Bác giữ thái độ ung dung, cứ mỉm cười, để mặc y nói.

Cái mỉm cười trước những lời đe dọa làm cho thượng thư thuộc địa càng bức, càng sợ. Khi ông ta tạm dứt lời; Bác hỏi: “Ngài xong rồi chứ?”.

Là một nhà chính trị cáo già, ông ta đổi giọng và nói một cách ôn tồn: “Tôi rất thích những thanh niên có chí khí như ông. Có chí khí là tốt, nhưng còn phải “thức thời” mới ngoan.Ồ này! Khi nào ông có cần gì, tôi luôn luôn sẵn sàng giúp đỡ ông. Từ nay, chúng ta đã quen biết nhau, ông không nên khách sáo...”.

Bác nói: “Cảm ơn ngài! Cái mà tôi cần nhất trên đời là: Đồng bào tôi được tự do, Tổ quốc tôi được độc lập. Kính ngài ở lại, tôi xin phép về”.

Trên đường về, ngồi trong xe điện dưới hầm (mê-tơ-rô) Bác cười trong bụng: “Con cáo già thuộc địa đã đoán trúng ý định của mình!”.

Về việc Bác rời Pháp đi Liên Xô như thế nào, T. Lan thuật lại rõ thêm: Một hôm, Trung ương Đảng Cộng sản Pháp gọi đến và nói:

“Đồng chí sẽ được đi dự Đại hội lần thứ năm của Quốc tế Cộng sản, với danh nghĩa là đại biểu của dân tộc thuộc địa”.

Tin mừng đó làm cho Bác sung sướng ngất trời!

... Hôm đó, hai tay dứt túi, Bác ung dung lên xe buýt đi tham gia một cuộc mít tinh, ở ngoại ô Pa-ri. Độ nửa giờ sau, Bác lặng lẽ đi quanh về ga xe lửa. Một đồng chí tin cẩn đã chờ sẵn ở đó, trao cho Bác một vé xe lửa hạng nhất (vì hạng nhất chỉ có những khách sang trọng, ít bị tình nghi) và một cái va li con... Bác cố trấn tĩnh, nhưng đến khi xe lửa qua khỏi biên giới Pháp - Đức, trong ngực mới hết phập phồng! (Báo Nhân Dân, tháng 5-1961).

PHAN BỘI CHÂU, trong *Niên biểu* của ông, kể lại: cậu bé Nguyễn Tất Thành mà cụ biết từ thuở nhỏ, ngày ở làng Sen và làng Chùa đất Nghệ, rất thích hai câu thơ của Tù Viên mà cụ thường ngâm:

Mỗi phạn bát vong duy trúc bạch

Lập thân tối hạ thị văn chương.

(Mỗi bữa chỉ không quên sử sách

Lập thân hèn nhất ấy văn chương)

Đối với cụ Phan, câu thơ nói lên lòng thù ghét văn chương cử nghiệp thời bấy giờ. Ở Bác, có lẽ từ câu thơ thuở nhỏ nhen lên cái không thích hô hào suông, cái ham muốn hành động và hành động có hiệu quả.

Cho nên, mặc dù Xa-rô cho thám tử theo dõi Bác sát từng ngày - báo cáo lưu trữ ở Pa-ri còn đủ cả - Nguyễn Ái Quốc vẫn biến mất như thường và xuất hiện trên một con tàu Liên Xô trong đêm trắng vượt biển Ban-tích. Ngồi trên con tàu biển mà mọi cung cách đều khác hẳn con tàu Pháp mà Bác đã rời nước ra đi “không va li, không hành lý”, Bác có lẽ vui lòng lắm, nghĩ đến sẽ được được tác giả bản *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa*. Gặp Lê-nin, sẽ nói với Người những gì?

Điều chủ yếu mà Bác của chúng ta có thể dự định nói lên với Lê-nin, Bác đã diễn đạt trước diễn đàn của Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ năm (từ 17-6 đến 8-7-1924). Vấn đề thực tiễn, vấn đề hành động! “Trong tất cả các nước thuộc địa của Pháp nạn đói nghèo đều tăng, sự phẫn uất ngày càng lên cao, sự nổi dậy của người dân bản xứ đã chín muồi. Trong nhiều

nước thuộc địa, họ đã nhiều lần nổi dậy nhưng lần nào cũng bị tắt trong máu. Nếu hiện nay nông dân vẫn còn ở trong tình trạng tiêu cực, nguyên nhân là vì họ còn thiếu tổ chức, thiếu người lãnh đạo. Quốc tế Cộng sản cần giúp đỡ họ tổ chức nhau lại, cần phải cung cấp cán bộ lãnh đạo cho họ và hướng dẫn họ đi tới cách mạng, đi tới giải phóng”⁽¹⁾.

Đề nghị của đồng chí Nguyễn Ái Quốc được Đại hội Quốc tế Cộng sản lần thứ năm hoàn toàn chấp thuận. Một tiếng vang từ xa dội đến Mát-xcơ-va làm cho ý kiến của Nguyễn Ái Quốc có thêm sức nặng: tiếng bom Phạm Hồng Thái.

Về tiếng bom này, cụ Phan có viết trong *Phan Bội Châu niên biểu* một bài văn rất cảm kích, thuật lại và

1 Xem *Thử tìm xem - Hồ Chủ tịch đã tiếp thu chủ nghĩa Lê-nin và truyền bá vào Việt Nam như thế nào?* của Trung Chính (Nghiên cứu lịch sử, số 132, tháng 5 và 6-1970).

Trong *Vừa đi đường, vừa kể chuyện*, có thuật lời Bác nói rõ thêm về sự kiện này:

Tháng 6 năm 1924, Đại hội lần thứ năm của Quốc tế Cộng sản họp ở Mát-xcơ-va, có đại biểu của 49 Đảng cộng sản đến dự.

... Phát biểu ý kiến, Bác trình bày trước Đại hội tình hình chung của các nước đế quốc và các nước thuộc địa, cùng tình hình riêng của Đông Dương, nêu những việc các đảng cộng sản đã làm được và những điều thiếu sót đối với phong trào cách mạng ở các thuộc địa.

Kết luận, Bác đề ra năm yêu cầu đối với Đảng Cộng sản Pháp:

- Báo Đảng thường xuyên đăng những bài về vấn đề thuộc địa.
- Tăng cường tuyên truyền và kết nạp vào Đảng những phần tử tốt ở những thuộc địa có chi bộ Đảng.
- Gửi một số đảng viên ở các thuộc địa đến Mát-xcơ-va học.
- Tổng công hội (thống nhất) Pháp kết nạp những công nhân thuộc địa ở Pháp vào hội, để giáo dục họ.
- Đặt nhiệm vụ cho các đảng viên phải quan tâm hơn nữa đến vấn đề thuộc địa.

Sau Đại hội, những vấn đề đó đều được thực hiện dần dần”.

ca ngợi hành động của người liệt sĩ trẻ họ Phạm. Đây là nhận định của nhà cách mạng già: “Liệt sĩ đã làm được việc, thế là đã được mục đích rồi”. Cụ Phan chỉ nhìn thấy ảnh hưởng tiếng bom Sa Diện đối với thế giới bên ngoài mà thôi! “Người thế giới biết có người Việt Nam và biết có Đảng cách mạng Việt Nam là do việc này. Việc này thật có sức tuyên truyền mãnh liệt. Vị đại sứ nước Nga là ông Gia Lạp Hãn⁽¹⁾ nghe được tin này nói: “Đủ biết việc này có ảnh hưởng rất là to lớn”⁽²⁾.

Từ Mát-xơ-va năm 1924, Nguyễn Ái Quốc nghĩ thế nào về Phạm Hồng Thái? Sách Trần Dân Tiên thuật lại lời Bác: “Việc đó tuy nhỏ, nhưng nó báo hiệu thời đại đấu tranh dân tộc, như chim én nhỏ báo hiệu mùa xuân”⁽³⁾.

“Việc nhỏ mà ý nghĩa to” thúc giục Người khẩn trương thu xếp về với quê hương.

Đại hội Quốc tế Cộng sản vừa họp xong, Đông phương bộ thành lập, là Bác lên đường đi ngay về phía Đông. Bác có dừng lại I-a-cút (Xi-bia) là nơi có

1 Theo đồng chí Nguyễn Lương Bích, trong *Phan Bội Châu niên biểu*, cụ Phan phiên âm là Lạp Gia Hãn, tên Nga là Lép Mi-khai-lô-vích Ca-ra-khan, người đã ký mấy văn kiện ngoại giao quan trọng ngày 31-5-1924 với Chính phủ Trung Hoa do Tào Côn đứng đầu lúc bấy giờ (thư gửi chúng tôi ngày 20 tháng 1 năm 1975).

Tài liệu chúng tôi tìm ra được nói rõ thêm: “Ca-ra-khan, viên ngoại giao khôn khéo nhất của người Xô viết, một người Thổ Ác-mê-ni, mà cả chính sách tựu trung là giúp Trung Quốc đuổi người nước ngoài”.

(Xanh Y-vơ, báo Pháp CÔNG LỢI, ngày 27-11-1925).

2 *Phan Bội Châu niên biểu*, theo *Phan Bội Châu và một giai đoạn lịch sử chống Pháp của nhân dân Việt Nam*, của Tôn Quang Phiệt, Nhà xuất bản Văn Hóa, 1958.

3 Xem Trần Dân Tiên, sách đã dẫn.

nhà máy thủy điện khổng lồ Brát bây giờ. Thành phố vào năm 1924 hầy còn nhiều nhà gỗ, xe hơi hầu như không có, trong phố người ta đi lại bằng xe ngựa và cả xe trượt tuyết do hươu kéo nữa. Nhưng việc khôi phục đất nước Liên Xô sau chiến tranh đã giành được thành công quyết định. Đi từ Bắc xuống Nam qua dải đất Trung Quốc mênh mông năm đó là đi qua một cơn lốc. Tháng 9 năm 1924, sau cuộc chiến tranh Tô Châu - Triết Giang vừa chấm dứt, đang xảy ra kịch chiến ở Sơn Hải Quan giữa quân Hệ Trục và quân Hệ Phụng. Bác qua Sơn Hải Quan như thế nào nhỉ? Quân phiệt Bắc Dương đang đánh nhau lung tung. Cả nước đòi hỏi cách mạng. Quốc Cộng đang hợp tác. Tôn Trung Sơn lên Bắc. Tài liệu của Quốc tế Cộng sản ghi Bác đến đất Quảng Châu vào giữa tháng 12 năm 1924⁽¹⁾. Quảng Châu, nơi bùng nổ cách mạng của Trung Quốc lúc bấy giờ. Trường Hoàng Phố đã thành lập từ đầu năm 1924.

Ngày 18 cùng tháng 12 đó, Nguyễn Ái Quốc tại Quảng Châu ghi trong tài liệu lịch sử ký tên Người: “Tôi đã gặp tại đây vài ba nhà cách mạng quốc gia An Nam, trong số này có một người đã xa rời xứ sở từ ba mươi năm nay. Trong thời gian đó, ông ta đã tổ chức nhiều cuộc nổi dậy chống Pháp. Tất cả những cuộc nổi dậy ấy đều đã đưa tới cái chết của mấy tên sĩ quan và binh lính Pháp...”⁽²⁾.

1 Xem thư của đồng chí Nguyễn Ái Quốc gửi Đoàn Chủ tịch Quốc tế Cộng sản, ngày 18-12-1924.

2 Xem thư của đồng chí Nguyễn Ái Quốc gửi Đoàn Chủ tịch Quốc tế Cộng sản, ngày 18-12-1924.

Nhà cách mạng xa xứ ba mươi năm đó chính là cụ Phan Bội Châu. Cụ Phan là người mà luật sư Bô-na, tại phiên tòa của Hội đồng đề hình ngày 23 tháng 11 năm 1925 bào chữa cho cụ, đánh giá: “Trong mấy chục năm gần đây, lịch sử Phan Bội Châu đã hòa làm một với lịch sử của dân tộc Việt Nam”⁽¹⁾. Quả như thế, cụ chính là một sợi chỉ vàng xuyên qua đủ các phong trào yêu nước trước năm 1925. Cụ đã liên lạc với Cường Để Đông du, qua Hoàng Hoa Thám đến cuộc vận động dân chủ của Phan Châu Trinh và Đông

1 Tại phiên tòa này, Bô-na còn nói: “Dẫu tôi là người Pháp, đối với Phan Bội Châu, tôi cũng phải hâm mộ. Tôi hâm mộ là hâm mộ cái thân thể quang minh, cái tinh thần cao thượng, cái nghị lực bất di, bất khuất đã từng tỏ ra trong các việc làm của đời Phan...” (Tôn Quang Phiệt, sách đã dẫn).

Trong bài *Những trò lố hay Va-ren và Phan Bội Châu* (báo *Người cùng khổ*, số 36 - 37, tháng 9 và tháng 10-1925) đồng chí Nguyễn Ái Quốc có viết:

“Do sức ép của công luận ở Pháp và ở Đông Dương, ông Va-ren đã nửa chính thức hứa sẽ chăm sóc vụ Phan Bội Châu... Ôi thật là một tấn kịch! Ôi thật là một cuộc chạm trán! Con người đã phản bội giai cấp vô sản Pháp, tên chính khách đã bị đồng bọn đuổi ra khỏi tập đoàn, kẻ đã ruồng bỏ quá khứ, ruồng bỏ lòng tin, ruồng bỏ giai cấp mình, lúc này mặt đối mặt với người kia, con người đã hy sinh cả gia đình và của cải để xa lánh khỏi thấy mặt bọn cướp nước mình, sống xa lìa quê hương, luôn luôn bị lũ này săn đuổi, bị chúng nhử vào muôn nghìn cạm bẫy, bị chúng kết án tử hình vắng mặt, và giờ đây đang bị, vẫn chúng, đeo gông lên vai, dầy dọ trong nhà giam, ngày đêm bị bóng dáng của máy chém như một bóng ma ám kẻ bên cổ... kẻ phản bội nhục nhã và bậc anh hùng, vị thiên sứ, đáng xả thân vì độc lập, được 20 triệu con người trong vòng nô lệ tôn sùng...” (trích bản dịch của Phạm Huy Thông, trong *Nguyễn Ái Quốc, truyện và ký*, Nhà xuất bản Văn Học, 1974).

Theo Trần Văn Giàu, sách đã dẫn: “Bị giam lỏng ở bờ sông Hương, có nhiều thanh niên đến thăm cụ (Phan Bội Châu) hỏi vậy “Cụ về thì ở ngoại quốc còn ai để dẫn dắt đồng bào?”, cụ trả lời: “Còn Nguyễn Ái Quốc, Nguyễn Ái Quốc giỏi hơn tôi”.

Kinh nghĩa thực. Cụ đã thành lập Việt Nam Quang phục hội, ảnh hưởng đến những phong trào Phan Xích Long ở trong Nam, âm mưu của vua Duy Tân năm 1916 và phong trào Lương Ngọc Quyến và Đội Cấn năm 1917 ở Thái Nguyên. Sau cách mạng tháng Mười và nhờ ảnh hưởng của cách mạng Trung Quốc, cụ đã chuyển sang tìm hiểu chủ nghĩa xã hội. Ảnh hưởng tinh thần của cụ rộng lớn, vì bầu tâm huyết mà quốc dân cảm động và vì văn chương yêu nước thống thiết. Cụ quan niệm làm cách mạng là: “Nướng nhiệt thành có thể làm khô bể, gây đoàn thể có thể vá lại trời”. Về cuối đời, ông già Bến Ngự, soi mình xuống dòng sông Hương, tự nhận xét: “Than ôi! Lịch sử của tôi là lịch sử một trăm thất bại mà không một thành công”.

— II —

Đồng chí Nguyễn Ái Quốc gặp cụ Phan ở bên làn nước Tây Hồ, Hàng Châu (Trung Quốc) tại nhà cụ Hồ Học Lãm. Cụ Phan không quên cậu Thành, con ông Phó bảng Sắc, đồng hương Nam Đàn. Vào năm 1925, cụ Phan 58 tuổi và Nguyễn Ái Quốc 35 tuổi. Hai thế hệ trẻ già cách nhau là đi ngót nghét một phần tư thế kỷ.

Tài liệu lịch sử đề ngày 18-12-1924, ký tên Nguyễn Ái Quốc, ghi lại về cuộc gặp gỡ với cụ Phan như sau: “Trong cuộc bàn luận, tôi trình bày với ông về sự cần thiết của tổ chức và sự vô ích của những hành động không có cơ sở. Ông đã đồng ý”. Và hai người đã thống

nhất với nhau “những việc mà chúng tôi cùng nhau tiến hành”⁽¹⁾.

Đồng chí Vương Thúc Oánh, người số 7 trong nhóm chín người Cộng sản đoàn mà Bác tổ chức ở Quảng Châu, cho biết lần gặp ở Quảng Châu, cụ Phan đưa cho đồng chí Nguyễn Ái Quốc một bản “*Quốc dân đảng giản chương*” bằng chữ Hán, do cụ thảo. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc có xem, thấy nhiều chỗ không hợp lý, đọc xong trả lại. Đến đầu mùa hạ năm 1925, cụ Phan dự định đến Quảng Châu để dự giỗ đầu Phạm Hồng Thái và mong gặp Nguyễn Ái Quốc một lần nữa. Nhóm thanh niên thuê khách sạn đón cụ, phân công các đồng chí Oánh và Hồ Tùng Mậu chuẩn bị tiếp và đưa cụ đi chơi thành phố.

Khi chuẩn bị đón cụ Phan, đồng chí Nguyễn Ái Quốc nhận xét với đồng chí Mậu và đồng chí Oánh: “Cụ Phan hiện nay tuổi tác đã già, khó mà hấp thụ trào lưu tư tưởng mới. Cụ có xem báo chí nói về giai cấp, về cộng sản nhưng cụ chẳng hấp thụ gì được mấy. Vả lại cụ thật thà quá, dễ lộ bí mật”⁽²⁾.

Đúng một ngày trước khi giỗ đầu Phạm Hồng Thái, ngày 18-6-1925, cụ Phan bị bắt trên đường từ Hàng Châu đi Quảng Châu, tại ga xe lửa Bắc Thượng Hải. Bốn tên mật thám Pháp giả lái tắc xi đi đón khách về khách sạn của Pháp, nói tiếng Trung Quốc mời cụ lên

1 Thư đã dẫn, ngày 18-12-1924.

2 Xem *Tự thuật của ông Vương Thúc Oánh*, Trần Ngọc Chương ghi xong ngày 28-8-1962 (tài liệu của Viện Bảo tàng Cách mạng Việt Nam).

xe, cụ Phan từ chối. Chúng đẩy cụ lên xe, lái vào tô giới Pháp, rồi đưa cụ xuống tàu binh Pháp chờ ở bến Ngô Tùng, đưa về Hải Phòng⁽¹⁾.

Nhờ quen một người ở dưới tàu, cụ làm bài thơ gửi chủ bút báo *Quân sự Hàng Châu* mà hàng ngày cụ cộng tác. Bài thơ thuật lại vụ bắt cóc và kêu cứu:

*... Nếu tôi mà có nước, sao đến nhục thế này?
Tôi chết chả tiếc gì, sợ môi hở răng lạnh.
Trung Hoa rộng bao la, không che chở mấy may?
Thở chết, cáo lộu hồn. Bình cạn, lộ xấu hổ⁽²⁾.*

1 Xem Tôn Quang Phiệt, sách đã dẫn.

2 Toàn văn bản dịch bài thơ như sau:

“Chạy vậy hai mươi năm, kết quả một cái chết,
Thương thay! Người mất nước, tính mạng như kiến mối,
Tôi gặp vận dương cửu; nước mất khi bé dại;
Sống chung với nô lệ, nhìn trời đất xấu hổ,
Giận lông cánh chưa đầy, cũng đánh liều không sợ
Diệt Tề mưu chưa xong, còn nuôi chí đâm Tần,
Hô hào hơn mười năm, đồng bào bèn nổi dậy,
Nhờ đó gọi hồn nước, cường quyền lấy làm căm,
Rào lưới khắp non sông, gai góc đầy trời đất
Một ngành nhờ vào đâu? Nhờ vào bên nước lớn.
Mình sống trong trời đất, sao lom khom thế này?
Hôm nay đi Hồ Tân, tàu vừa đến Bắc Trạm,
Một xe hơi chạy lại, có bốn tên hung đồ,
Đẩy bắt người lên xe, chạy vào lãnh thổ Pháp
Thân vào trong rào sắt, giá trị như lợn gà.
Nếu tôi mà có nước, sao đến nhục thế này?
Tôi chết chả tiếc gì, sợ môi hở răng lạnh.
Trung Hoa rộng bao la; không che chở mấy may,
Thở chết, cáo lộu hồn. Bình cạn, lộ xấu hổ”.

(Tôn Quang Phiệt, sách đã dẫn).

Bài thơ đăng lên báo Hàng Châu. Dư luận Trung Quốc kịch liệt phản đối thực dân Pháp. Bọn này chối phắt, phao tin người bị bắt là một Trần Văn Đức nào đó. Tờ báo chữ Pháp *Bản tin Hải Phòng* đăng tên cụ Phan lên. Đồng thời thơ văn Sào Nam cũng từ nhà pha Hỏa Lò truyền ra ngoài. Dư luận Hà Nội sôi sục. Thực dân Pháp bị động. Chúng phải lập Hội đồng đề hình do quan cai trị hạng nhất Bơ-ri-đơ chủ tọa. Bơ-ri-đơ, ta còn gặp lại hần nhiều, sau này ngồi xử nhiều phiên tòa đề hình buộc tội các chiến sĩ Việt Nam Quốc dân đảng và Đảng Cộng sản Đông Dương. Một trong tứ quý khét tiếng hồi bấy giờ: nhất Đắc (Đắc-lơ, công sứ Thái Nguyên); nhì Ke (Éc-ke, đốc lý Hà Nội); tam Be (Vin-tơ-rơ-be, công sứ Hưng Yên và Bắc Ninh); tứ Bích (Bơ-ri-đơ, năm 1925 làm giám đốc các viện chính trị và hành chính Bắc Kỳ).

Bơ-ri-đơ buộc tội cụ Phan chủ mưu các vụ bạo động giết binh lính Pháp từ năm 1913 trở về trước, để luận án khổ sai chung thân. Khi tuyên án đó, từ trong công chúng, một người nhẩy ra trước vành móng ngựa xin chịu án thay cho cụ. Đó là ông Tú Nguyễn Khắc Danh (Tú Khắc) quê ở Nam Định. Trước tòa, cụ Phan tự bào chữa đỉnh đạc, đàng hoàng, lập luận rằng chỉ phản đối chính phủ Pháp bằng chính trị, chứ không chủ trương bạo động. Cách nói khẳng khái: “Nếu trong tay tôi có mười vạn thủy quân, mười vạn lục quân, binh tinh lương túc, súng đạn đủ nhiều, tàu chiến có, tàu bay có, thì tôi sẽ hạ chiến thư,

đường đường chính chính, tuyên chiến với chính phủ Pháp thật đấy”⁽¹⁾.

Mười vạn thủy quân, mười vạn lục quân?

Năm đó, ở toàn cõi Đông Dương, có 15.000 người Pháp và 4.500 lính Pháp.

* * *

Làm thế nào để có mười vạn thủy quân, mười vạn lục quân? Dân số Việt Nam năm 1925: 20 triệu.

Theo thống kê của Sở Lao động Đông Dương vào thời bấy giờ (số liệu năm 1929), tổng số công nhân ở nước ta là 22 vạn người, trong số đó có 53.000 thợ mỏ, 86.000 thợ nhà máy và viên chức các ngành thương nghiệp và 81.000 công nhân các đồn điền trồng cây công nghiệp.

Năm 1925 chứng kiến một sự chuyển biến về chất trong phong trào công nhân. Tháng 8, phong trào cách mạng Trung Quốc lên mạnh, thực dân Pháp quyết định

1 Kết luận lời tự bào chữa, cụ Phan nói:

Nếu tôi là người có tội, chỉ có 4 tội sau này:

- 1- Chính phủ Pháp sang bảo hộ nước Nam mà tôi lại muốn cho nước Nam độc lập.
- 2- Nước Nam xưa nay là theo chính thể chuyên chế mà tôi muốn cho nước Nam thành ra một dân quốc.
- 3- Nhà nước cấm không cho người đi du học ngoại quốc mà tôi trốn đi và rủ học sinh du học.
- 4- Tôi trước lập thư ngôn để cổ động dân nước Nam thức dậy, yêu cầu chính phủ cải lương chính trị, làm hết cái “thiên chức khai hóa” của mình. (Tôn Quang Phiệt, sách đã dẫn).

gửi gấp tàu chiến Pháp sang bảo vệ các tô giới của Pháp. Tàu Mi-sơ-lê vừa ở Pháp sang phải vào sở Ba Son sửa chữa gấp để đi Trung Quốc ngay. Chủ trương của Công hội Sài Gòn mà đồng chí Tôn Đức Thắng - người kéo cờ nghĩa trên Hắc Hải - là một trong những người lãnh đạo, quyết định nổ ra bãi công để tỏ cảm tình với cách mạng Trung Quốc. Toàn thể công nhân xưởng Ba Son thuộc nhà binh Pháp tụ tập trên đường Luy-rô dọc theo xưởng, đưa yêu sách đòi tăng lương 20%, đòi bố trí lại lao động trong các xưởng, đòi nghỉ sớm 15 phút ngày lĩnh lương và đòi trả lương tất cả những ngày bãi công. Để làm áp lực cho bản yêu sách, bãi công toàn thể quyết định từ ngày 4-8. Thống đốc Nam Kỳ và tư lệnh hải quân Pháp phải đích thân đến gặp đại biểu công nhân. Mới đầu, hăm dọa đóng cửa xưởng, đuổi hết thợ. Được sự ủng hộ nhiệt liệt của toàn thể công nhân và lao động Sài Gòn, cuộc đấu tranh được giữ vững. Giới chủ sửng sốt vì lần đầu thấy bãi công kéo dài. Cuối cùng, nhà binh Pháp phải nhượng bộ, tăng lương 10%, thỏa mãn các yêu sách khác, trả lương tất cả những ngày thợ nghỉ việc. Thợ Ba Son vào làm việc lại nhưng vẫn lãn công. Tàu Mi-sơ-lê nằm bẹp, mãi đến ngày 28-11 mới xuống nước ra khơi được.

Báo chí của bọn thực dân Pháp ở Sài Gòn kêu la hoảng hốt về tính chất chính trị và phản chiến rõ rệt của cuộc đấu tranh này. Báo *Vô tư* ngày 6-8-1925 ghi lại: “Cuộc bãi công xảy ra trong lúc bạn đồng nghiệp *Nhật báo* bên Pháp loan tin viên chủ tịch Quốc tế Cộng sản mới tuyên bố rằng: Ngày nay Trung Quốc nổi dậy, ngày mai sẽ tới lượt Đông Dương, Ấn Độ nổi dậy”.

77 năm sau khi *Tuyên ngôn cộng sản* của Mác và Ăng-ghen ra đời, thực dân Pháp linh cảm rõ: một “bóng ma” ám ảnh Đông Dương “của chúng”.

“Tình hình nghiêm trọng. Những cuộc khởi nghĩa có thể nổ ra ở bên trong Đông Dương sẽ còn làm cho tình hình càng trở nên nghiêm trọng hơn nữa... làm tan rã một trong những thuộc địa đẹp nhất mà người châu Âu có thể thực hiện” (Xanh Y-vơ, báo tiếng Pháp *Công Lợi*, số ra ngày 25-11-1925).

“Quả bom ở Quảng Châu ném vào quan toàn quyền Méc-lanh đã gây nên một ảnh hưởng rộng lớn trong người bản xứ... Nếu xét về kết quả của sự tuyên truyền cộng sản thì cái nơi yếu nhất, dễ lung lay nhất trong cả hệ thuộc địa của ta chính là Đông Dương” (U-tơ-rây, nghị sĩ thuộc địa Nam Kỳ tại Hạ viện Cộng hòa thứ ba Pháp - báo *Thời báo châu Á*, số ra ngày 29-11-1925).

* *
*

Chính phủ Pháp phải cho Méc-lanh mất nhân tâm về vườn và cử Va-ren, đảng viên Xã hội, sang thay làm toàn quyền Đông Dương.

Trước khi xuống tàu, Va-ren huênh hoang như sau (các báo ngày 1-8-1925 bắt buộc phải đăng): “Chính vì tình hình đặc biệt ở Đông Dương mà tôi được cử làm toàn quyền. Tôi sẽ ngăn ngừa phong trào bôn-sê-vích. Sự bổ nhiệm tôi làm toàn quyền hình như đã có hiệu quả tốt ở Đông Dương”.

Ảnh hưởng tốt, họa chẳng trong một bộ phận giới tư sản Việt Nam đang đậm đặc ngoi lên, ngại phong trào quần chúng, và không ngần ngại ôm chầm lấy chân đế quốc. Nhượng Tống, sau này thân Nhật, lúc đó viết trên tờ *Thực nghiệm dân báo* (xu hướng Việt Nam quốc dân đảng), ngày 23-1-1926: “Tôi thường nghe lỏm rằng: giống trùng tiêm để phòng bệnh dịch tả tức là trùng dịch tả mà nuôi cho hết dịch, hết độc. Giống trùng tiêm để phòng bệnh đậu mùa tức là trùng đậu mùa mà luyện cho tinh thuần. Chủ nghĩa cộng sản với chủ nghĩa xã hội chẳng phải là gốc ở tư tưởng của Mã Khắc Tư (C.Mác) mà sau chia đường rẽ lối hay sao? Nếu ví vào trùng bệnh thì cộng sản là con trùng bệnh còn hăng, tính còn dữ, mà xã hội là con trùng đã hết tính độc, đã thuần. Ông Va-ren ôm cái chủ nghĩa xã hội qua đây chính là một vị danh sư đã sẵn có thứ thuốc hay để phòng bệnh cộng sản rồi vậy. Chúng tôi mong rằng ông mau mau đem thứ thuốc ấy mà tiêm cho tâm lý chúng tôi mấy phát kéo cái bệnh thể của nhân dân Đông Pháp hình như đã cảm mạo rồi đấy”.

Thái độ của nhân dân ta là thái độ của đồng chí Nguyễn Ái Quốc ở Đại hội Tua năm trước. Độc lập dân tộc, đày hòn đá thử vàng. Lừa mị ám ố nhân dân ta thế nào được. Chủ nghĩa thực dân kiểu Quốc tế thứ hai ngó ra trước đấu tranh chính trị của quần chúng. Va-ren đến Hà Nội bị đập vỡ mặt liền. Hàng trăm biểu ngữ: “Thả cho Phan Bội Châu. Đả đảo chính sách thuộc địa bằng roi vọt” dí vào mũi ngài đảng viên Xã hội⁽¹⁾.

1 Xem Tôn Quang Phiệt, sách đã dẫn.

“Cũ ấy vào tháng bảy dương lịch - trích hồi ký *Nhân dân ta rất anh hùng* của Hoàng Quốc Việt - từ trên Hà Nội có liên lạc xuống bảo chúng tôi làm đơn xin ân xá cho cụ Phan. Vừa gặp lúc Va-ren ra Đồ Sơn nghỉ mát. Thế là tất cả học sinh chúng tôi, mới gà gáy sáng, đã nhảy rào ra khỏi ký túc xá, kéo nhau đến huyện Rào, chờ Va-ren từ Đồ Sơn trở về, giữ xe lại, đưa đơn. Tên đốc trường đến giờ vào học, chẳng thấy bóng học trò nào, nhảy bổ khắp nơi đi tìm, sang tận huyện Rào dồn chúng tôi về trường. Về đến trường, bọn Tây giở trò thực dân, lôi chúng tôi ra đánh. Chúng tôi bảo vệ nhau, giữ người lại, không cho nó đánh. Hăng nhất là anh Lương Khánh Thiện, đứng ở hàng đầu, cứ đẩy sắp bọn Tây ra. Trong lúc xô xát, tên giáo sư Gát-xi bị rách áo. Thế là nó tru tréo lên, đổ cho chúng tôi đánh nó, gọi mật thám đến vây bắt. Chúng tôi bãi khóa phản đối.

Hơn ba chục người bãi khóa đến cùng, bỏ trường đi trong số đó có anh Lương Khánh Thiện, anh Lưu Bá Kỳ và tôi. Máy anh em ý hợp tâm đầu phải xa nhau, mỗi người đi một ngả, đi kiếm công ăn việc làm. Tôi lên mỏ Phấn Mễ làm được mấy tháng rồi về làm ở mỏ Mạo Khê. Ở Mạo Khê, tôi còn nhớ lúc bấy giờ, anh em công nhân thích nghe nói chuyện cách mạng lắm. Tôi làm ở bộ phận cơ khí, anh em đến buổi làm, cứ đem xe đi chữa vào đến *bát xanh* là tháo *biên* ra rồi để đấy, hai anh gác hai đầu, còn thì xúm nhau lại nghe chuyện về vụ án cụ Phan Bội Châu, đám ma cụ Phan Châu Trinh, phong trào Nguyễn An Ninh ở trong Nam, về Nguyễn Ái Quốc ở bên Nga. Tôi tìm anh em tốt lập hội

thể thao, gây quỹ cứu tế, góp tiền mua sách báo đọc, lòng rất ham muốn hoạt động mà chưa biết đi đường nào... Tâm trạng ấy cũng là tâm trạng của nhiều anh em thanh niên lúc bấy giờ đang khủng hoảng về tinh thần, náo nức đi tìm lý tưởng, tìm một ý nghĩa, một cái gì mới cho cuộc sống. Anh Lương Khánh Thiện về làm ở nhà máy sợi Nam Định, anh Lưu Bá Kỳ xuống làm tàu biển Săng-tu-y chạy đường Mác-xây – Sài Gòn - Hải Phòng. Các anh thường gửi thư cho tôi, nói bóng gió xa xôi về cách mạng. Tôi càng dậm dật, nóng muốn về những chỗ đông đúc để dễ có cơ hội tìm đến với phong trào⁽¹⁾.

* * *

Làm thế nào để chủ nghĩa Mác – Lê-nin thâm nhập vào những người thợ Ba Son anh hùng, thâm nhập vào những Lương Khánh Thiện, những Hạ Bá Cang (Hoàng Quốc Việt) với đông đảo bạn giai cấp của các anh đang tiềm tàng một sức đấu tranh sôi sục?

Sứ mệnh lịch sử cao cả nhất đang chờ đợi họ.

Một giai cấp công nhân chỉ thật sự trở thành giai cấp tiên phong khi đã vũ trang cho mình chủ nghĩa Mác – Lê-nin, tiếp thu nó và vận dụng nó một cách đúng đắn.

Không phải chỉ có vấn đề giác ngộ của từng cá nhân riêng lẻ.

Vấn đề quyết định: giác ngộ cả một giai cấp, nổi cờ búa liềm và xây dựng trong bão táp đấu tranh đội tiên phong đủ bản lĩnh của giai cấp.

1 Xem *Nhân dân ta rất anh hùng*. Nhà xuất bản Văn Học, 1960.

ĐƯỜNG KÁCH MỆNH

— I —

Ngày 14-7-1926 - kỷ niệm cuộc Cách mạng 1789, quốc khánh của nước Pháp, báo chí thời đó gọi là hội Chính trung - đã được cử hành ở Đông Dương thành cái hội cát-tó duy-dê rất đặc biệt.

Toàn quyền Va-ren mùa hè đóng đô ở Sài Gòn, dự điểm binh hội “cát-tó” của thủy quân do “quan nguyên súy Phi-li-pô và quan thủy sư Mu-gi-ê chỉ huy”. Tối đó có khiêu vũ ở “khách sạn thành phố” (danh từ dịch của một tờ báo thời bấy giờ - chỉ Tòa Đốc lý - hàng chục năm sau này còn bị bêu riếu mãi).

Tại Huế, sáng sớm 14-7, vua Bảo Đại đi Tây học rồi, “quan phụ chánh Tôn Thất Hân cùng các quan lục bộ thượng thư sang bên tòa Khâm dâng lời chúc và tỏ lòng trung thành với chính phủ bảo hộ”.

Dưới đây ghi lại chương trình ngày hội “cát-tó” ở Hà Nội năm đó. “Ngày 13: 6 giờ chiều, bắn 21 phát thần công; 9 giờ tối, rước đèn, rước sư tử. Chớp bóng

giữa trời ở bãi cát bờ sông. Ngày 14: 8 giờ sáng, bắn 21 phát súng thần công, 8 giờ: leo cột mỡ và đánh đu tại các vườn hoa Hàng Đậu, Cửa Nam, Bờ Hồ và Chợ Hôm; 8 giờ 30: thi xe tay từ cầu sông Cái đến cột Đồng Hồ, rồi thi xe đạp (giải nhất 5 đồng, giải bét 1 đồng), 6 giờ chiều: bắn 21 phát súng thần công...”.

Một bài văn của báo chí thời đó ký tên H.T. Hiếu, tả lý Toét ra chơi hội cát-tó ở Hà Nội, nhận xét “người anh hùng trong ngày hội cát-tó là các thầy quyền” và tả lý Toét nghe 63 phát súng thần công trước còn giật mình, sau hết giật mình như thế nào.

Giữa cái ngày hội cát-tó, dùng đoàn đại bác ra oai, để cho tây đầm phè phỡn - chống mông vào lịch sử - và dân ta thì bị cuốn vào những cuộc nô cười hạ cấp - cho quên nước mất - có những con người đã sống thật trong lòng họ, tinh thần phá ngục Ba-xti của Cách mạng Pháp ngày 14 tháng 7 năm 1789. Chính họ, với hy vọng tràn đầy, hăm hở đi tìm một lý tưởng còn cao hơn thế nữa, cao hơn hết, để mười chín năm sau có một ngày 19 tháng 8 của nước nhà.

Đó là khoảng chừng 20 người trẻ tuổi do ông Trần Hữu Lập tức Hoàng Lùn và cụ Đình Chương Dương là người trong phong trào cũ, được cụ Phan trước đây giới thiệu với Nguyễn Ái Quốc, nay đi liên lạc các nơi trong nước, “chiêu sinh”. Lớp huấn luyện của Hội Việt Nam Cách mệnh Thanh niên ngoài Quảng Châu đã mở. Nguyễn Ái Quốc gọi người ra học. Một lớp người hướng về phong trào mới, từ nhiều tỉnh khác nhau,

mượn có ngày hội cát-tố, lần trong dòng người tấp nập, hẹn nhau về Hà Nội. Từ ga và các ngã bến xe, họ nhập vào đám đông đi xem hội Tây, móc ráp liên lạc với nhau. Và lợi dụng lúc toàn bộ lực lượng cảnh sát và mật thám của địch tập trung vào việc canh phòng cho Tây mở hội, họ chia nhau làm hai tốp, lên xuống Hải Phòng, một tốp có Trần Phú và một tốp có Nguyễn Công Thu.

Ngày đó, kinh nghiệm công tác bí mật còn non, thầy giáo Phú còn mặc Âu phục và xách va ly ra đi bí mật, xuống thuyền từ Hải Phòng ra mũi Ngọc là mỏm đất cực bắc bờ biển Tổ quốc. Trần Phú ghé vào nghỉ đêm trong gia đình cơ sở cách mạng họ Đỗ. Nguyên gia đình này hồi Pháp mới sang đánh chiếm Móng Cái, cả nhà bị giết gần hết. Người sống sót chạy chốn ra đây, lập xong cơ nghiệp, lên về lấy đầu lâu những thân nhân bị địch sát hại mang về chôn thờ. Thấy họ thờ cúng sùng quá, ai cũng tưởng họ làm nghề phù thủy. Không, họ Đỗ nuôi chí, dạy con cái nhớ lấy thù. Bởi thế, khi phong trào mới bắt đầu gây cơ sở, gia đình hăm hở nuôi người cách mạng trong nhà, chỉ mong được giúp một phần nhỏ vào việc nước. Nhà cửa chật lắm, đã thế, vì ở gần sông, trong nhà còn nuôi một con chim cốc bắt cá. Tối đó, đến nơi, Trần Phú sợ phiền gia đình, ra ngủ ở gốc cây khế đầu nhà. Đêm trời trở lạnh, bà cụ họ Đỗ đem chăn ra cho anh đắp. Chiếc chăn này còn giữ được, anh em ở bảo tàng cách mạng xin về gìn giữ, đời đời lưu niệm tình dân.

Phải chăng tấm chăn đó là lần đầu tiên ta được biết tấm lòng người mẹ Việt Nam đắp lên mình người cách mạng, từ buổi mới tìm đường.

Trần Phú và các bạn đường trong tổp của anh đi mé đường rừng, thì đụng lính đông đang tuần, sợ lộ, tất cả cắm đầu chạy theo bờ sông, xuống đò ở bến Na-xáo-tù, bên dòng sông Bắc Luân. Chân học trò không quen sông nước lạ, anh em xuống đò vội vã, chẳng may đắm. Phan Trọng Quảng biết bơi, vớt được đò lên. Trần Phú, trong khi chạy, bỏ mất va li gần biên giới, trong đó có trích yếu lý lịch tư pháp của anh, khiến sau này bị lộ tung tích, mật thám lùng riết. Anh học xong, về nước hoạt động gặp khó khăn nhiều cho nên lại trở ra Quảng Châu và được đồng chí Nguyễn Ái Quốc cử sang học Đại học Phương Đông.

Đồng chí Nguyễn Ái Quốc cử Hồ Tùng Mậu và Nguyễn Nhật Tân về tận biên giới đón họ. Nguyễn Nhật Tân là hội viên Việt Nam Quang phục hội của cụ Phan ngày trước. Hội Chiến tranh thế giới thứ nhất, cụ Phan mượn súng ống đánh đồn Tà Lùng gần biên giới thì Nguyễn Nhật Tân là người cầm quân trực tiếp đánh trận này. Ông Tân đóng vai trung úy quân đội Trung Hoa đi chiêu mộ thiếu sinh quân. Trần Phú cùng các bạn cũng mặc giả thiếu sinh quân, đi theo ông lên Bắc Hải. Dừng chân ở Đông Hưng, ngay bên kia thị xã Móng Cái, Trần Phú đứng trên lầu cao tên là Tiêu lâu lĩnh, suốt buổi chiều hôm, nhìn về Tổ quốc. Anh nghĩ gì? Cái cửa sổ anh đứng trông về nước đó, trên Tiêu lâu lĩnh, nay hãy còn.

Đến Quảng Châu, Bác nghiên cứu lý lịch từng người. Nhập học phải lấy bí danh. Tên Phú, Bác đổi sang bí danh là Quý. Quý lấy họ Lý như Lý Thụy.

Thế là đã ngót hai năm rồi, một người mặc quần áo kiểu Trung Quốc, nói tiếng Việt Nam, giọng Nghệ An, mang tên là Lý Thụy xuất hiện ở Quảng Châu. Người đó đi tìm gặp anh em Việt Nam ở đấy. Hỏi thăm đến tổ chức Tâm Tâm Xã của Phạm Hồng Thái. Nghiên cứu điều lệ của tổ chức này: khác Việt Nam Quang phục hội của Phan Bội Châu ở chỗ không những “phục quốc” mà còn muốn “khôi phục cả nhân quyền”. Người sáng lập gồm có Lê Hồng Sơn, Hồ Tùng Mậu, v.v... Đầu năm 1924, Phạm Hồng Thái và Lê Hồng Phong từ trong nước ra, gia nhập tổ chức này. Rồi tiếng bom Sa Diện...

Lý Thụy tìm gặp ba người đầu tiên trong Tâm Tâm Xã là Lê Hồng Sơn, Hồ Tùng Mậu và Lâm Đức Thụ⁽¹⁾.

Thấy người lạ hỏi chuyện rồi lân la nói sang quốc sự, ba người trẻ tuổi mới đầu sinh nghi. Mật thám chẳng? Nghe Lý Thụy nói một hồi, họ đá khế vào chân nhau dưới gầm bàn. Đồng chí Hồ Tùng Mậu - theo Vương Thúc Oánh - có lần cắt nghĩa cái đá chân trao đổi ý kiến ngầm với nhau ấy. Mật thám thì không thể am hiểu tường tận đến như thế. Mà nếu là người cách

1 Lâm Đức Thụ tên thật là Nguyễn Công Viễn, tức Hoàng Chấn Đông, tức Trương Béo. Việc Lâm Đức Thụ làm tay sai cho Pháp đã được chứng minh. Sau Cách mạng tháng Tám, Thụ về quê ở Thái Bình. Trong kháng chiến chống Pháp, Thụ lại liên lạc với thực dân nên đã bị xử tội. (Tôn Quang Phiệt, sách đã dẫn)

Về chi tiết làm rõ nhân vật này, chúng tôi sẽ đề cập đến ở phần sau: “Từ 3 tháng 2 xốc tới”.

mạng thì phải là người cách mạng cao lắm. Không phải ai khác rồi. Lời Lý Thụy như in vào lòng họ: *“Muốn làm cách mạng thì phải có đường lối, có đường đi nước bước, có tổ chức chặt chẽ, chứ không nên hành động mù quáng”*⁽¹⁾.

Thanh niên Cộng sản đoàn sinh ra từ đây. Sau đó tổ chức *Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên*, mà sau này quen gọi *Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí hội*, ra đời⁽²⁾.

Là một người làm việc rất có kế hoạch, ngay trong tài liệu lịch sử đề ngày 19-2-1925, ký tên Nguyễn Ái Quốc, Bác đã đặt rõ chương trình công tác cụ thể của Người, trong đó công tác trọng tâm là mở lớp huấn luyện cán bộ mới cho phong trào mới.

Lớp huấn luyện này mở tại nhà số 13, đường Văn Minh, thành phố Quảng Châu, ta đã biết nhiều. Cần nói thêm là địa điểm rất kín đáo, vì ở trên gác ba; dưới nhà và gác hai bà con Trung Quốc ở, rất cơ động, vì có cổng sau, đề phòng bất trắc; rất được bảo vệ, vì chung quanh đều là cơ sở của cách mạng Trung Quốc. Buổi đầu Bác bỏ tiền kiếm được ra nuôi các đồng chí trẻ, tương lai của phong trào. Sách Trần Dân Tiên cho biết Bác làm phiên dịch cho cố vấn Liên Xô Bô-rô-đin ở trường

1 Xem Vương Thúc Oánh, tài liệu đã dẫn.

2 Theo nhiều đồng chí đã hoạt động thời ấy và theo Trần Văn Giàu (sách đã dẫn): Trước tháng 5-1929, hội có hai tên: một là Việt Nam Cách mệnh Thanh niên, được dùng phổ biến trong nhân dân, và một là Việt Nam Cách mệnh Đồng chí, dùng bí mật trong nội bộ. Đại hội Thanh niên lần thứ nhất ở Hương Cảng (1-5-1929 – 9-5-1929) quyết định chỉ lấy một tên là Hội Việt Nam Cách mệnh Thanh niên.

Hoàng Phố. Ta cũng biết Bác viết báo Trung Quốc ở Quảng Châu, lấy bút danh là Vương Sơn Nhi và Trương Nhược Trùng, lại phụ trách cả mục tuyên truyền trong tờ báo xuất bản bằng tiếng Anh *Nhật báo Quảng Đông* của Trung ương Quốc dân đảng (Trung Quốc)⁽¹⁾.

Có điều, đến nay tôi mới được biết, là Bác còn hoạt động phóng viên quốc tế. Người Việt Nam đầu tiên làm nghề phóng viên quốc tế vậy. Dưới tên Nga là Ni-lốp-xki và tên Trung Quốc là Lỗ. Bác làm phóng viên quốc tế thường trú tại Quảng Châu cho hãng thông tấn Liên Xô lúc đó mang tên Rô-xta⁽²⁾. Mai-a-cốp-xki, nhà thơ, cũng đã từng làm cho hãng thông tấn này, bằng vẽ áp phích và đề thơ. Vào nửa đầu những năm 20, nhiếp ảnh đầu đã phát triển và sẵn như ngày nay. Tin mới nhận được là 40 phút sau đã có áp phích tuyên truyền theo nội dung tin đó ở ngoài đường Pê-tơ-rô-grát, khi thành phố này còn chưa mang tên Lê-nin. Mai-a và hai họa sĩ nữa vẽ 1.300 áp phích. Những “*cửa sổ Rô-xta*” trong sự nghiệp của Mai-a, đã thành nổi tiếng⁽³⁾.

Nghề thông tấn ấy, đến vẽ cổ động cũng cần tốc độ đến như thế, thì đưa tin còn khẩn trương đến như thế nào. Huống chi lúc đó Quảng Châu là điểm nóng của thời sự thế giới, tình hình diễn biến cực kỳ sôi động và phức tạp, phải xông xáo và nhạy bén vô cùng. Bác

1 Xem T. Lan, bài đã dẫn.

2 Theo hai bức thư của đồng chí Nguyễn Ái Quốc gửi Quốc tế Thanh niên Cộng sản và Ban Chấp hành Trung ương Thiếu niên Tiền phong (Liên Xô) ngày 22-7-1926.

3 Xem *Mai-a-cốp-xki, thơ và văn xuôi*, của En-xa Tơ-ri-ô-lê, Nhà xuất bản Các nhà xuất bản Pháp hợp nhất.

làm việc thật là một người bằng không phải chỉ hai đầu nhớ! Còn chút thời giờ nào ngoài công việc khác là Bác lại đến với phố Văn Minh. Ngoài những buổi giảng bài, làm việc, nhiều tối khuya Bác cũng đến lớp xem anh em ăn ngủ thế nào, giắt lại màn, đắp lại chăn cho anh em, bấy giờ số đông còn ít tuổi, có người giắt màn không kỹ hay ngủ say giấc để tuột chăn đi. Bác năng xem xét bữa cơm anh em ăn. Ý như sau này, Bác rất chú ý đến mỗi cái bếp của đời sống tập thể. Bác thường xuống bếp động viên và góp ý với bà cấp dưỡng người Trung Quốc.

Một hôm, bữa cơm thấy dọn lên có cháy. Cơm nấu chảo kiểu Trung Quốc, cháy vừa mỏng, vừa giòn, ngon miệng lắm. Anh em cảm ơn bà cấp dưỡng.

- Không, có gì đâu. Đồng chí Lý Thụy bảo dọn cháy đấy! Đồng chí bảo các đồng chí Việt Nam thích ăn cháy lắm, thơm miệng lại đỡ phí.

Đến năm đó, Bác xa nước đã 13 năm rồi.

Đồng chí Lê Mạnh Trinh từ Sài Gòn đi tàu biển sang Quảng Châu học, tối trước khi lên đường, có đến chào cụ Phó bảng Sắc. Cụ dẫn đi ăn chè, gọi là tiễn biệt. Rồi trước khi về, cụ nói khẽ:

- Bác không có gì dặn cháu cả. Cháu ra đi cố gắng. Bác nghe nói “Quốc” đang ở Quảng Châu. Cháu có gặp thì nói bác vẫn khỏe, đừng lo. Cứ cố gắng làm việc. Trung với nước là hiếu với Bác...⁽¹⁾.

1 Xem *Những ngày ở Quảng Châu và ở Xiêm* của Lê Mạnh Trinh trong tập *Bác Hồ*, đã dẫn.

Không thấy đồng chí Lê Mạnh Trinh nói, lúc đến Quảng Châu, đồng chí có kể chuyện gặp cụ Phó bảng với Bác không...

Đồng chí Lê Mạnh Trinh được hai đồng chí học cùng khóa với đồng chí Trần Phú là đồng chí Bình (bí danh An) và đồng chí Lợi (bí danh Lộc), từ Quảng Châu về Sài Gòn, bắt liên lạc rồi tổ chức đưa đi. Đến Quảng Châu, chú liên lạc đưa đồng chí vào căn nhà phố Văn Minh lại chính là Lý Tự Trọng. Tôi đọc trong tập tài liệu lịch sử ký tên Nguyễn Ái Quốc, thấy trong thời gian Bác sắp sửa rời khỏi Quảng Châu, vì tình hình xảy ra đột biến, Bác có viết thư cho Quốc tế Thanh niên Cộng sản, cho tổ chức thiếu niên ở Mát-xcơ-va, cả thư riêng nữa, đề nghị cho một số trong tám thiếu niên họ Lý đang ở gần Bác (trong số đó có hai là gái), sang Liên Xô học⁽¹⁾. Bác thương tuổi xanh mất nước và Bác lo xa bồi đắp con người mới và nhân tài. Tôi đọc những thư Bác viết mà nghĩ đến bao nhiêu bạn trẻ ngày nay cảm mến Lý Tự Trọng như tôi. Để cho chúng tôi có quyền sống và điều kiện phát triển, biết bao nhiêu con người mà chúng ta yêu, và xứng đáng hơn chúng ta nhiều, phải chết, phải hy sinh.

1 Xem hai bức thư đã dẫn ngày 22-7-1926.

— II —

Đồng chí Lê Mạnh Trinh đến Quảng Châu thì Bác hãy còn ở đấy.

“Một người mặc bộ quần áo Trung Sơn (trong suốt thời gian chúng tôi ở Quảng Châu, lúc nào cũng chỉ thấy mặc có một bộ này) - lời đồng chí Lê Mạnh Trinh kể lại - dáng người mảnh khảnh, cao, trán rộng, mắt sáng, giọng nói khoan thai, ấm áp, vui tính nhưng ít cười, gọi là đồng chí Vương (chứ không phải là Lý Thụy nữa - T.M). Trong một buổi nói chuyện thân mật về tình hình trong nước chúng tôi kể từ chuyện quan trường, vua chúa thoái tha, đến chuyện gặp cụ Phan Bội Châu, cụ Phan Văn Trường, chuyện anh em thanh niên bông bột, nông nổi, chuyện Bắc, Nam còn thành kiến, v.v... Tóm lại, trong khi kể chuyện, chúng tôi tỏ ra bi quan nhiều. Cuối cùng, đồng chí Vương nói đại ý: Cũng vì khó khăn thế, còn nhiều điều xấu xa như thế cho nên chúng ta phải làm cách mạng. *Người cách mạng phải là người lạc quan chủ nghĩa, tin tưởng ở sự thắng lợi cuối cùng, v.v...*

“Lạc quan chủ nghĩa”. Sau này tôi mới hiểu hết ý nghĩa của nó. Nhưng khi ấy, tôi đã thấy nó là liều thuốc chữa trúng bệnh của tôi⁽¹⁾.

Ánh sáng của lớp học Quảng Châu chính là ở chỗ này đây.

Cách nhìn đời khác nhau của Bác và đồng chí Lê Mạnh Trinh vào chính lúc đó thật nhiều ý nghĩa. Hai

1 Xem Lê Mạnh Trinh, bài đã dẫn.

người có lẽ cùng một môi trường xuất thân như nhau. Thế mà trong trường hợp này, không phải người trẻ lại có cách nhìn mới. Đồng chí Lê Mạnh Trinh vốn là một nhà khoa cử, sống buổi tàn nho, trước cảnh nước mất nhà tan, xã hội đương thời nhố nhăng, phức tạp, dù có giữ trọn lòng son, vẫn không tránh khỏi sinh ra ưu thời mẫn thế. Đó là một thứ “bệnh thời đại” trong giai đoạn tan rã của các phong trào yêu nước cũ.

Đối với đồng chí Nguyễn Ái Quốc, để phát động phong trào mới, không phải chỉ có vấn đề định ra một đường lối, lập ra một tổ chức, tính toán đường đi nước bước, mà có cả một vấn đề khó nhất: xác lập một cách nhìn mới, một cách nghĩ mới, một hệ tư tưởng mới. Xác lập trước hết trong hạt nhân mới của phong trào cách mạng Việt Nam đang chuyển hẩn nội dung của nó, thông qua những người học trò đầu tiên và hành động thực tiễn của họ sau này làm cho cả giai cấp và dân tộc sáng mắt, sáng lòng, đi tới mãi.

Câu chuyện tâm tình với đồng chí Vương đã làm cho đồng chí Lê Mạnh Trinh nhìn ra tâm bệnh của mình. Song niềm lạc quan tin tưởng khiến con người ta từ Quảng Châu trở về có thể bất chấp mọi gian khổ hy sinh, kiên cường, chiến đấu cho Tổ quốc và giai cấp ắt phải là kết quả chung của cả lớp học và sự rèn luyện trong đấu tranh thực tiễn về sau.

Tôi càng muốn đi sâu tìm hiểu nội dung và phương pháp của lớp huấn luyện ở Quảng Châu ngày đó. Nội dung chủ yếu các bài giảng ở Quảng Châu là ở trong cuốn *Đường cách mệnh* mà Bác đã soạn thảo năm

1926⁽¹⁾. Đối với đông đảo những người cách mệnh thời dựng Đảng không có điều kiện đi ra nước ngoài, khi phong trào đã mở rộng rồi, đó cũng là cuốn sách vỡ lòng rất phổ biến. Bấy giờ, *Đường cách mệnh* cùng với báo *Thanh Niên*⁽²⁾ truyền về trong nước, người ta còn chép tay thêm nhiều để truyền cho nhau đọc.

Cuốn *Đường cách mệnh* có trong tay tôi, in trên giấy bản, mỗi tờ gấp đôi in một mặt, đóng lại theo kiểu sách chữ Nho ngày trước, có đóng dấu “*Không phải sách bán*”, bằng cả Quốc ngữ và chữ Hán. Cuốn sách đề

1 Theo Trung Chính, bài đã dẫn, “Từ 1925 đến 1927, những lớp huấn luyện mở tại Quảng Châu đều do đồng chí Vương, tức Nguyễn Ái Quốc, trực tiếp chỉ đạo và giảng bài... Các bài giảng đã được gom lại thành một quyển sách nhan đề là *Đường cách mệnh*”.

Tập *Đường cách mệnh* chúng tôi có trong tay, khổ 15 x 22 cen-ti-mét, 100 trang, in trên giấy bản gấp đôi theo kiểu sách chữ Nho. Số trang không đánh theo cả quyển mà theo từng phần in. Ngoài trang bìa, sách gồm các phần sau: Tư cách một người cách mệnh; Vì sao phải viết sách này; Cách mệnh; Lịch sử cách mệnh Mỹ; Cách mệnh Pháp; Lịch sử cách mệnh Nga; Quốc tế; Phụ nữ quốc tế; Công nhân quốc tế; Cộng sản thanh niên quốc tế; Quốc tế giúp đỡ; Quốc tế cứu tế đỏ; Cách tổ chức công hội; Tổ chức dân cày; Hợp tác xã.

2 Theo Trần Văn Giàu, sách đã dẫn, “Từ tháng 6-1925, Nguyễn Ái Quốc lập tờ báo *Thanh Niên* xuất bản ở Quảng Châu. Báo *Thanh Niên* là tờ báo bí mật đầu tiên của người cách mạng Việt Nam bằng chữ Quốc ngữ, viết bằng giấy sếp, in bằng bàn in tay, mỗi kỳ mấy trăm tờ, phát hành bí mật từ ngoài nước, đến trong nước. Báo *Thanh Niên* sống từ tháng 6-1925 đến tháng 4-1927, xuất bản tất cả là 88 số... Tất cả bài vở đều do Nguyễn Ái Quốc viết hay sửa chữa trước khi đem in. Tờ báo *Thanh Niên* tiêu biểu cho Đảng đến mức người ta thường gọi Đảng là Đảng Thanh niên... L. Mác-ty, trong Đóng góp vào lịch sử các phong trào chính trị ở Đông Pháp, nhận xét: “Cần phải nói ngay rằng tờ báo của Nguyễn Ái Quốc được tất cả các đảng viên ở nước ngoài, ở trong nước và đông đảo người cảm tình đọc; những người đọc này, chẳng những tự mình đọc báo *Thanh Niên* mà còn chép đi chép lại, nhiều lần, để truyền cho người khác đọc.”

rõ là do “*Bị áp bức dân tộc liên hiệp hội - Tuyên truyền bộ - Ấn hành*”, có đóng dấu của tổ chức này nữa, có thể là đã có dịch ra các thứ tiếng của các dân tộc phương Đông đứng trong Mặt trận quốc tế do Bác là một trong những người sáng lập. Điều lý thú là bản *Đường cách mệnh* dưới mắt tôi có kèm theo cả giấy tờ nói rõ xuất xứ của nó, viết bằng chữ gà bới: “Con là phó lý Nguyễn Văn Lá, ở làng Hạ Trường xin nộp quan huyện quyển sách này. Con sẽ có tờ trình sau”. Tên tri huyện Thanh Hà đóng vào tờ bẩm đó con dấu chữ Nho “Phụng đệ”, nghĩa là “Kính gửi lên quan trên”.

Nhiều tài liệu ngày xưa chính nhờ con đường “phụng đệ” ấy mà “phụng đệ” đến chúng ta bây giờ.

Quyển sách này cùng với nhiều tài liệu cách mạng Pháp bị bộ máy chính quyền địch ở các cấp tịch thu được đều đem nộp cho Tây nghiên cứu. Thực dân Pháp cáo già, sau những năm 1930 - 1931, rút kinh nghiệm liền. Chúng tổ chức ra cả một tập thể cán bộ, dưới quyền chủ bút của L.Mác-ty, quyền Giám đốc Nha Công tác Chính trị và Công an thuộc Phủ Toàn quyền Đông Dương, nghiên cứu sâu sắc phong trào cách mạng của nhân dân ta. Kết quả của việc nghiên cứu đó là bộ sách *Đóng góp vào lịch sử các phong trào chính trị ở Đông Pháp*, gồm năm quyển, khá dày. Nó nghiên cứu để đánh ta, ta thử xem nó nghĩ về ta như thế nào.

Trước hết, nó nhận xét được một điều mà xưa nay chúng ta ít nghĩ đến Nguyễn Ái Quốc đã đưa vào những tài liệu của Người “lần lượt những từ ngữ Hán Việt tương ứng với ngữ vựng cộng sản mới để định nghĩa

một cách rõ ràng và chính xác”⁽¹⁾. Bác chính là người đầu tiên nhào nặn cái ngôn ngữ Việt Nam hiện đại mà chúng ta ngày nay vận dụng. Nhờ ngôn ngữ ấy mà đã phát triển không ngừng trí tuệ Việt Nam, trí tuệ một dân tộc đứng trong hàng ngũ những dân tộc tiên phong cách mạng. Ôi, cái nhiệm mầu của tiếng Việt, ngôn ngữ của cha ông, mà bao đời những Hàn Thuyên, những Lê Quý Đôn, những Nguyễn Du và những người chân lấm tay bùn xây dựng, đến lúc đó đã đủ độ luyện, độ tinh để chứa đựng và chở đi những tư tưởng mới. Không có những cánh chữ tuyệt vời bay đi từ óc này qua óc khác, làm sao mà có những năm 1930 - 1931, làm sao mà có ngày nay được?⁽²⁾ Cái công

1 Xem *Đóng góp vào lịch sử các phong trào chính trị ở Đông Pháp* (tập 4), Phủ toàn quyền Đông Dương, Nha Công tác Chính trị và Công an xuất bản.

2 Trong lời nói đầu tập *Đường khách mệnh*, tác giả viết: “Sách này chỉ ước ao sao đồng bào xem rồi thì nghĩ lại, nghĩ rồi thì tỉnh dậy, tỉnh rồi thì đứng lên đoàn kết nhau mà làm khách mệnh”. Để truyền được tinh thần đó sang người đọc, tác giả đã chú ý vận dụng ngôn ngữ, văn phong, vốn từ vựng đương thời. Ở đây, ta gặp nhiều thành ngữ dân tộc như: Nước chảy đá mòn; Rán sành ra mỡ, v.v... những điều giải thích nôm na mà sâu sắc như: Cách mệnh là phá cái cũ đổi ra cái mới, phá cái xấu đổi ra cái tốt; hay: Hợp tác xã là “góp gạo thổi cơm chung” cho khỏi hao của, tốn công, lại có nhiều phần vui vẻ... Một ý sâu sắc của Mác và Ăng-ghe-n trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* cũng được đưa vào đây với dạng nhuần nhuyễn và thuần Việt: Công nông là tay không chân rồi, nếu thua thì chỉ mất một cái kiếp khổ, nếu được thì được cả thế giới. Những từ ngữ sau đây đều đã có dùng trong sách: vật chất, tinh thần, tuyên truyền, tổ chức huấn luyện, nghiên cứu, phản cách mệnh, hoạt động, bãi công, bạo động, dân chủ tập trung, đảng, chi bộ, tổ, tổ trưởng, đồng chí, báo cáo, tổ chức ngang, tổ chức dọc, kinh tế, hợp tác xã, hợp tác xã mua, hợp tác xã bán, hợp tác xã tiền bạc, tiền vốn, lưu thông, tín dụng, tư bản, nhà nuôi trẻ con, nhà ăn chung.

làm chữ của Bác ngày đó vất vả biết nhường nào: trong bài tựa cuốn *Đường khách mệnh*, chúng ta thấy Người viết - một trong những nhà văn và nhà thơ lớn nhất - phải rào đón trước:

“Chắc có người sẽ chê rằng văn chương cục cằn. Vâng, đây nói việc gì thì nói rất giản tiện, mau mắn, không tô vẽ, trang hoàng gì cả. Hơn sáu mươi năm nay, đế quốc chủ nghĩa Pháp đập trên đầu, hơn hai mươi triệu đồng bào hấp hối trong vòng tử địa. Phải kêu to, làm chóng, thời giờ đâu rảnh mà vẽ vờ, trau chuốt”.

Có cái văn phá núi khơi dòng của *Đường khách mệnh*, của báo *Thanh Niên* năm 1926 mới có văn phong chuẩn của *Cờ Giải Phóng*, khi cờ đỏ sao vàng xuất hiện, mở ra cả một thời kỳ thắng thế sau này của văn hóa mới.

Công trình nghiên cứu của bạn L. Mác-ty về *Đường khách mệnh* và báo *Thanh Niên* chỉ nhấn mạnh “chiến thuật khôn khéo”, kiên nhẫn, dựa vào “sự hiểu biết sâu sắc cơ cấu xã hội Việt Nam”⁽¹⁾ và đế quốc quả là đã thua vì không nhìn thấy điều cơ bản. “Văn chương và hy vọng của sách này là hai chữ Khách mệnh! Khách mệnh! Khách mệnh!!!”⁽²⁾. Bác viết ba lần chữ cách mạng và chữ cách mạng không còn là “nướng nhiệt thành làm khô bẻ” nữa. *Đường khách mệnh* không phải là *Hải ngoại huyết thư* nữa rồi. Nó thẳng thừng bác bỏ những

1 L. Mác-ty, sách đã dẫn.

2 Xem *Đường khách mệnh*, *Bị áp bức dân tộc liên hợp hội* - Tuyên truyền bộ ấn hành năm 1926.

kiểu cách mạng hồ đồ “hoặc xúi dân bạo động mà không bày cách tổ chức, hoặc làm cho dân quen tính ỷ lại mà không biết tự cường”⁽¹⁾. *Đường khách mệnh* giải quyết bốn cái vì sao: “Vì sao mà phải làm, vì sao mà không làm không được, vì sao mà ai ai cũng phải gánh một vai, vì sao mà phải làm ngay, không nên người này ngồi chờ người khác”⁽²⁾. Đó là cơ sở để thực hiện điều mong ước của cụ Phan: “*Gây đoàn thể có thể vá trời*”. Đoàn thể này khác tất cả những đoàn thể theo quan niệm ngày trước. “*Kách mệnh là việc chung cả dân chúng, chứ không phải việc một hai người*”⁽³⁾.

Sau năm mươi năm, chúng ta thấy những điều đó, tuy có lúc cũng còn quên đấy, song chân lý thật rõ như ánh sáng ban ngày. Xin hãy thử đặt vào địa vị lớp người thuở ấy, bế tắc, đang ngâm trong lòng câu thơ nào nuốt:

*Đêm sao đêm mãi tối mò mò
Đêm đến bao giờ mới sáng cho
(...)
Nhấn nhủ láng giềng ai dậy đó?
Dậy thì lên tiếng gọi nhà nho.*⁽⁴⁾

1 Xem *Đường khách mệnh*, *Bị áp bức dân tộc liên hợp hội* - Tuyên truyền bộ ấn hành năm 1926.

2 Xem *Đường khách mệnh*, *Bị áp bức dân tộc liên hợp hội* - Tuyên truyền bộ ấn hành năm 1926.

3 Xem *Đường khách mệnh*, *Bị áp bức dân tộc liên hợp hội* - Tuyên truyền bộ ấn hành năm 1926.

4 Xem *Những ngày gặp Bác ở Quảng Châu*, đồng chí Lê Mạnh Trinh kể, trong tập *Nhớ lại ngày sinh của Đảng*, Nhà xuất bản Sự Thật, 1962.

Toàn quyền Pa-xki-ê, tên sát nhân ở Yên Bái và Nghệ An Xô viết, trùm đao phủ thực dân những năm 1930 - 1931, đến cuối năm 1929 đã phải than thở: “Chúng ta không còn đương đầu với những sĩ phu tiếc nuôi một quá khứ tàn tạ. Trước mắt chúng ta bây giờ là một tổ chức mới lấy cảm hứng từ phương Tây⁽¹⁾. Không phải cảm hứng, không phải phương Tây, mà là tư duy, mà là khoa học, một cách suy nghĩ chính xác bắt nguồn từ *Đường cách mệnh* - như Nguyễn Ái Quốc viết trong bài tựa: “Chắc chắn như 2 lần 2 là 4”. *Đường cách mệnh* là lần đầu tiên cách mạng Việt Nam nhận thức được quy luật tất yếu của lịch sử. Đọc những trang sách *Đường cách mệnh* từ ngày xưa còn lại, tôi bỗng nhiên cảm thấy nguồn gốc sức mạnh “đạp lên đầu thù” quyết thắng, tất thắng của nhân dân ta, bất chấp mỗi bước đi lên của mình đều vấp phải sự chống trả cực kỳ quyết liệt của quân thù. Ngọn nguồn vì sao mà Việt Nam có thể tự hào là “một dân tộc nhỏ mà đánh thắng hai đế quốc to, là Pháp và Mỹ”. Bằng cách “đem lịch sử cách mạng các nước làm gương cho chúng ta soi”⁽²⁾, *Đường cách mệnh*, sau phần khái niệm, đã đi thẳng ngay vào trình bày và phê phán, thứ nhất: *Lịch sử cách mệnh Mỹ*, và thứ hai: *Cách mệnh Pháp*, vạch mặt giai cấp tư sản Mỹ, Pháp phản bội. Ngay trong phần nói về Mỹ, Bác đã lấy gậy ông đập lưng ông, đã dẫn câu châm ngôn của *Tuyên ngôn độc lập 1776* nước Mỹ mà sau này Bác dẫn lại trong bản *Tuyên ngôn độc lập* năm 1945 của

1 Diễn văn của toàn quyền Đông Dương Pi-e Pa-xki-ê nhân khai mạc Hội đồng Chính phủ năm 1929 (Văn khố Bộ Thuộc địa, tờ 43).

2 Xem *Đường cách mệnh*.

nước nhà. Bài học rút ra từ hai tấm gương Mỹ và Pháp đó thật sáng, giản dị vô cùng, không ai là không chấp thuận: “Chúng ta đã hy sinh làm cách mệnh thì nên làm cho đến nơi, nghĩa là làm sao cách mệnh rồi thì quyền trao cho dân chúng số nhiều, chớ không để trong tay một bọn ít người. Thế mới khỏi hy sinh nhiều lần, thế dân chúng mới được hạnh phúc”⁽¹⁾.

Và Trần Phú, người đóng vai trò chủ chốt trong việc soạn thảo *Luận cương chính trị* được thảo luận ở Hội nghị Trung ương lần thứ nhất, tháng 10 năm 1930, đã từ một ngày hội *cát-tô duy-dê* ở Hà Nội mà đi tới những ngôi sao đỏ. Lịch sử thật khéo tự sắp xếp để làm nổi rõ bước đi của nó. Từ Nguyễn Đức Cảnh bình thản lên máy chém, Ngô Gia Tự hiên ngang đứng trước tòa cho đến em bé miền Nam phanh ngực ra trước nòng súng Mỹ, đến cô dân quân nheo mắt lá rầm bắn máy bay Mỹ, khí phách của dân tộc, ưu thế, tinh thần tuyệt đối của nhân dân ta, rõ ràng có sự giác ngộ từ *Đường cách mệnh*. Không phải là kẻ nô lệ vùng dậy trừng mắt nhìn lên quân áp bức, mà là những người chủ tương lai nhìn xuống lũ trâu điên của lịch sử. Và khi những người cách mạng của phong trào mới đang vươn tới những đỉnh cao của trí tuệ cách mạng thì tờ *Thực nghiệp dân báo*, xu hướng Việt Nam quốc dân đảng, hãy còn dịch đăng qua Trung văn, lòng thông hết ngày này qua ngày khác *Vạn pháp tinh lý* (*Tinh thần pháp luật*) của Mạnh Đức Tư Cửu (Mông-te-xki-ơ, thế kỷ XVIII) và bệ lên trang đầu những câu châm ngôn lủng cầ lủng củng của Tưởng Giới Thạch.

1 Xem *Đường cách mệnh*.

TƯ CÁCH NGƯỜI *KÁCH MỆNH*

Cùng bạn đọc lại *Đường kách mệnh*, tôi sẽ rất thiếu sót nếu không chép lại toàn văn ở đây phần nói về *Tư kách một người kách mệnh*. Phần này in lên đầu cuốn sách, trên cả lời nói đầu, đủ hiểu Bác đặt vấn đề cao đến thế nào.

TƯ KÁCH MỘT NGƯỜI KÁCH MỆNH

Tự mình phải

Kần kiệm

Hòa mà không tư

Kả quyết sửa lỗi mình

Kẩn thận mà không nhút nhát

Hay hỏi

Nhẫn nại (chịu khó)

Hay nghiên cứu, xem xét

Vị không vong tư

*Không hiếu zanh, không kiêu ngạo
Nói thì phải làm
Zũ chủ nghĩa cho vững
Hi sinh
Ít lòng ham muốn về vật chất
Bí mật.*

Đối người phải

*Với từng người thì khoan thứ
Với đoàn thể thì nghiêm
Kó lòng bày vẽ cho người
Trực mà không táo bạo
Hay xem xét người*

Làm việc phải

*Xem xét hoàn cảnh kỹ kàng
Quyết đoán
Zũng kảm
Fục từng đoàn thể⁽¹⁾.*

1 Chúng tôi chép lại phần này theo đúng cách viết trong sách để bạn đọc tham khảo. Các con chữ C (trừ trong CH) đều thay bằng K: kẩn kiệm, kó, kách mệnh... Con chữ D thay bằng Z: zũng kảm, zẽ, zùng... Con chữ G đi trực tiếp với I cũng thay bằng Z: Zì, zai, kấp, zũ chủ nghĩa... Con chữ Đ thay bằng chữ D; đoàn thể, quyết đoán, dá mòn... Nhóm NGH thay bằng NG: chủ nghĩa, niên kứ, nghiêm... Nhóm PH thay bằng F: fải, fục từng, fáp... Lối viết này, còn thấy dùng trong tài liệu *Công nhân vận động* của Nguyễn Đức Cảnh, viết trong nhà giam Hỏa Lò (Hà Nội), trước khi mất (193?) và phần nào trong bản thảo *Di chúc* của Hồ Chủ tịch (1969).

Một điều đáng chú ý nữa là việc phiên âm tiếng nước ngoài. Trong

Đây là tài liệu đầu tiên mà ta được biết về sự suy nghĩ của Bác đối với sự rèn luyện của người cách mạng, mầm mống của những điều Bác dạy bảo chúng ta sau này. Nó cũng làm chúng ta hiểu thêm con người Bác vào lúc đó nữa. Xuất phát từ hoàn cảnh và yêu cầu cụ thể của giờ phút tuyên truyền, giác ngộ, vận động quần chúng, gây cơ sở, mở phong trào - *Đường cách mệnh* đòi hỏi người chiến sĩ của mình không những một động cơ tinh thần trong sáng, những đức tính và tình cảm tốt đẹp đối với con người, một năng lực trí tuệ và một kỹ năng thực hành cần thiết để phát triển tri thức cách mạng và đẩy mạnh công tác quần chúng. Đặc biệt, những điều như *Giữ vững chủ nghĩa, đối với đoàn thể thì nghiêm, phục tùng đoàn thể, quyết đoán, dũng cảm* nhấn mạnh tính kiên định, tính nguyên tắc và dám nghĩ, dám làm, dám xô, dám đẩy của lớp người đẩy lên sự nghiệp của nhân dân.

Tư cách người cách mạng nêu lên trong *Đường cách mệnh* đã in dấu ấn vào cả một lớp người đầu tiên hoạt động, đã góp đặt những cơ sở đầu tiên cho sự hình thành cốt cách của người cộng sản Việt Nam sau này, giúp chúng ta giờ này đây tìm hiểu mình đúng hơn nữa.

Bác chăm chú hết sức đào tạo một lớp người nòng cốt của phong trào mới.

Đường cách mệnh, đã thấy viết: Kác Mác (không dùng Mã Khắc Tư). Lê-nin (không dùng Lý Ninh), Mông-tê-ski-ơ (không dùng Mạnh Đức Tư Cưu), Ru-xô (không dùng Lư Thoa)... và Ca-na-đa (không dùng Gia Nã Đại), Fi-lip-pin (không dùng Phi Luật Tân), Péc-si-a (không dùng Ba Tư)... cũng đã thấy viết: Pru-đông, Fa-cis-ty, Lu-y Mi-sel...

Các đồng chí được dự những lớp học ở Quảng Châu ngày Bác còn ở đấy, đã trực tiếp được học hỏi Bác nhiều điều. Khi giảng bài, gặp danh từ khó, Bác giảng đến nơi, cho ai nấy thật hiểu. Bác khuyến khích tự do tư tưởng, kêu gọi mọi điều thắc mắc để giải đáp chung. Những buổi thảo luận, Bác đến tận tổ ngồi dự. Đồng chí nào học kém, Bác cất người giúp đỡ thêm. Riêng anh Phan Trọng Quảng - người biết bơi vớt được đò đắm ở sông Bắc Luân, bạn đọc còn nhớ - chính Bác kèm riêng cho anh học. Bác kiểm tra sổ ghi chép của mỗi người, coi xem ghi chép thế nào và góp ý kiến với từng người. Đồng chí Nguyễn Lương Bằng còn kể Bác để thời giờ giúp anh em học tập thêm văn hóa. Chính đồng chí Bằng được Bác dạy cho tiếng Anh nữa. Bác thường nói với những đồng chí ít chữ nhất: “Đấy, các đồng chí cũng thất học. Chúng ta cần giúp đỡ nhau học thêm...”⁽¹⁾.

Trong những cuộc trò chuyện giữa đồng chí phụ trách và học viên, “chúng tôi thấy đồng chí Vương - lời đồng chí Lê Mạnh Trinh kể lại - tuy xa nước đã lâu mà biết rất thành thuộc tình hình trong nước: năm nào Pháp cướp lúa gạo của ta chở về nước bao nhiêu, năm nào ngân hàng Pháp được lời bao nhiêu, v.v... cho đến chuyện tên toàn quyền Va-ren đã cướp đồ cổ của Việt Nam chở sang Pháp bao nhiêu hòm”⁽²⁾. Bác biết được vì qua sách báo của bên Pháp và bên ta Bác nhận được, Bác theo dõi sát tình hình nước nhà. Trong tài liệu

1 Xem *Những lần gặp Bác*, đồng chí Nguyễn Lương Bằng kể, Nguyễn Huy Tưởng ghi, trong tập *Bác Hồ*, đã dẫn.

2 Xem Lê Mạnh Trinh, bài đã dẫn.

lịch sử ký tên Bác, chúng ta thấy Bác năng phân tích những xu hướng khác nhau trong bọn thực dân Pháp thống trị ở Đông Dương, những điểm mâu thuẫn nội bộ của chúng, nghiên cứu chính sách cụ thể từng lúc của chính quyền thuộc địa⁽¹⁾. Qua những câu chuyện Bác kể, các đồng chí ta cũng học được cái tầm nhìn của Bác.

*
* *

Lớp học ở Quảng Châu - “*Việt Nam cách mạng đặc biệt huấn luyện chính trị ban*”, như biển đề của nó ghi rõ trước cửa - nhờ Bác mà mời được nhiều đồng chí quốc tế đến giảng thêm cho nữa. Đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Pháp, vào khoảng cuối năm 1926 hay đầu năm 1927, có đến thăm và chào mừng lớp học. Người thay mặt cho cách mạng Việt Nam đọc lời chào mừng Đoàn đại biểu Đảng anh em là đồng chí Phạm Văn Đồng. Hai bài diễn văn của bạn và của ta lúc đó có in thành sách, bằng cả hai thứ tiếng, lấy tên là *Pháp Việt cách mạng để đối lập với thuyết Pháp Việt đề huề* mà thực dân Pháp đang lợi dụng bơm lên để lừa bịp.

Chính trong dịp đó, Bác dạy anh em học hát *Quốc tế ca* bằng tiếng Pháp và tiếng Trung Quốc, và sau đó, Bác dịch *Quốc tế ca* ra lời Việt, theo kiểu phổ thông, mượn vần vẫn lục bát để người địa phương nào cũng theo làn điệu dân ca nơi địa phương mình mà hát được. Nhân dạy bài *Quốc tế ca*, Bác có nói chuyện cho

1 Xem thư báo cáo ngày 19-2-1925, đã dẫn.

anh em nghe về Công xã Pa-ri. Đồng chí Bùi Lâm kể lại: “Khoảng cuối năm 1929, đồng chí Trần Phú trên đường từ Liên Xô trở về nước có ghé qua Pa-ri. Một hôm, cùng tôi đi viếng mộ các chiến sĩ Công xã Pa-ri, đồng chí Trần Phú bảo tôi: “Lần đầu tiên tôi được biết sự nghiệp vĩ đại của các chiến sĩ Công xã Pa-ri là ở Quảng Châu, do đồng chí Nguyễn Ái Quốc giảng cho nghe”. Nghe anh Phú, tôi nghĩ bụng: đồng chí Nguyễn Ái Quốc đến đâu là đào tạo người đến đó”⁽¹⁾.

Bấy giờ, tình hình cực kỳ sôi động của Quảng Châu và của cách mạng Trung Quốc là thực tế sống để các đồng chí ta hiểu một cách nóng bỏng thế nào là đấu tranh cách mạng. Những năm 1925 - 1926, Quảng Châu là căn cứ địa cách mạng Trung Quốc. Được sự ủng hộ của Chính phủ cách mạng Quảng Châu, cuộc bãi công của 25 vạn công nhân Hương Cảng kéo dài một năm rưỡi, 13 vạn công nhân rút về Quảng Châu, tràn ngập đường phố. Rồi đến chiến tranh Bắc phạt, với tiếng hát *Vùng lên* vang dậy đường hành quân lên Bắc và các đường phố Quảng Châu hừng hực khí thế cách mạng. Thành phố sôi nổi những cuộc đấu tranh quần chúng. Ngay trước cửa lớp học, trường trung học là nơi tập hợp quần chúng hàng ngày và từng giờ. Từ vụ tàu Trung Sơn do Tưởng Giới Thạch dựng lên, vu cho Đảng Cộng sản âm mưu bạo động, tình hình ngày một căng thẳng. Anh em được Bác giải thích cho những việc xảy ra. Và có lần một đồng chí hỏi Bác:

- Liệu Quốc Cộng có *đập trác* (đánh nhau) không?

1 Xem *Gặp Bác ở Pa-ri*, của đồng chí Bùi Lâm, trong tập *Bác Hồ*, đã dẫn.

Bác trả lời:

- Mình nắm chắc được quần chúng thì nó không dám. Mình mà không nắm chắc được quần chúng thì nó làm đấy.

Phải nói lớp học đặt ở Quảng Châu, giữa một thực tế sinh động vĩ đại về cao trào cách mạng và đấu tranh giai cấp, đã bồi dưỡng niềm tin ở sức mạnh của nhân dân và mài giũa giác quan chính trị của các đồng chí ta nhiều. Nó nâng cao rất mạnh ý thức và quyết tâm chung về xây dựng thực lực của cách mạng ở nước nhà. Trong *Đường cách mệnh*, phần nói về công tác tổ chức, Bác lấy kinh nghiệm thế giới bày cách tổ chức các đoàn thể quần chúng. Bác đặt vấn đề tổ chức đoàn thể của phụ nữ lên đầu, dẫn lời của Mác và Lê-nin về vai trò của phụ nữ trong cách mạng. Về tổ chức thanh niên cộng sản, Bác nêu cao gương 3.000 thanh niên Pháp đấu tranh chống lại cuộc chiến tranh đàn áp nhân dân Ma-rốc mà bị cầm tù, gương thanh niên Trung Quốc trong cuộc vận động Ngũ Tứ, gương thanh niên Triều Tiên chống Nhật “Cộng sản thanh niên đều đứng đầu đi trước”. Và Bác kết luận: “Ngày nay nước nào cũng có thanh niên cộng sản chỉ Việt Nam là chưa có”⁽¹⁾. Đối với tổ chức công nhân cũng vậy, Bác kêu gọi tổ chức theo cách của Bác. Bác lập một bản thống kê:

“Nay đã có công hội 47 nước, 11.750.000 người vào:

Giava (In-đô-nê-xi-a) 35.000 người

Cao Ly (Triều Tiên) 5.000 người

1 Xem *Đường cách mệnh*, đã dẫn.

Thổ Nhĩ Kỳ	20.000 người
Trung Quốc	450.000 người
Nhật	32.000 người
Mông Cổ	5.000 người
Việt Nam	000 người

Ba con số không to hơn mọi chữ số khác của Bác chắc đã đập vào mắt Ngô Gia Tự và Nguyễn Đức Cảnh, những người tràn đầy dũng khí thanh xuân, ngay sau đó lao vào sự nghiệp vận động giai cấp và đi đầu trong việc xây dựng Đảng.

Và điều không ai có thể ngờ được là phần cuối cùng của *Đường khách mệnh* lại nói về tổ chức hợp tác xã, “hợp tác xã tiền bạc”, “hợp tác xã mua”, “hợp tác xã bán”, “hợp tác xã sinh sản”, “trước là ích lợi cho dân, sau là bớt sự bóc lột của tụi tư bản và đế quốc chủ nghĩa”. Bác muốn áp dụng ở ta những điều Bác đã nghiên cứu chẳng những ở Nga và mà cả trong phong trào công nhân lâu đời ở nước Anh nữa. Phải chăng Bác đã nghĩ đến ngày chúng ta từ nền sản xuất nhỏ manh mún này mà đi lên chủ nghĩa xã hội? Bác muốn nhen nhúm ngay trong lòng xã hội cũ một vài nhân tố mạnh nha mà ta có thể chủ động tạo ra, gây tiền đề nhỏ nhỏ cho chế độ mới, nền kinh tế mới và con người mới, tập cho tất cả chúng ta quen từ sớm ý thức và tập quán làm ăn tương trợ và tập thể.

*
* *

Theo lời các đồng chí cách mạng lão thành kể lại, cán bộ ta ngày đó theo lời Bác dạy, một số nơi cũng có lập hợp tác xã. Như đồng chí Tạ Then ở Yên Mô (Ninh Bình) có làm “hợp tác xã sinh sản”, đồng chí Phạm Văn Ngọ, tức Ngạn, tức Xương, công nhân nhà máy sợi Nam Định, năm 1923, điều ra mỏ, cũng có lập hợp tác xã mua bán phục vụ anh em công nhân, phân công người đi mua về cho các gia đình thợ những thứ cần thiết không lấy lãi. Đối với công tác vận động quần chúng - theo nói lại - đây cũng là một loại tổ chức biến tướng, như hội đá bóng, hội đọc báo, hội đọc sách, ngày ấy tổ chức rất nhiều để thu hút quần chúng có cảm tình với phong trào. Song, đối với vấn đề tổ chức hợp tác xã, Bác để những mười trang đặc chữ trong cuốn *Đường cách mệnh* mà giảng về nó, tôi nghĩ Bác tính một điều gì sâu hơn thế nữa. Chỉ ít, Bác cũng giáo dục người cách mạng quan tâm thật sự đến đời sống nhân dân, biết tính toán thiệt hơn cho lợi ích của dân, của nước, nghĩa là chú ý vấn đề kinh tế. Bác nêu những thí dụ cực kỳ đơn giản làm cho người ta quen được với khái niệm hàng hóa, như mua thùng dầu lửa, tính công chăn bò, người trồng bông, người trồng chè đem đi chợ ra làm sao, mỗi người bị chủ nghĩa tư bản vô hình và thị trường hàng hóa bóc lột như thế nào. Năm mươi lăm năm sau, cháu mới thấy ra - mà chưa hết - tầm nghĩ của Bác!

Ở lớp học Quảng Châu, lại còn những buổi tập nói chuyện với đồng bào nữa, luyện cho người cách mạng cách đi vào từng đối tượng công nhân, nông dân, học

sinh, trí thức, phụ nữ như thế nào. Bác dự cả những buổi “thực tập” ấy của anh em. Tuy cách huấn luyện của tổ chức ở Quảng Châu đã chăm chút kỹ càng như vậy, nhiều anh, lần đầu sắp đi gây phong trào kiểu mới, cũng hãy còn lo lắng, không biết về nước hoạt động thực tế ra sao. Bắt đầu bằng cái gì? Gần hết lớp học, anh em nêu lên điều băn khoăn của mình với Bác. Bác hỏi lại:

- Đồng chí có anh em ruột không?

- Có.

- Có bạn học không?

- Có.

- Có láng giềng không?

- Có

- Có chơi thân với ai không?

- Có.

- Thế thì mình lựa những người ấy, tuyên truyền, giác ngộ, đưa vào tổ chức. Những người mình đã hiểu rõ thì không mất nhiều thời giờ điều tra. Cứ tuyên truyền hai người thì thành một tổ. Hai người này lại tự mình đi lập thêm một tổ nữa. Cứ thế mà nhân lên.

Bác chỉ dặn thêm:

- Muốn tuyên truyền công nhân, nông dân, thì ngoài điều nói mất nước, áp bức, bóc lột, sưu cao thuế nặng, phải nói về ông cha ta ngày trước.

Thường xong mỗi khóa học, toàn thể học viên lại cùng với Bác và các đồng chí phụ trách Tổng bộ Thanh niên đến đồi Hoàng Hoa là nơi đặt phần mộ bảy mươi hai liệt sĩ cách mạng Trung Hoa. Đối diện với những phần mộ này là phần mộ liệt sĩ Phạm Hồng Thái. Cụ Phan Bội Châu viết về sự tích phần mộ này như sau: Tháng bảy năm Giáp Tý (8-1924), hai tháng sau khi liệt sĩ mất, tôi trở về Quảng Châu, dựng bia đá trước mộ liệt sĩ để làm kỷ niệm, đợi sau này sẽ cải táng. Đến tháng Chạp năm ấy, người trong Quốc dân đảng là Liêu Trọng Khải (đảng viên Quốc dân đảng thuộc phái tiến bộ, sau này đứng ra triệu tập đại hội thành lập “Hội các dân tộc bị áp bức” theo sáng kiến của Nguyễn Ái Quốc; năm 1926, bị bọn phản động Tưởng Giới Thạch giết hại) muốn kỷ niệm Phạm liệt sĩ để tỏ cảm tình của người Trung Quốc đối với Đảng cách mạng nước ta, xin trích tiền cộng là 3.000 đồng, bàn với đảng viên ta rời mộ liệt sĩ cải táng ở một ngọn núi nhỏ trước Hoàng Hoa Cương. Cách kiến trúc rất hùng vĩ, ở trước dựng một tấm bia lớn, chữ trong bia to bằng bàn tay, đề là: “Việt Nam chí sĩ Phạm Hồng Thái tiên sinh chi mộ”. Người đề chữ là ông Trâu Lỗ⁽¹⁾.

*
* *

1 Xem *Phan Bội Châu niên biểu*. Theo Tôn Quang Phiệt, sách đã dẫn, năm 1958, mộ đã rời đi chỗ khác.

Về Phạm Hồng Thái, cụ Phan còn viết: Tờ tuyên ngôn của dân đảng Việt Nam về vụ án lạc đạn phát sinh ở Sa Diện, Truyện liệt sĩ Phạm Hồng Thái, Văn tế truy điệu Phạm liệt sĩ.

Trước mộ Phạm Hồng Thái, những người của phong trào mới nghiêng mình. Nhân danh Tổng bộ Thanh niên và ban phụ trách lớp học, Lâm Đức Thụ đọc lời thề:

- Noi gương liệt sĩ, phục vụ cách mạng, hy sinh vì nước.

Bấy giờ, lớp thanh niên hấp thụ tư tưởng mới đã bắt đầu hiểu rằng trong việc tiếp thụ bài học của các bậc đàn anh, mình có phần phải trân trọng kế thừa, nhưng có phần cũng phải biết phủ định mới được. Ngay sau khi thề, trung thực với chính mình, một đồng chí nói ngay:

- Chúng ta noi gương liệt sĩ phục vụ cách mạng, sẵn sàng hy sinh tất cả. Nhưng chiến đấu đến cùng, nhất quyết không theo cái nhảy xuống sông tự tử.

- Gần như hầu hết học viên đều tỏ ý tán thành ý nghĩ đó.

Lâm Đức Thụ quát mắt:

- Tham sống sợ chết là hèn nhát. Người trượng phu phải coi cái chết nhẹ như lông hồng.

Anh em nhìn đồng chí Lý Thụy, rất vui sướng vì thấy đồng chí gạt gù tỏ ý tán đồng lối nghĩ của đám trẻ.

Thề xong, tất cả xếp hàng để Lâm Đức Thụ chụp ảnh chung làm kỷ niệm. Bấy giờ chưa có phim nhựa, ảnh chụp vào kính. Ảnh chụp xong, lẽ tất nhiên thế nào Lâm Đức Thụ cũng khoe với Bác. Ta đều biết Bác đã từng làm thợ sửa ảnh gần bốn, năm năm liền ở Pa-ri, làm hãng Lê-nê. Vì Bác lành nghề, cho đến khi

Xa-rô gây đủ áp lực, bọn chủ mới để Bác thôi việc. Bác xem những kính ảnh do Lâm Đức Thụ chụp và lỡ tay đánh rơi mất một tấm kính ảnh.

Sau này, Lâm Đức Thụ phản, nộp cho Tây tất cả những ảnh của các đồng chí đã học ở Quảng Châu. Những năm 1930 - 1931, mật thám Pháp dùng những ảnh đó để truy lùng và đối chất trong khi lấy cung và tra tấn những người cộng sản. Những ảnh đó nay ta sưu tầm lại được. Trong số ảnh này, không có ảnh nào chụp đồng chí Lý Thụy hay đồng chí Vương cả.

Bác rất cảnh giác. Trong số chín người thanh niên Bác tổ chức đầu tiên ở Quảng Châu, một số như anh Lê Hồng Phong, Bác đưa vào học trường Quân sự Hoàng Phố. Một số anh em khác, Bác giới thiệu tham gia quân đội của chính phủ cách mạng Quảng Châu. Có người Bác bố trí vào cục cảnh sát ở Quảng Châu. Đó là đồng chí Trương Văn Lệnh (Lệnh).

Tình hình Trung Quốc đang biến động. Do xương máu của công nhân, nông dân và chiến sĩ cách mạng, tháng 9 năm 1926, Bắc phạt thành công. Thế lực đế quốc chủ nghĩa và phản động ở Trung Quốc phản kích thâm độc và điên cuồng, mở cuộc “Nam phạt chính trị” phản cách mạng. Tưởng Giới Thạch câu kết với bọn trùm tài phiệt Giang Tô và Chiết Giang, nhận lệnh của chúng, âm mưu làm phản sự nghiệp cách mạng dân chủ chống đế quốc và chống phong kiến của nhân dân Trung Quốc. Bọn đế quốc Anh và Mỹ bắn phá Nam Kinh, Tưởng Giới Thạch ra tay khủng bố cách mạng. Sau ba lần khởi nghĩa thất bại, công nhân Thượng

Hải bị chìm trong biển máu của vụ thảm sát 12-4-1927. Tưởng Giới Thạch đã thấy cả miền Đông Nam Trung Quốc là địa bàn riêng của hắn rồi. Đã đến lúc chín muồi để nó trở mặt hoàn toàn. Nhân dân các tỉnh miền này bị đàn áp đẫm máu. Và riêng tỉnh Quảng Đông - có “vụ thảm sát 15-4-1927”, không biết bao nhiêu người con ưu tú của cách mạng Trung Quốc hy sinh.

Trương Văn Lệnh (Linh) đã sớm báo cho Bác biết tình hình có thể xảy ra đột biến.

* * *

Giữa tháng 4-1927, Bác rời khỏi Quảng Châu. Đến tháng 5 năm 1927, anh em sinh viên Việt Nam tại ký túc xá trường Đại học Phương Đông ở Mát-xcơ-va bảo nhau: có một người anh em Việt Nam đến thăm. Anh Lê Hồng Phong giới thiệu với mọi người một người gầy yếu, má hóp, trán rộng và bảo đó là đồng chí Vương. Trong buổi gặp gỡ - người cách mạng Việt Nam xa nước được gặp nhau bao giờ mà chẳng thân, chẳng vui - đồng chí Vương vừa nói, vừa cười, đưa cho anh em xem giấy căn cước đã xé làm đôi ráp lại: “Cái này mình tưởng nó là vật vô dụng không ngờ lại là cái bùa hộ thân; không có nó, cũng khó lòng thoát khỏi Quảng Châu”.

Bác không còn ở đây nữa, nhưng cơ sở Quảng Châu Bác đã đặt được, sau này vẫn tồn tại. Và điều quan trọng là Bác đã lo bố trí được một đường dây liên lạc mới, chắc chắn hơn, để đón anh em trong nước ra ngoài học. Bác dùng người như dùng mộc. Bác chọn chính đồng chí Nguyễn Công Thu - là người mà chúng

tôi ở phần trên đã giới thiệu, để làm việc này. Bác Nguyễn Công Thu, đến nay, lại vẫn làm việc đưa đón cán bộ. Trong kháng chiến chống Mỹ, Bác phụ trách việc tiếp đón một số anh chị em cán bộ miền Nam ra thăm và nghỉ trên miền Bắc.

Vào đầu năm 1927, việc tổ chức đường dây này vô cùng bức thiết. Thanh niên trong nước có lửa, có lòng hướng cả về Quảng Châu. Từ Nam Bộ, đồng chí Nguyễn Văn Tây⁽¹⁾ và một số thanh niên nữa bỏ tiền nhà và tiền vận động xin được, tìm đường ra Hương Cảng, rồi xốc thẳng tới Quảng Châu, sục sạo khắp nơi, hỏi thăm đến Lục tuyến trà thất, qua đó mà liên lạc được với Tổng bộ Thanh niên. Sau khi điều tra và thử thách, thấy đều là người chân thành cách mạng,

1 Đồng chí Nguyễn Văn Tây tức Nguyễn Thanh Sơn, trong thư gửi chúng tôi đề ngày 28-1-1975, có cho biết thêm như sau:

“Quá trình tìm đường cách mạng của tôi (Nguyễn Văn Tây) trong hai năm 1926 - 1927 không được may mắn đi theo đường dây liên lạc của anh Nguyễn Công Thu mà Bác đã bố trí... Năm 1927, tôi được anh Nguyễn Văn Côn, ở Gò Công, giới thiệu với ông Dương Hữu Dung, hiệu trưởng trường Hoa kiều Quảng Đông, ở Cần Thơ, nguyên là một cán bộ tham mưu của Liêu Trọng Khải... tôi mới hiểu được cách mạng Trung Quốc... trường Hoàng Phố... và chuyển hướng đi sang Trung Quốc để tìm cách mạng. Ông Dương Hữu Dung tổ chức cho chúng tôi đi theo đường dây của ông: lên Sài Gòn, vào một khách sạn, rồi trốn xuống gầm một chiếc tàu chạy đường Sài Gòn - Hương Cảng. Đến Hương Cảng, lên tàu hỏa đi Quảng Châu. Trước khi đến trường Hoàng Phố thì tìm đến Lục tuyến trà thất, tìm gặp Á Đông bị áp bức dân tộc liên hợp hội Việt Nam chi bộ để gặp những nhà cách mạng Việt Nam tại đây. Nhờ đó, chúng tôi được gặp cụ Hồ Tùng Mậu, người kế tục công việc của Bác Hồ và Tổng bộ Thanh niên, và tìm được đường cách mạng Việt Nam của Bác...

... Kỳ ấy, chúng tôi đi chín người, tuổi khoảng 19, 20. Riêng Nguyễn Văn Tây, chưa đầy 17 tuổi.

lớp học ở Quảng Châu đã nhận những người học viên mang dòng máu quê hương giàu chí khí.

Bác chú ý đến tất cả. Trao công tác cho ai, Bác cũng chuẩn bị điều kiện rất kỹ cho người ấy hoàn thành công tác của mình. Đích thân Bác giở bản đồ ra, giảng cho Nguyễn Công Thu về địa lý miền Nam Trung Quốc. Bác lại mời được một người bạn của Bác làm sư trưởng trong quân đội Trung Quốc lúc bấy giờ bày vẽ tỉ mỉ cho Nguyễn Công Thu thêm nữa.

Con đường Bác bảo mở, những Ngô Gia Tự, những Nguyễn Đức Cảnh đã đi lên.

Con đường đó, năm 1933, Hoàng Văn Thụ lại đi đi, về về, khôi phục phong trào ở vùng Cao Bằng và Lạng Sơn, xây dựng lại Đảng trước sự khủng bố trắng của địch.

Con đường đó sau này là con đường Bác trở về Pác Bó, lãnh đạo Việt Minh, làm Cách mạng tháng Tám.

TỪ MẢNH ĐẤT THĂNG LONG

— I —

Mỗi giờ lớn của Tổ quốc đều nổi lên một thế hệ thanh niên kỳ vĩ, lớp trước nâng lớp sau lên, thực hiện những điều quả là vượt trên lứa tuổi.

Chính thực dân Pháp đã đẻ ra những người đào mồ chôn nó.

Sau chiến tranh thế giới thứ hai, tư bản Pháp hăm hở mở cuộc đầu tư vào Đông Dương lần thứ hai. Bởi vì, ở Đông Dương đồng vốn của tư bản sinh lời rất cao. Như công ty mỏ than Hòn Gai, số lợi nhuận thu được riêng của năm 1925 bằng gấp bốn lần số vốn đầu tư ban đầu. Trong suốt 30 năm từ năm 1888 đến năm 1918, tổng số vốn tư bản Pháp đầu tư vào Đông Dương là 490 triệu phrăng. Riêng năm 1926, số vốn bỏ vào Đông Dương đã là 633,1 triệu phrăng rồi. Phong trào đầu tư thúc đẩy kinh tế phát triển, và theo đó, giai cấp công nhân Việt Nam - như ta đã biết - tăng lên rất mau về số lượng.

Cùng với sự phát triển của giai cấp công nhân, để phục vụ việc khai thác xứ này, bọn thực dân thấy cần thiết phải mở rộng việc đào tạo một lớp công chức và nhân viên kỹ thuật người địa phương. Ngành giáo dục bắt buộc phải phát triển. Theo tập kỷ yếu *Các công việc hội đồng thường niên năm 1930* của Viện dân biểu Bắc Kỳ: năm 1921, cả xứ về cao đẳng tiểu học, ngang với cấp 2 bây giờ, chỉ có 459 học sinh trai, 5 gái, và có 47 trai và 5 gái thi đỗ. Đến năm 1925, đã có 808 trai và 15 gái, và có 104 trai và 7 gái thi đỗ. Trường trung học bản xứ dạy nhờ bên trường trung học con Tây An-be Xa-rô, mãi đến năm 1925, mới sản sinh ra 17 ông tú tài bản xứ đầu tiên. Tổng số giáo viên các loại, kể cả ngạch phụ, ngạch chính và tổng sư, tăng từ 1.452 năm 1921 lên 2.142 năm 1926⁽¹⁾.

Đạo quân trí thức “gỗ đầu trẻ” và học sinh tuy nhỏ nhol này đã cung cấp cho phong trào cách mạng mới, trong những giờ đầu tiên, nhiều cán bộ quan trọng.

Đặc biệt trường Bưởi, Hà Nội, thực dân đặt tên là trường Bảo Hộ, lại là nơi sản sinh ra nhiều người chống lại chính phủ bảo hộ nhất. Ta đều biết trường này, Tây mở vôi mở vàng vào năm 1907 để đối phó với ảnh hưởng lớn của phong trào Đông Kinh nghĩa thực, rút cuộc lại phát triển trong trường lớp học sinh tinh thần nghĩa thực. Đồng chí Phạm Văn Đồng, sau năm 1954, có một lần đến thăm trường cũ, ôm lấy vị thầy dạy học ngày xưa và giới thiệu với bạn trẻ học sinh: “Đây là thầy giáo

1 Xem *Bắc Kỳ nhân dân đại biểu viện*. Tập kỷ yếu. Các công việc hội đồng thường niên - năm 1930 (từ trang 87).

của tôi”. Cũng ở trường Bưởi có đồng chí Hà Huy Giáp, rồi các đồng chí Ngô Gia Tự, Trịnh Đình Cửu, rồi đồng chí Đỗ Ngọc Du tức Phiếm Chu, rồi các đồng chí Nguyễn Văn Cừ, Lê Văn Lương và nhiều đồng chí khác. Vào lúc trí khôn mở trước cuộc đời, trái tim nồng nhiệt, tình bạn nảy nở, họ đã từng khoác vai bạn, hiểu lòng nhau cùng lứa tuổi, đi dưới những hàng cây sấu nặng trĩu suy tư, ấp ủ ước mơ, hoài bão hay ngồi một mình bên bờ Hồ Tây, trông lên những đỉnh Ba Vì, nổi lên mây trắng, gọi hồn trẻ nghĩ đến nước non và những điều cao vọng. Thật là quan trọng, giai đoạn nhà trường phổ thông đối với tuổi thiếu niên đang phát triển. Đó là tuổi đời rèn tính khí, nhen bản lĩnh, định lý tưởng, chuẩn bị cho những bước nhảy vọt về tình cảm, tinh thần và sức vóc, để mai đây gánh vác việc đời.

Ngô Gia Tự và Trịnh Đình Cửu là đôi bạn học thân nhau từ sớm - theo sự tìm hiểu của chúng tôi - cùng học năm thứ tư C (ngang với lớp bảy hoặc lớp tám bây giờ) trường Bưởi năm 1926. Tôi đã gặp anh Trịnh Đình Cửu, người bạn chiến đấu sát cánh bên nhau của Ngô Gia Tự và Nguyễn Đức Cảnh ngày xưa, hỏi lại anh về thời đi học của lớp người các anh ngày trước. Cũng vì quý mến lớp em cháu sẽ kể tục và đưa sự nghiệp cách mạng của nước nhà đến những đỉnh cao chưa từng thấy, anh Cửu, tuổi đã cao mà vẫn tiếp tục nghiên cứu và đọc sách, đã bớt chút thời giờ, kể lại đôi điều để chúng ta hiểu thêm về một lớp người từ ghế nhà trường thực dân đã đi đến với cách mạng, những giờ đầu dựng nghiệp.

Lớp người các anh đi học vào lúc mà thực dân Pháp thi hành một chính sách văn hóa mới, nhất quyết chinh phục những đầu óc của xứ này bằng cái gọi là “văn minh Thái Tây”. Ta đều biết vào năm 1926, “tùng thư Âu Tây tư tưởng”, phiên dịch diễn nghĩa sách Âu, mỗi tháng in hai cuốn nhỏ, 72 trang, giá 5 xu, đã xuất bản được 60 cuốn rồi; lúc đầu in ra có một vạn bản mỗi lần mà đến năm đó đã in ra đến 18.000 bản, mỗi tháng ra đều 36.000 cuốn sách không kể những cuốn in lại⁽¹⁾. Ảnh hưởng của sách đó xộc vào mỗi gia đình trung lưu thời bấy giờ. Nhờ học lên đến cao đẳng tiểu học, có đủ tiếng Pháp, lớp người như anh Cửu, rất ham đọc sách. Những cái đọc mới ấy để lại cái gì trong lòng người thiếu niên? Anh Cửu nhớ lại: “Tôi có một cảm giác chung là con người là tốt đẹp, con người là dũng cảm, con người là vị tha. Có thể nói là nhờ đọc sách một phần mà sớm biết nghĩ đến nhân quần, xã hội. Còn nhớ vào năm tôi học năm thứ hai trường Bưởi, tôi có làm bài luận, viết đặc bốn trắng, phát triển ý: “Đồng loại là chúng ta, chúng ta là đồng loại”, khiến thầy giáo tôi lúc bấy giờ là ông Nguyễn Văn Nho phải bảo rằng: “Anh làm, hay ai gà cho anh đấy?”.

Nhưng tấm lòng vị tha, rất giàu ở bất cứ tuổi trẻ nào, bị nhức nhối trước thực tế của đời sống xã hội thời bấy giờ. Ngay trên con đường đi học, từ nhà ở Hàng Đào cho đến đầu Thụy Khê, qua chợ Đồng Xuân và cả một dãy phố Quan Thánh đủ thấy bao nhiêu điều

1 Xem *Tổng thuật công việc Bắc Kỳ nhân dân đại biểu viện* - năm 1929 (trang 46).

ngang trái, đời sống đồng bào nghèo nheo nhóc, người ăn xin, kẻ bán con. Mỗi bước đi đường lại thấy *cu-lít* ra oai hống hách; nghỉ hè về quê lại thấy tri huyện nọc dân quê xuống quát roi vào lưng. Các anh thấy xúc động trước cuộc đời đầy sự phi nhân và phi lý, khao khát công bằng, khao khát lý tưởng và trong đầu óc thơ non nhưng nhạy cảm, hình thành lòng yêu nước thương nòi từ lúc nào không biết. Tự trong lòng họ đặt ra câu hỏi: “Sống để làm gì? Chẳng lẽ suốt đời quần trắng, mùa nực thì áo dài thâm hay sao?”. Lời Nguyễn Phi Khanh dặn dò Nguyễn Trãi để lại một ấn tượng sâu sắc trong lòng họ. Lịch sử nước mất rẻo sóng khi lòng người trẻ bắt đầu biết nghĩ.

Và họ thân nhau từ đây, Ngô Gia Tự và Trịnh Đình Cửu. Họ đọc sách Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh và ham thơ Huy-gô, những bài nói về tinh thần cách mạng 1789 của Pháp, tiểu thuyết *Năm 93* của nhà văn này viết về thời Van-my và tập thơ *Năm khủng khiếp* cảm tác về Công xã Pa-ri, gần giai cấp vô sản rồi. Lác đác có báo *Người cùng khổ* đưa về và một hôm họ kiếm được cuốn *Bản án chế độ thực dân Pháp* của Nguyễn Ái Quốc. Họ dặt cuốn sách vào cặp quần, suốt ngày nghĩ đến nó, và tối đến, ở ký túc xá, chín giờ phải đi ngủ hết, họ đem cuốn sách ra buông vệ sinh, nơi đây dong đèn suốt đêm, mê mải đọc, làm như học trò “gạo cù” vậy. Chung quanh họ, số đông bạn trẻ còn đang ham chơi nhiều, nghĩ nông cạn, chỉ bàn chuyện học để làm quan, học để làm công chức, để “đào mỏ”, tức là lấy vợ nhà giàu, chỉ nghĩ đến thân sướng là trên hết. Phải thấy lúc đó Tây

biết hướng con người ta có đôi chút học vấn toàn tâm toàn ý nghĩ đến tiến thân bằng con đường cạo giấy như thế nào. Trên báo hằng ngày, đến một anh công chức bình thường tăng có một bậc lương cũng đăng chêm chệ lên mặt báo⁽¹⁾. Xem lại mục đó, ta thấy thang lương ra sao: vào ngày 7-10-1929, trước tình hình rục rịch của cách mạng, Tây phải công bố tăng lương cho quan lại và công chức. Như quan lại Trung Kỳ, tính lương năm, quan văn hàm nhất phẩm tăng từ 4.680 đồng lên 5000 đồng và lương thị vệ (lính hầu) tăng từ 154,8 đồng lên 174,15 đồng. Lương công chức bậc trung, ngành bưu điện chẳng hạn, công chức thượng hạng tăng từ 1.704 đồng lên 1.920 đồng, và hạng bét của bậc trung, kém 6 trật, tăng từ 828 đồng lên 948 đồng⁽²⁾. So với lương thợ năm 1929, do Ty văn hóa Nam Định sưu tầm, theo tờ giấy phát lương của Tây để lại, tiền công thợ của ông Tư, thợ máy nổ, nhà nuôi 6 người, có 4 con nhỏ, là 0,25 đồng một ngày, lương công nhật. Có so sánh như vậy, ta mới càng quý lớp người đầu tiên như Ngô Gia Tự, bỏ giai cấp mình, hiến thân hoàn toàn cho giai cấp mới.

*
* * *

1 Xin nêu một thí dụ: Báo *Đông Pháp*, ngày 20-9-1929 đưa tin: “Ngạch tòa xứ: Các ông Nguyễn Khắc Phan và Trần Trọng Đạt, thư ký tập sự tại tòa Đốc lý Hải Phòng, niên bổng 350 đồng (lương cũ) nay được thăng lên hạng 8 kể từ ngày 18-9-1929”.

2 Báo *Đông Pháp*, ngày 7-10-1929, đưa tin: từ 1929 niên bổng các quan lại Trung Kỳ được tăng, và đăng cụ thể lương cũ, mới của các quan văn, quan võ và lễ bộ quan. Báo *Đông Pháp*, ngày 8-10-1929 đưa tin: tăng lương cho các viên chủ sự bậc trên và bậc trung thuộc ngạch bưu điện, có công bố số lương cụ thể của từng hạng.

Cái tang Phan Châu Trinh đã cắt ngang cuộc đời đi học của họ. Cụ Phan Châu Trinh, hiệu là Tây Hồ, là một chí sĩ, theo chủ nghĩa dân tộc cải lương. Song gặp lúc lòng đồng bào ta xót xa thương nước, nhân dân cả nước để tang cụ là biểu dương tinh thần dân tộc và tình cảm son sắt của mình. Ở Sài Gòn, 14 vạn người đi đưa đám cụ Phan. Khắp các thành thị, nổ ra bãi công, bãi khóa, bãi thị, đều tổ chức truy điệu Phan Tây Hồ⁽¹⁾. Một người thợ đã nhìn thấy ngay từ lúc đó ý nghĩa lễ tang Phan Châu Trinh. Đó là Trần Quang Tạng, tức Khổng, một công nhân làm ở hãng tàu Bạch Thái Bưởi thành phố Nam Định. Tại nghĩa trang Bắc Tế thành phố này, nhân dân tổ chức lễ truy điệu cụ Phan. Trước bàn thờ cụ, treo câu đối đề:

*Truy điệu Tây Hồ nhật
Hoán tỉnh quốc dân hồn
(Ngày truy điệu Tây Hồ
Thức tỉnh hồn quốc dân)*

Câu đối đó là của Trần Quang Tạng, một đảng viên cộng sản sau này, vào những năm sau 1930, đã đóng vai trò quan trọng trong việc khôi phục cơ quan chỉ đạo của Đảng bộ Bắc Kỳ.

Ngô Gia Tự, Trịnh Đình Cửu cùng với tất cả anh chị em học sinh trường Bưởi và các trường Hà Nội bấy giờ đã tham gia bãi khóa để tang cụ Phan Châu Trinh.

1 Phan Thanh Sơn, trong luận án tiến sĩ đệ trình Đại học Xóc-bon, Pa-ri, 1968: Phong trào công nhân Việt Nam từ nguồn gốc đến năm 1945, viết: “Đám tang Phan Châu Trinh, “nhà cải cách bất bạo động”, chủ trương “dựa trên thực dân Pháp để lật đổ bọn phong kiến bản xứ” - là cơ hội cho một phong trào chống thực dân mạnh mẽ”.

Cuộc bãi khóa này do học sinh trường Bưởi nổ ra trước. Cảnh sát đàn áp. Nhà học chính Bắc Kỳ hăm dọa đuổi tất. Bãi khóa xong, Tây phải nhượng bộ, ra chủ trương ai muốn xin học nữa cũng cho học. Đây là lúc phải lựa chọn. Và người thanh niên trí thức cách mạng quả là có nhiều lần phải đứng trước lựa chọn. Đến năm 1936, thời kỳ Mặt trận Dân chủ, ở trường Bưởi, dưới sự lãnh đạo của Thành ủy Hà Nội lúc bấy giờ, lại nổ ra một cuộc bãi khóa nữa, quyết liệt, đấu tranh mạnh hơn, đòi quyền dân chủ. Đến nổi tên giám đốc là Ô-ti-giông, quan cai trị bằng văn hóa, năm đó, phải ôm hận cuốn gói về Tây, thú nhận thất bại của nó trong sự nghiệp “bảo hộ” ở trường Bảo Hộ.

Ngô Gia Tự và Trịnh Đình Cửu đã chọn con đường bỏ học. Chính trong cuộc đấu tranh mà những anh em cùng thanh khí gặp nhau. Những phần tử tích cực nhất trong cuộc bãi khóa này đi lại với nhau, thân nhau hơn, và không lâu sau đó lại gặp nhau trong tổ chức của Thanh niên Cách mạng hội. Trịnh Đình Cửu với Ngô Gia Tự, sau bãi khóa, bàn nhau nghĩ đến “xuất dương”. Trong khi chờ đợi cơ hội, họ bảo nhau cứ học, đọc cho nhiều để tạo cho mình một căn bản văn hóa vững. “Muốn giúp nước phải có trình độ cao mới được”, những người trẻ có tâm hồn thường nghĩ như vậy. Thời bấy giờ, báo *Nam Phong* đã giới thiệu bốn vĩ nhân của thế giới cùng thời là tổng thống Mỹ Uyn-xơn, lãnh tụ Thổ Nhĩ Kỳ là Muýt-ta-pha Kê-man, ông Tôn Dật Tiên và Lê-nin. Về Lê-nin, báo chí công khai thời bấy giờ, bắt mạch được sự khao khát của người đọc trẻ, thỉnh thoảng nói về Lê-nin, nhưng dưới khía

cạnh ca ngời cho sự uyên bác của một danh nhân thế giới, kể rõ gương miệt mài đọc sách và nghiên cứu của Lê-nin trong các thư viện quốc gia Pháp ở Pa-ri và thư viện quốc gia Thụy Sĩ ở Béc-nơ. Đối với thanh niên của một dân tộc trọng sự học như dân tộc ta, cái học của Lê-nin gây ấn tượng mạnh.

Thế là Trịnh Đình Cửu đi vào Thư viện Trung ương, nay là Thư viện quốc gia ở đường Tràng Thi, Hà Nội. Anh nói dối gia đình là mình ra thư viện học để chuẩn bị thi tú tài, hàng ngày đến thư viện đọc say sưa đến nỗi quá trưa người nhà phải đến gọi mới biết giờ cơm đã muộn. Cơm xong, lại đến thư viện. Ngày ba buổi đọc. Lúc đó thanh niên yêu sách đang đọc gì ở thư viện của Tây? Tập san *Kỷ yếu châu Á thuộc Pháp* đã mở cuộc điều tra trong năm 1927 - 1928, người Việt Nam đến đọc sách gì ở Thư viện Trung ương Hà Nội là thư viện lớn nhất Đông Dương hồi bấy giờ. Kết quả: số sách họ đọc tổng cộng là 5.427 bộ, đại bộ phận là đọc tiểu thuyết. Thứ tự tác giả được chọn đọc nhiều nhất là: 1) A-lê-xăng Đuy-ma: 639 người đọc; 2) Tiểu thuyết trinh thám Anh của Cô-nan Đôi-lơ: 417 người đọc; 3) A-na-tôn Phrăng: 336 người đọc; 4) Tiểu thuyết trinh thám Pháp của Lơ-ru: 311 người đọc; 5) Ban-dắc: 272 người đọc⁽¹⁾.

Một thanh niên có ý thức đi tìm lẽ sống thì đọc gì? Anh Trịnh Đình Cửu cho biết, hồi ấy, anh đọc còn lung tung lắm. Cũng có đọc những tiểu thuyết xã hội cho thấy sự đồi bại của xã hội tư bản. Cũng đọc cả sách chống cộng như *Hãy đề bẹp bọn bôn-sê-vích*. Đọc cả

1 Tập san *Kỷ yếu châu Á thuộc Pháp* điều tra trong khoảng 1-11-1927 đến 30-3-1928 (*Phụ nữ Tân văn* số 10-10-1929).

sách tôn giáo để xem chân lý ở về đâu. Đọc kinh thánh của Thiên Chúa, kinh Co-ran của đạo Hồi, kinh Ra-ma-y-a-na của Ấn Độ, đọc và tranh luận về cả Khổng Tử nữa. Không cái gì làm anh thỏa mãn. Tại sao tôn giáo ấy với triết học ấy đã có mấy nghìn năm mà thế giới vẫn buồn và con người vẫn khổ. Chịu ảnh hưởng của *Nam Phong*, anh có lúc, muốn theo cách chiết trung, lựa hết tinh hoa của văn hóa Đông Tây, cái gì hay thì giữ lại cho mình, cái gì cổ thì đổ xuống sông, xuống biển. Một mớ triết lý đan nhau chằng chịt càng làm không thấy đường ra. Rồi một hôm, rất ngẫu nhiên, anh thấy một anh học sinh trường cao đẳng sư phạm tên là Phùng quen nhau ở trụ sở liên lạc của học sinh bãi khóa đặt tại đường Hàng Lọng, cầm tấm phích để mượn sách *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* của Mác và Ăng-ghen. Cái gì thế nhỉ? Cộng sản ư? Anh bám Phùng mượn theo liền cuốn sách đó, nhưng mới đọc được chưa đầy một buổi, đã hết giờ, phải đem trả lại. Buổi sau, không mượn được nữa; tên cuốn sách biến khỏi danh mục của thư viện.

— II —

Những người có ý thức nhất của mỗi thế hệ đời đời biết ơn Bác Hồ trước hết là Người đã tổ chức việc truyền bá chân lý của chủ nghĩa Mác – Lê-nin vào nước nhà.

Rồi đến một hôm, Ngô Gia Tự dắt anh Cửu đến gặp anh Mùi là em ruột bà Hai Bà ở ngõ Tân Hưng. Mùi có chân trong Việt Nam Thanh Niên Cách mạng Đồng chí hội. Như cả hai hàng mơ ước: đây cơ hội

“Xuất dương” như tiếng thời bấy giờ hay nói. “Xuất dương” kỳ này không qua một tí biển nào vì con đường của Nguyễn Công Thu đã mở. Tốp Trịnh Đình Cửu đi đến Cống Chạp, bên kia biên giới, nằm chờ nửa tháng. Còn phải nghe ngóng tình hình Quảng Châu. Đến giữa tháng 4-1927 thì có tin Tưởng Giới Thạch đã làm phản rồi. Không đến Quảng Châu được nữa. Thế là phải quay về.

*
* * *

Tốp Ngô Gia Tự đi may mắn hơn. Bấy giờ thanh niên ra đi đã có kinh nghiệm hơn chuyến anh Trần Phú. Tất cả đều cải trang. Có anh mặc quần áo nâu. Có anh xách hòm giả làm thợ cắt tóc. Đồng chí Nguyễn Văn Hoan, người đặt nền móng tổ chức Thanh niên ở Nam Định và sáng lập Đảng bộ Ninh Bình thì mặc giả bồi bếp, quần ka-ki, áo trắng, giày ba-ta trắng. Ngô Gia Tự mặc quần xanh, áo xanh, ra dáng thợ chuyên môn có nghề. Họ lên xe lửa, không ai nhìn ai, lẫn trong hành khách. Họ cầm vé, người đi Na Sầm, thuộc châu Thoát Lãng, người đi Lạng Sơn, người đi Đồng Đăng, nhưng theo tổ chức dặn, tất cả xuống ga Tam Lung là một ga xép thật là heo hút, bấy giờ chưa xây được cả nhà ga nữa, chỉ có biển cấm bên đường đề chữ Ga Tam Lung, ngay giữa đồng không mông quạnh. Cũng theo tổ chức dặn, họ đợi tàu đỗ lại, cho khách lên, xuống đến lúc nào quay bánh chạy mới nhảy xuống. Mé nui có đèn báo hiệu: đèn xanh, an toàn; đèn đỏ, có vấn đề. Khi bọn anh Tự nhảy trên xe lửa xuống, nhìn lên, thấy đèn đỏ. Tất cả dạt đi, chui xuống bờ ruộng nằm phục. Hóa ra lính Tây đi tuần. Rồi đèn

xanh bật. Lại tiếp tục lên đường. Đụng đoàn anh Phạm Văn Đồng, đến mấy chục người học xong trở về. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của đồng chí Nguyễn Ái Quốc và nhờ cơ sở cách mạng phát triển, đường dây mới, so với chưa đầy một năm về trước, đã tiến bộ nhiều.

Họ vượt biên giới sang huyện Bằng Tường, vào trạm giao liên ở làng Bản Đáy. Cơ quan nằm chờ của ta đóng ở địa điểm này dựa vào thế lực một tay tướng lục lâm. Anh chàng “Từ Hải” này tốt với cách mạng đầy song ham sắc đẹp. Có một chị giao liên của ta hồi bấy giờ, người Sông Lam, đang tuổi xuân, dáng người thon thả, tướng lục lâm ta mê tít, nhất định đòi lấy cho bằng được. Vì cách mạng, để bảo đảm đường dây an toàn cho anh em ta đi học, chị giao liên đành lòng lấy vậy. Cam phận lẽ mọn, bị vợ cả hành hạ rất khổ, đoàn thể rất biết, rất thương. Ngay từ buổi đầu, sự nghiệp của nhân dân ta đòi hỏi biết bao nhiêu hy sinh âm thầm, chiến công lặng lẽ. Nhưng người cách mạng trong hoàn cảnh nào cũng vẫn là người cách mạng. Người chị của chúng ta đã cảm hóa được người chồng. Đến năm 1930, khi thị trấn Long Châu (Trung Quốc), ở gần biên giới ta, nổ ra khởi nghĩa, lập xô-viết thì chính ông tướng lục lâm của chúng ta lại cầm mũi tiến quân của lực lượng cách mạng.

Từ Bản Đáy đi lên Bằng Tường, đường núi, trèo dốc, anh em ta chưa quen, ai nấy thở hổ hơ tai. Đã thế lại phải đi mò trong đêm. Thuở ấy, đèn pin rất hiếm, người dẫn đi chỉ có một chiếc bật lửa con, tia lên mà soi đường. Ngược đường ta đi, nườm nượp dân buôn thuốc phiện lậu. Đám thanh niên nhà mình linh lợi khéo thầm với nhau: “Cũng cánh ta cả đấy mà!”. Từ Bằng Tường đi Long

Châu, cước bộ 60 ki-lô-mét. Không biết do sáng kiến của ai, anh em trưng một lá cờ vải xanh lên, trên đề chữ trắng: “*Nhập ngũ học sinh quân*”. Tha hồ mà đi đứng hàng hàng trên đường cái lớn. Lúc bấy giờ, tuy trên Quảng Châu có biến động nhưng vùng dưới này phong trào còn mạnh. Đến Long Châu, công đoàn địa phương ra đón cách mạng Việt Nam. Từ Long Châu, xuống thuyền ngược dòng Tả Giang đi lên bến Ngô Châu, từ đó, lại đáp xe lửa đi Quảng Châu. Đến nơi thì đã có chỉ thị của đồng chí Nguyễn Ái Quốc dặn lại: tình hình còn đang động, phải đưa lớp học về biên giới cho an toàn.

Về lớp học ở biên giới ngày ấy, đã gần năm mươi năm rồi, mà những đồng chí dự lớp đến nay vẫn không thể nào quên được đồng chí Mông Quốc Thâm, người nấu cơm cho lớp học, tận tụy vô cùng. Thương cách mạng nghèo, ngoài việc cơm nước ngày hai bữa rất chu tất, anh còn mở gánh hàng buôn vật lầy dăm đồng lãi mua kẹo, mua quà về cho anh em học sinh mình lúc bấy giờ còn đang tuổi ăn, tuổi vui. Đến buổi chia tay, anh em ta nắm lấy tay anh: Cảm ơn anh Mông lắm! Anh nói lại mới dễ thương làm sao:

- Anh em cả mà! Không có gì cảm ơn đâu. Chỉ mong cách mạng Việt Nam thành công, được các đồng chí đưa về qua thăm Hà Nội là vui rồi.

Nghe nói hồi 1933, anh lại đi giao liên cho anh Hoàng Văn Thụ. Một bữa cần đi giấy lên Long Châu gấp, quãng đường gần 60 ki-lô-mét, anh Mông Quốc Thâm đã chạy bộ, cả đi lẫn về trong khoảng có từ chiều hôm trước đến 8 giờ sáng hôm sau đã đem giấy trả lời về cho anh Thụ rồi.

Nhân dịp 2-9-1955, ta có qua đón anh sang thăm Hà Nội đã về ta rồi thì anh đã mất từ mấy năm trước.

Sau lớp học trở về nước, lại đúng ga Tam Lung bữa trước mà đáp xe lửa. Chuyến xe ấy có đông người buôn, Ngô Gia Tự không có chỗ ngồi cứ đứng suốt. Anh lần đến đâu, trông thấy anh dáng chẳng có chút nào là nho nhã thư sinh, mấy bà buôn có máu mặt thu vội bị tiền vào lòng, đề phòng mất mát. Anh em ghé vào tai Tự nói thầm:

- Họ tưởng cậu là dân làng “chạy” đấy.
- Càng tốt chứ sao! - Tự nói.

Dưới mã người xấu xí ấy, chính là một trái tim lớn và một đầu óc lớn. Bề ngoài cục mịch đã giúp người cách mạng trẻ Ngô Gia Tự thâm nhập rất nhanh vào quần chúng thợ. Bấy giờ, Tổng bộ Thanh niên chủ trương các đồng chí sang dự học xong thì ai ở tỉnh nào về tỉnh ấy gây cơ sở. Cơ sở Thanh niên đã có ở phần lớn các tỉnh khắp ba kỳ. Riêng ở Bắc, tương đối có nhiều cơ sở công nghiệp quan trọng của tư bản Pháp, giai cấp công nhân tập trung hơn, cho nên tổ chức Thanh niên phát triển tương đối nhiều trong công nhân và quần chúng lao động.

* * *

Mùa hè năm 1927, phong trào Hà Nội đặc biệt sôi động, tiếp tục truyền thống đấu tranh quần chúng nhân dịp cụ Phan Bội Châu bị bắt và cụ Phan Châu Trinh mất những năm trước. Có hai cuộc đấu tranh làm náo động cả xã hội lúc bấy giờ. Tháng 5 năm 1927, một tờ báo của bọn bồi bút, ăn lương thực dân Pháp, có

đăng một bài đả kích tinh thần của các nhà chí sĩ Việt Nam. Đồng bào Hà Nội phẫn nộ. Thành bộ Thanh niên vận động đấu tranh. Sáng 9-5-1927, một vạn rưởi công nhân, người lao động, học sinh và người buôn bán nhỏ biểu tình kéo đến tòa báo này phản đối kịch liệt. Bị nhân dân và cả trẻ em bán báo tẩy chay, tờ báo phải đóng cửa. Kế đó, có đám tang cụ cử Lương Văn Can, người sáng lập trường Đông Kinh nghĩa thực, thân sinh Lương Ngọc Quyến, sau nhiều năm bị đày đi Cam-puchia, mới được Tây để trở về nguyên quán. Cụ mất tháng 6-1927 tại nhà riêng ở phố Hàng Đào. Để tỏ lòng kính trọng nhà chí sĩ mà tên tuổi gắn liền với một thời kỳ trỗi lên của tinh thần dân tộc, với Hà Nội - Đông Kinh nghĩa thực, Thành bộ Thanh niên huy động đông đảo nhân dân làm lễ truy điệu cụ tại nghĩa trang Hợp Thiện. Tây ngăn cấm, đem cu-lít và lính Tây đến đàn áp. Xảy ra xô xát ở gần chợ Mơ. Tám hội viên Thanh niên, vừa công nhân, vừa học sinh bị bắt.

Hà Nội báo hiệu phong trào mới.

Hà Nội của ta có lúc nào mà chẳng rộn máu đào của lòng yêu nước. Vấn đề là: chọn con đường nào?

Đêm Nô-en năm ấy, tại Hà Nội đã thành lập Việt Nam Quốc dân đảng. Nó thoát thai từ Thư xã Nam Đồng do người thanh niên giàu nhiệt huyết Phạm Tuấn Tài thành lập năm 1925 ở nhà số 9 đường 96 (tức số nhà 129 phố Trúc Bạch ngày nay)⁽¹⁾. Anh Phạm Tuấn Tài sau này bị bắt đày đi Côn Đảo, sống với những người cộng sản, đến hồi Mặt trận Dân

1 Theo thư của đồng chí Đỗ Hưởng, cán bộ quân đội (hưu trí) gửi chúng tôi ngày 8-2-1975.

chủ, được trả tự do, lại chiến đấu bên cạnh chúng ta. Anh mất năm 1937 tại thành phố Nam Định. Công nhân, nông dân lao động, học sinh thành thị đi đưa đám anh rất đông. Đám tang có đến hàng mấy nghìn người đi đưa, từ Hàng Cót dẫn qua tất cả các phố đông người, bất chấp sự găm ghè của lũ mật thám ác ôn Phơ-lơ-tô, Pắc-ca, Đơ-loóc-mơ. Đi đầu là một tấm biểu ngữ viển tang, chữ đề đơn giản mà nói nhiều: “Mất một chiến sĩ”⁽¹⁾.

1 Tháng 12-1936, báo *Nhàn lúa*, ở Huế, công bố bản *Tuyên cáo đồng chí* của Phạm Tuấn Tài viết ngày 30-11-1936 tại nhà thương Rơ-nê Rô-banh (tức bệnh viện Bạch Mai Hà Nội bây giờ).

Trong lời nói đầu, ông viết: đây là “bản toát yếu những điều quan hệ về lịch trình tín ngưỡng của tôi từ quan điểm xã hội không tưởng sang quan điểm xã hội khoa học”. Khi viết xong, “tôi mừng vì thấy con trùng Cốc (vi trùng lao) hết thể làm cho tôi chết được nữa. Tôi thấy như sẽ còn được cùng công, nông và quần chúng lao khổ đứng chung dưới một ngọn cờ Mác – Lê-nin có ngày. Tôi lại thấy như bao nhiêu anh chị em quốc dân không thành kiến sau khi đọc tập này, thấy đều ngậm ngùi chia một mối quan cảm của tôi, rồi cùng tôi và công, nông, quần chúng lao khổ, cùng tiến dưới ngọn cờ Mác – Lê-nin có ngày”.

Toàn văn bản tuyên cáo gồm các phần: 1- Hoàn cảnh Việt Nam trong khoảng những năm 1925 - 1926 và 1927; 2- Vì sao tôi và các bạn đồng chí tổ chức ra Việt Nam quốc dân Đảng; 3- Những việc xảy ra trong nhà tù; 4- Sự tín ngưỡng cuối cùng của tôi. Về việc thành lập Việt Nam quốc dân đảng, ông viết: “Dự lập ngày 26-8-1927 và chính thức thành lập từ ngày 25-12-1927, kêu là Việt Nam quốc dân đảng”.

“... Do những điều kinh nghiệm về cách mệnh, tôi nhận thấy rằng: ... Chủ nghĩa quốc gia hiện đã trái màu, cả đến chủ nghĩa xã hội dân chủ hay chủ nghĩa tam dân cũng chỉ là những cái lương dở dang, không công hiệu. Nói rõ hơn, chỉ có chủ nghĩa Mác – Lê-nin mới có thể đánh đổ được chủ nghĩa đế quốc mà giải phóng cho các dân tộc... chỉ có chủ nghĩa Mác – Lê-nin mới có thể phá tan được xã hội giai cấp mà dẫn nhân loại tới thế giới đại đồng.

“... Tôi tin rằng: các bạn đồng chí còn lại trung thành với cách mệnh sẽ là những người cùng chung một sự tín ngưỡng với tôi).

(Tài liệu của Viện Bảo tàng Cách mạng Việt Nam).

Việt Nam Quốc dân đảng thành lập, do ông Nguyễn Thái Học, sinh viên trường Cao đẳng Thương mại, làm đảng trưởng. Việt Nam Quốc dân đảng dựa trên cơ sở *Quốc dân đảng giản chương* của cụ Phan mà ở phần trên bạn đọc đã biết. Song cũng có chỗ khác: điều lệ của Việt Nam Quốc dân đảng năm 1928, ở khoản 2, còn có ghi là về chủ nghĩa, theo “dân chủ xã hội”, đến điều lệ sửa đổi năm 1929 thì lại thay khái niệm “dân chủ xã hội” bằng nguyên lý “tự do, bình đẳng, bác ái” của cách mạng tư sản Pháp. Bộ sách của L. Mác-ty nhận xét: “Các lãnh tụ Quốc dân đảng, chính mình không biết đưa đất nước mình đi đến đâu”.

Theo đồng chí Nguyễn Văn Hoan, vào mùa hè năm 1927, Thanh niên Cách mạng Đồng chí hội và những người chủ trương lập Việt Nam Quốc dân đảng đã có hai lần gặp nhau tại Hà Nội để bàn việc hợp nhất. Bên Thanh niên có anh Nguyễn Công Thu, Nguyễn Danh Đối (Điền Hải) và anh Mai Lập Đôn. Bên Việt Nam Quốc dân đảng có anh Phạm Tuấn Tài và nhiều người khác. Lần thứ nhất họp ở 22 phố Hàng Đường thì mới vào họp đã nổ ra ngay tranh luận về đường lối, cho nên cuộc họp không thành. Lần sau, họp lại tại nhà cụ cử Can ở nhà số 4 phố Hàng Đào. Cuối cùng, anh em bên Quốc dân đảng đi đến đặt vấn đề với bên Thanh niên: - Các anh (tức là bên Thanh niên) nói các anh có đường lối đúng, có tổ chức hay thì để chúng tôi cử người đi với các anh ra ngoài Quảng Châu nghiên cứu cho tường tận.

Bên Thanh niên rất sẵn sàng. Bên Quốc dân đảng cử hai người đảng viên trẻ tuổi và hăng hái của mình đi theo anh em Thanh niên ra ngoài Quảng Châu.

Hai người đó là Nguyễn Đức Cảnh và Lý Hồng Nhật.

— III —

Thành phố Nam Định là một trung tâm công nghiệp quan trọng dưới thời Pháp, có nhiều nhà máy lớn và công nhân tập trung. Đây lại là đất trường Nam thi hương ngày trước cho nên thực dân có chú ý hơn một chút về mở mang văn hóa, giáo dục. Ngoài trường Tiểu học Pháp Việt mang tên tay tổ của chủ nghĩa thực dân Pháp Giuyn Phe-ry, vì xây trên một khúc thành cổ cho nên còn có tên là trường Cửa Bắc (đồng chí Phan Đình Khải, Lê Đức Thọ tổ chức học sinh đỏ tại đây), từ năm 1922 có lần lượt mở thêm bốn lớp bổ túc sau tiểu học, tương đương cấp 2 bây giờ, ngày ấy không hiểu sao lại có tên gọi là Thành Chung. Trường này lập ở cuối phố Cửa Đông (nay là trường cấp 2 mang tên Phạm Hồng Thái), trước mặt là sở Cẩm, chính giữa mặt trường có bia của Tây tưởng niệm tên tướng Pháp Ca-rô, bị các cụ ta trừng trị, hồi đó cưỡi ngựa chỉ huy đánh thành Nam Định.

Nguyễn Đức Cảnh và nhiều chiến sĩ thời dựng Đảng học ở trường Thành Chung này, trong không khí từ năm 1923 đến năm 1926, năm nào ở thành phố dật cũng xảy ra những cuộc bãi công, nhiều lần kèm theo cả biểu tình tự phát của thợ máy sợi.

Theo kể lại, nhiều lần, những học sinh hăng hái nhất của trường Thành Chung đã nhảy qua rào ra tổ tình đoàn kết với đấu tranh của thợ.

Chất đấu tranh càng rạo rức khi hồn nước dậy.

Trong phong trào tổ chức truy điệu cụ Phan Châu Trinh, có lẽ chỉ có ở thành phố Nam Định là tình hình chấn động hơn cả. Ban tổ chức do mấy cụ nhà nho cũ đứng lên, trong số đó ông tú Nguyễn Khắc Doanh là người giữa tòa đề hình nhảy ra nhận án thay cho cụ Phan Bội Châu. Lực lượng nòng cốt là công nhân và học sinh. Tây cấm tổ chức. Công nhân đấu tranh đưa yêu sách. Học sinh bãi khóa. Ban lãnh đạo bãi khóa gồm có: Nguyễn Đức Cảnh, Đặng Xuân Khu (Trường Chinh) và Nguyễn Khắc Lượng, đều là học sinh lớp 3B trường Thành Chung Nam Định. Đốc học Ra-un Mi-sen đích thân dẫn cảnh binh và mật thám đi lùng học sinh khắp các ngã phố, bắt hơn 200 học sinh giam vào sở Cẩm và sở sen đầm. Đồng bào hàng phố tấp nập đem quà bánh, cơm nước ủng hộ các học sinh đấu tranh, coi học sinh bãi khóa là người chiến sĩ phát lên khát vọng chung của chính mình. Trước tình hình đó, công sứ Giê-hanh phải chịu thua, để cho cả vạn người họp mít tinh truy điệu Phan Tây Hồ tại nghĩa trang Bắc Tể.

Vào những năm đó, cả vùng nam đồng bằng Bắc Bộ bị thiên tai lớn. Để hình dung được nạn lụt năm đó, chúng tôi tìm được lá đơn thỉnh cầu mang số 5A của 27 nghị viên ta xin xá thuế một hai năm cho nông dân sau cơn bão ngày 30-7-1929. Lá đơn cho biết

hậu quả của trận bão này: Nam Định, 78.640 nhà đổ, ruộng mất trắng 10 vạn mẫu; Thái Bình, hơn 118.539 nhà đổ, ruộng mất trắng 119.157 mẫu. Thống sứ Bắc Kỳ trả lời lá đơn của 27 nghị viên: “Thủy tai năm 1926 thiệt hại gấp bao nhiêu lần mà cũng không có xá thuế”⁽¹⁾. Qua đây, ta có thể thấy thoáng qua, vì sự thôi thúc như thế nào mà năm 1930, sau khi thành lập Đảng, phong trào nông dân lại theo ngọn cờ công nhân bùng lên mạnh đến như thế.

Đặc điểm của thành phố Nam Định là công nhân, học sinh và các tầng lớp khác đều có liên hệ hết sức mật thiết với vùng nông thôn xung quanh. Trước nạn lụt gieo thảm họa cho đồng bào nông thôn gần gũi với mình, đám học sinh đã từng tham gia bãi khóa ở trường Thành Chung Nam Định tổ chức diễn kịch lấy tiền giúp đồng bào lũ lụt. Theo đồng chí Nguyễn Văn Hoan là người đứng chân bán vé của buổi diễn kịch, lần đó diễn vở *Tòa án lương tâm* của Vũ Đình Long⁽²⁾. Vì Nguyễn Đức Cảnh xinh trai cho nên đóng vai cô giáo Quý, nhân vật phản diện, biểu hiện cho một hạng gái “mới”, sớm chịu ảnh hưởng của văn hóa

1 Xem Tổng thuật công việc Bắc Kỳ nhân dân đại biểu viện - năm 1929 (trang 268). Đơn thỉnh cầu 5A ngày 29-8-1929.

2 *Tòa án lương tâm* - *Truyện cô giáo Quý* (xuất bản năm 1928. In tại Nghiêm Hàm ấn quán Hà Nội) là một bi kịch bốn hồi, một cảnh, có bảy nhân vật, vở kịch thứ ba viết theo lối mới của Vũ Đình Long, sau *Chén thuốc độc* và *Tây sương tân sử*. Đề tứ của vở là: “Lương tâm là một tòa án, hình pháp của tòa án lương tâm ghê gớm hơn hình pháp tòa án đời. Tội nhân có khi lọt ra ngoài vòng pháp luật, nhưng không bao giờ tránh thoát cái lưới mầu nhiệm của tòa án lương tâm”.

... Thời ấy, Vũ Đình Long chủ trương không lấy tiền bản quyền tác giả của những ban kịch diễn các vở của ông để lấy tiền làm việc nghĩa.

đòi truy, đã đi đến phản trắc⁽¹⁾ và đồng chí Đặng Xuân Khu thì đóng vai Thông Ái, thanh niên tiến bộ, bạn của Ký Phú chồng cô giáo Quý, đã giúp bạn và trả thù cho bạn.

Buổi diễn kịch làm việc nghĩa đó, dư luận thành Nam còn nhắc mãi, bởi một bài ca theo điệu bình bán, sáng tác đặc biệt phục vụ buổi diễn kịch, cổ động tinh thần “nhiều điều phủ lấy giá gương”:

Anh cùng em chúng tôi

Thấy đồng bào lúc thủy tai

Tình thương thân xiết bao ai hoài

Thương người làm ăn mặt nước chảy trôi...

Bài ca đó, lớp trẻ nhỏ thành Nam nhiều năm sau này vẫn còn hát.

Sau buổi diễn kịch thì Nguyễn Đức Cảnh và các bạn anh đã từng lãnh đạo bãi khóa càng không thể nào tiếp tục học ở Nam Định được nữa.

Người thanh niên ở các tỉnh thời ấy có chí đi tìm cách mạng hướng về Hà Nội. Nguyễn Đức Cảnh bỏ lên Hà Nội, làm thợ nhà in Mạc Đình Tư, sau là nhà in Lê

1 Trường Sơn, trong Sống chết vì cách mạng (Nhà xuất bản Lao động, 1962) viết: “Cảnh và các bạn đã bàn nhau diễn kịch và chính Cảnh đã đóng vai cô giáo Quý trong vở Tòa án lương tâm... Cảnh đóng rất giống vai phụ nữ: vóc nhỏ bé, dáng người thanh thanh, khuôn mặt trái xoan, đôi mắt đen sáng, đã giúp anh làm nổi bật vai cô giáo Quý trên sân khấu. Tài nghệ ưu tú của anh đã để lại cho các bạn một ấn tượng sâu sắc. Họ đã lấy cái tên trong vở kịch để đặt cho anh, và từ đấy, anh đã mang cái bí danh “Quý” ấy.

Văn Tân⁽¹⁾. Có lẽ vì anh, tuy quê chính ở Diêm Điền, Thái Bình, nhưng làm con nuôi vợ lẽ thứ năm một viên quan tỉnh người Cổ Am, cho nên qua mối dây đó mà liên hệ với Việt Nam quốc dân đảng và tham gia tổ chức này.

Chuyến đi Quảng Châu tháng 9-1927, Nguyễn Đức Cảnh và Lý Hồng Nhật cùng đi với Trịnh Đình Cửu. Đồng chí Hồ Tùng Mậu, Lê Hồng Sơn và một người khác trong Tổng bộ Thanh niên bị bọn Tưởng bắt một hồi rồi thả ra, thấy có điều kiện, mở lại lớp huấn luyện Quảng Châu, nhưng lần này ở đường Nhân Hưng Cái. Chương trình học đã nâng lên, có: lịch sử tiến hóa nhân loại, giới thiệu các cuộc cách mạng thế giới, giới thiệu các chủ nghĩa cách mạng thế giới và luận về quá trình cách mạng Việt Nam. Ảnh hưởng của lớp học đối với lớp thanh niên đang ngột ngạt, khao khát lẽ sống, thật sâu mạnh. Đối với anh Cửu “bao nhiêu ảo tưởng ở nhà xóa sạch, trong óc có một sự thay đổi hoàn toàn. Trong lòng lâng lâng phấn khởi, tự xác định là chính thức bước vào cách mạng và quyết một lòng tìm hiểu cách mạng từ đây”. Cả Nguyễn Đức Cảnh lẫn Lý Hồng Nhật đều xin ly khai Quốc dân đảng và tự nguyện tham gia Thanh niên Cách mạng hội.

1 Theo Trường Sơn, sách đã dẫn, lên đến Hà Nội, Nguyễn Đức Cảnh có dạy học một thời gian ở trường Công Ích, một trường tư nhỏ ở khu Bạch Mai, sau lại làm thư ký đánh máy ở hiệu ảnh Hương Ký, cạnh hồ Hoàn Kiếm, rồi mới được vào làm thợ sắp chữ ở nhà in Mạc Đình Tư. Tại đây “ở giữa thành phố Hà Nội mà mỗi tháng anh chỉ được lĩnh 5 hoặc 6 đồng bạc lương; đem trả tiền cơm tháng đi rồi, mỗi tháng may ra còn được mấy hào dính túi”.

Anh Cửu kể lại ý nghĩ của mình lúc đó, có thể nói đó cũng là ý nghĩ chung của một lớp người trẻ tuổi bắt được ánh sáng chân lý cách mạng vào năm 1927: “Cuộc đời từ đây là thuộc về cách mạng. Trước mắt sẽ gian truân. Hy sinh là tất yếu. Bao giờ cách mạng thành công, chưa biết. Nhưng sẵn sàng mất tất cả, mất tính mạng và mất cuộc sống êm đềm”. Song về nhận thức lúc bấy giờ, nhiều điều chưa rõ. Người ta nghĩ rằng: “Đánh Pháp để làm cho nước nhà độc lập, sau này làm cách mạng gì, đến đó hãy hay”. Chính anh Cửu nhớ lại rất rõ: “Mãn khóa học, Lâm Đức Thụ tuyên bố: “Việt Nam Cách mạng Đồng chí hội không phải là cộng sản, ai muốn làm cách mạng thì làm. Ai không muốn thì về nhà nằm im cũng được”.

Lần ấy, cả lớp học có hơn 30 người, chia nhau tốp về đường biển, tốp về đường bộ. Tình hình căng. Đường phố Quảng Châu, súng vẫn nổ. Tốp Cảnh và Cửu bị Quốc dân đảng Trung Quốc giữ lại, nhưng ta nói khó, nó lại cho đi. Rời Quảng Châu được ba hôm thì xảy ra công xã Quảng Châu: công nhân Trung Quốc vũ trang bạo động cướp chính quyền, bị Tưởng tàn sát hàng chục vạn người. Sự kiện đó gây một ấn tượng hết sức mạnh vào cả thế hệ cách mạng nước ta hồi ấy.

Trịnh Đình Cửu cầm thư riêng của Tổng bộ, cùng Nguyễn Đức Cảnh và Lý Hồng Nhật, về Hà Nội, gặp Kỳ bộ lúc bấy giờ do Nguyễn Danh Đối với một số người khác đứng đầu. Kỳ bộ phân công anh tiếp tục đi gây cơ sở, tuyên truyền vận động và tổ chức kết nạp hội viên mới, làm công tác rải truyền đơn và phát hành

báo *Thanh Niên*. Thế là những người trẻ tuổi Hà Nội bắt đầu thoát ly, từ bỏ mái ấm giường êm. Tôi sẽ làm phật lòng những người đồng chí già của tôi nếu tôi đem kể lại ở đây những tình tiết nhỏ - chứng tỏ bao nhiêu quyết tâm - của những cuộc dẫn thân ngày ấy, thì lẽ thói gia đình cổ còn vững chắc: những xung đột quyết liệt trước bàn thờ tổ, anh em mâu thuẫn không nhìn mặt nhau nữa vì khác chính kiến, nước mắt và cái chếp miệng thở dài của những bà mẹ nhìn theo con, giận đầy mà thương vô hạn, sự vỡ tan của những mộng nhỏ.

Tôi đã được đi cùng với một người của năm 1928 - anh Trịnh Đình Cửu - đi thăm lại những nơi mà các anh ngày xưa hằng lui tới. Ôi, tôi biết Hà Nội trong nhiều ngày lịch sử của nó. Hà Nội bắn máy bay B52, Hà Nội ngày tiếp quản sau Điện Biên Phủ, Hà Nội 19-12-1946, Hà Nội cách mạng tháng Tám. Tôi càng yêu cái Hà Nội của các anh xưa. Nguyễn Đức Cảnh mặc quần áo nâu, đi chân đất, giữa trưa nắng, đi từ trên cầu Sông Cái xuống; Ngô Gia Tự đánh bộ quần áo xanh và đi guốc mộc, rẽ về ngõ thợ; hay Đỗ Ngọc Du, tức Phiếm Chu, phụ trách giao thông và tài chính, lái xe hơi, mặc áo sa, khăn đóng, giày ban, đeo cả thẻ bài ngà quan huyện trẻ mua ở đầu phố Hàng Da nữa.

* * *

Năm ấy, người thanh niên Hà Nội sống như thế nào? Tôi gỡ chồng báo cũ, cố tìm những nét nói lên trong thời ấy: 1928 là năm phụ nữ Hà Thành bắt đầu gỡ một mặc quần lụa trắng, con trai thì đầu rẽ

tăng-gô chân đi giày Nhật Bản. Muốn hiểu hết sự ăn chơi rất mực thì phải thấy đó là thời bắt đầu nổi lên những ông vua thuốc lậu. Và vào xem hội chợ Hà Nội lần thứ 9 mà báo *Thực nghiệp dân báo* kêu gọi: “Thăm hội chợ tức là có lòng nghĩ đến tiền đồ kinh tế nước nhà. Nếu chênh mảng với hội chợ là không thiết đến sự sinh tồn của nước nhà vậy”⁽¹⁾. Có lẽ vì nghĩ đến sự “sinh tồn” đó cho nên hai vạn người, ngay sau khai mạc, đã vào xem hội chợ, mở ở chỗ nhà hát Nhân dân tức Cung văn hóa bây giờ. Trước cửa trụ sở công ty xe lửa Vân Nam (nay là cơ quan Tổng công đoàn Việt Nam), “hàng nghìn xe ô tô, xe ngựa, xe nhà, xe kéo và xe đạp”. Hội chợ có gì mới nhất? Theo lời một tờ báo hàng ngày lúc đó, thuật lại lời một nhà kinh doanh người Pháp “Chỉ có cái ấm pha cà phê đun bằng điện là đồ vật mà thôi”⁽²⁾.

Hội chợ là chỗ hẹn hò, là người xem người. Các cô thì “nước hoa sắc súa”. Các cậu thì “quần áo xúng xính xanh đỏ, áo sa, sáo đoạn, mồm ăn nhồm nhoàm bánh bèo, bánh quy, “moa moa”, “toa toa” (xúng hô bằng tiếng Tây), đốt pháo gói xì khói khét lẹt ra để trêu gái làm cho mấy cô ho “sắc súa”. Các cậu chú ý gì nhất? Bí tất kẻ, cà vạt màu và mũ “mốt xăng”. Mũ “mốt xăng”, cả tháng lương vị tất đã mua được, các cậu chỉ dán mũi vào quây hàng mà ngắm”⁽³⁾. Để rồi sau hội chợ lại

1 Hội chợ Hà Nội năm 1928 từ ngày 24-11. (Toàn Cơ, bài *Hội chợ Hà Nội năm nay*, đăng trên *Thực nghiệp dân báo* ngày 28-11-1928).

2 Xem Toàn Cơ, bài *Hội chợ Hà Nội năm nay* đăng trên *Thực nghiệp dân báo*, 29-11-1928.

3 Xem *Thực nghiệp dân báo*, các số 30-11 và 2-12-1928.

ngắm mãi nó mà xác định “lý tưởng” của mình ở các tủ kính của nhà hàng Gô-đa hay phố Hàng Đào. Biết bao nhiêu trí tuệ và tinh thần tiêu hao vào những tủ kính bày hàng như thế!

Lịch sử nào cũng có những người đi đầu trước hết để làm ra nó. Không có tuổi trẻ nào đẹp bằng tuổi trẻ khi cách mạng mới nhen và chính họ đã nhen lên cách mạng. Năm 1928, Ngô Gia Tự và Nguyễn Đức Cảnh vừa tròn hai mươi tuổi. Mãi mãi kính chào một tuổi hai mươi! Và điều đáng kính nhất ở họ không phải chỉ có nhiệt tình tuổi trẻ. Xin ai đừng đợi ở những hoạt động của người cộng sản những chuyện tình tiết ly kỳ. Trong chúng ta ít có những chuyện anh hùng độc đảm cá nhân, kiểu những chiến sĩ Việt Nam quốc dân đảng thời bấy giờ, như Ký Con giết Nguyễn Văn Kỉnh ở ghế gỗ vườn Bách Thảo, hay Lê Bá Dự, người từng được coi là thủ phạm giết giáo Du, bố tên phản bội Đội Dương, ở ngõ Hồng Phúc, giết xong còn đứng lại xem; và một chiều sau đó; bị bắt ở chỗ hẹn gặp người yêu đầu phố nọ⁽¹⁾.

Người cộng sản mạnh vì công tác quần chúng và hoạt động tập thể của tư duy khớp với đời sống. Họ không ngừng lớn lên là vì thế. Từ lâu, tôi muốn tìm hiểu

1 Xem *Thực nghiệp dân báo*, số 23-1-1930: Phạm Huy Du bị ám sát hồi 11 giờ 15, ngày 22-1 tại ngã tư Hồng Phúc, số 24-1, trang 4, đăng bài dài với tiêu đề lớn: Vụ ám sát ông giáo Du là một việc rất bí mật. Giữa lúc ban ngày, hung thủ đi xe đạp bắn xong còn đứng xem người bị nạn đã chết hẵn chưa rồi mới tẩu thoát; số 26-1, trang 4, đăng tin: Đã bắt được hung thủ giết ông giáo Phạm Huy Du; số 27-1, trang 4: Tường thuật việc bắt hung thủ là Lê Bá Dự.

cụ thể, cho chính mình trước hết, điều mà L. Mác-ty, tên trùm mật thám, trong bộ sách nghiên cứu về ta của nó, chịu không lý giải được: “Cái chết quả đặc sắc nhất của những cố gắng của đảng (cộng sản) trong những năm 1927 và 1928 ở chỗ thay đổi tâm trí đảng viên. Năm 1926 thì những đảng viên ưu tú nhất của họ còn nghĩ rằng mình theo chủ nghĩa dân tộc. Tháng 5 năm 1929 họ trở thành cộng sản và nóng lòng tỏ ra mình là cộng sản”. Đúng như lời đồng chí đã biết nhìn Phạm Hồng Thái một cách mới: “Chính công hội (bắt đầu tổ chức từ năm 1928) và Nông hội đã đem lại ý thức giai cấp rõ cho Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí hội”.

Trong năm 1928, Nguyễn Đức Cảnh đã đi vào nhà máy ở Hải Phòng, Mạo Khê, Hòn Gai và đem về cho chung một cảm giác rõ hơn về cái gì đang xảy ra ở cơ sở. Ngô Gia Tự bám vùng nông thôn Bắc Ninh và nhà máy xe lửa Gia Lâm - 1.000 công nhân - luôn luôn nghe ngóng quần chúng đã sẵn sàng đấu tranh chưa. Anh hay nói đến “bất mạch phong trào”, luôn luôn tự đặt câu hỏi: “Nó đã động dậy chưa? Động dậy chưa?”. Trịnh Đình Cửu đi làm công tác huấn luyện ở các tổ, lắng nghe những ý kiến từ cơ sở, phải giải đáp bao nhiêu câu hỏi được nêu lên từ trong quần chúng. Họ cùng nhau nghiên cứu những báo cáo tình hình gửi về Kỳ bộ. Mỗi người có mối nghĩ gì lại tìm gặp nhau trao đổi. Và họ dần dần nhìn rõ: vào những năm 1927 - 1928, tư bản Pháp càng bóc lột nặng nề, quần chúng rất kêu ca, bất bình vì khổ quá rồi. Có ý muốn thoát khổ mà không biết cách. Có những dấu hiệu cho

thấy công nhân bắt đầu hoạt động, phản kháng ngầm, không âm thầm như trước. Cảnh cho biết quần chúng bắt đầu muốn đấu tranh rộng rãi. Tự cho biết ở thôn quê đấu tranh vụn vặt xảy ra luôn.

Những vấn đề mà quần chúng và cuộc sống đề ra càng thôi thúc họ lao sâu vào lý luận. Tôi đã cùng với anh Trịnh Đình Cửu, đi về thăm nơi để kho sách lý luận của các anh ngày trước, nơi mà từ năm 1928 đã gìn giữ nhiều quyển trong bộ *Tư bản* của Mác. Đó là một căn nhà nhỏ, xưa kia tồi tàn hơn bây giờ, ở giữa làng hoa Ngọc Hà, không xa chỗ máy bay B.52 rơi năm trước. Đây là cơ quan Tuyên huấn Kỳ bộ Thanh niên vào năm 1928. Nơi đây, trước một ao bèo, Trịnh Đình Cửu ngồi dịch *Chương trình Quốc tế cộng sản* và *Luận cương về vấn đề thuộc địa*, do Đại hội Quốc tế cộng sản lần thứ sáu thông qua năm 1928 - một sự giúp đỡ về đường lối và lý luận vô cùng quan trọng cho phong trào tất cả các nước. Người công nhân Trần Quang Tạng tức Khổng, trước đây đọc nhiều sách Lương Khải Siêu và Khang Hữu Vi, thì nay ngồi dịch những tài liệu cộng sản sơ giải của Trung Quốc. Ở gian buồng bên cạnh, người thợ đồng hồ giác ngộ tên là Ba Trại, rất tài hoa, rất năng nổ, đã cải tiến nhiều về cách in tài liệu bí mật. Nhờ có sách báo - sách kinh điển về chủ nghĩa Mác, tạp chí lý luận và giới thiệu kinh nghiệm quốc tế và báo chiến đấu của những phong trào bạn - do đường dây quốc tế gửi về, họ từ một sự giác ngộ thô sơ đã tạo cho mình một căn bản Mác - Lê-nin ở một mức độ nhất định để nhìn sáng tỏ hơn những vấn đề lý luận và thực tiễn nóng bỏng.

Vốn có khả năng về trí tuệ, và có sự đòi hỏi của trí tuệ do cọ sát với phong trào, họ tìm mọi cách nghiên cứu tổng hợp tình hình giai cấp và đất nước. Trịnh Đình Cửu đến Phòng Thương mại Hà Nội, cơ quan giao dịch, trọng tài và hiệp thương của tư bản Pháp; để nói khó với mấy người viên chức, mượn xem những *Niên biểu về kinh tế Đông Dương*, tìm hiểu sự đầu tư của tư bản Pháp vào ta, moi những số liệu về các công ty tư bản, những xí nghiệp của chúng, số vốn, số cổ phần, số nhân công và số lợi nhuận. Ngô Gia Tự và Nguyễn Đức Cảnh lại vào Thư viện Trung ương, xoay mượn *Công báo* của chính quyền thuộc địa, đọc những báo cáo của Sở Thanh tra Lao động Đông Dương mà tìm hiểu về thể lệ lao động và đời sống người thợ. Hai anh đặc biệt ham thích đọc trong báo của các đảng anh em về phong trào công nhân các nước, kinh nghiệm vận động và tổ chức đấu tranh của công nhân, những khẩu hiệu, hình thức và phương châm từng lúc của họ.

Những điều học được, họ lại đem vào thực tế công tác, đem vào quần chúng. Và vừa làm, vừa học, “kết quả lớn nhất của năm 1928 - Trịnh Đình Cửu nói - là chúng tôi xây dựng cho mình được một ý thức đầy đủ hơn về giai cấp, một bước đầu của một sự giác ngộ về giai cấp vô sản thật sự”.

Họ lại mở rộng tầm mắt, qua chính báo chí công khai, theo dõi từ phong trào Nguyễn An Ninh trong Nam đến Việt Nam Quốc dân đảng ngoài Bắc, rất nhiều xu hướng khác nhau, nhưng rõ ràng là nguyện

vọng chung về dân tộc, dân chủ đang dậy lên mạnh mẽ. Họ nhìn ra thế giới, học hỏi kinh nghiệm thành công và thất bại, phân tích bài học cách mạng Trung Quốc, bài học công xã Quảng Châu mà họ cảm thấy gần gũi và cả bài học cách mạng Đức nữa. Họ đặt ra cho mình câu hỏi về tương lai phong trào ta, quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam. Và trong tất cả bối cảnh ấy - họ khẳng định cho mình yêu cầu khách quan: vì sự thành công triệt để của cách mạng nước nhà, phải giành được bá quyền lãnh đạo thật sự cho giai cấp công nhân. Họ thảo luận về điều mà Nguyễn Ái Quốc đã viết trong số 61 của báo *Thanh Niên*: sự cần thiết phải thành lập một đảng cộng sản⁽¹⁾. Và họ sớm cảm thấy hơn ai hết đã xuất hiện những điều kiện khách quan chín muồi, và sự cần thiết tạo nhanh điều kiện chủ quan, để xây dựng Đảng của giai cấp công nhân Việt Nam thật sự.

Như nhận định trong *Bốn mươi lăm năm hoạt động của Đảng Lao động Việt Nam*, do Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương biên soạn: “Trong những năm 1928 - 1929 phong trào công nhân trở nên mạnh mẽ, từ đấu tranh kinh tế đã tiến lên cho những khẩu hiệu đấu tranh chính trị. Bên cạnh phong trào công nhân, phong trào đấu tranh của nông dân và tiểu tư sản thành thị càng sôi nổi. Những phong trào đó kết hợp chặt chẽ với nhau thành một làn sóng dân tộc

1 “Ông Nguyễn Ái Quốc không ngần ngại dành cho 60 số báo để chuẩn bị tinh thần người đọc” (L. Mác-ty, sách đã dẫn, cuốn 4, trang 17). Từ số 61, ông “để lộ những ý định của ông” khi viết “chỉ có một đảng cộng sản mới có thể bảo đảm hạnh phúc cho Việt Nam” (L. Mác-ty, sách đã dẫn, trang 15).

và dân chủ mạnh mẽ khắp cả nước, trong đó giai cấp công nhân đã trở thành một lực lượng chính trị độc lập. Trong phong trào quần chúng đang cuộn cuộn dâng lên khắp cả nước. *Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí hội* không có đủ khả năng lãnh đạo cách mạng nữa. Đã đến lúc phải có một chính đảng của giai cấp công nhân, đảng cộng sản, để tiếp tục đưa cách mạng Việt Nam tiến lên. Những phần tử tiên tiến nhất trong Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí hội thấy được tất yếu khách quan ấy...”.

Điều sớm nhận thức được đó, một bước vươn lên của trí tuệ chung, đã xảy ra từ mảnh đất Thăng Long này.

Phải chăng, đó cũng là chớm bắt đầu một giờ phút *Thăng Long* lịch sử?

Rồng bay lên, người xưa đã một lần dùng hình tượng quả là độc đáo đó để chỉ một đỉnh cao phụt sáng của trí tuệ Việt Nam, tỏa hào quang muôn thuở trên vùng trời một trung tâm của lịch sử. Rồng vàng bay lên của thời Lý và sự khẳng định vẻ vang tinh thần dân tộc, ý thức ngày càng mãnh liệt về điều tất yếu và nguồn khả năng ngồn ngộn tồn tại và phát triển của dân tộc này trong độc lập, tự do. Rồng đỏ bay lên của thời đại chúng ta là sự giác ngộ sâu xa gấp bội về Việt Nam thành viên của nhân loại mới, với vai trò của nhân dân đã cất bước lên ngôi trong lịch sử, với sứ mạng tiên phong của giai cấp mới sớm định được bởi ánh mắt rọi niềm tin và sức mạnh có tổ chức của nó.

Rồng nào cũng từ mặt đất này bay vút lên, bay tới mãi và rồng thiêng đến mấy cũng chẳng ăn thua

gì nếu không chui trở lại được, với sự đón nhận hân hoan, vào tim óc người người.

Nhạy cảm với xu thế đi lên của phong trào, hàng ngày bắt được tín hiệu trông chờ của quần chúng, lớp người trẻ năm 1928 thấy ra điều mình tin đúng là lao vào làm ngay. Và càng làm họ càng thấy sự vật bộc lộ khả năng và yêu cầu của nó. Họ càng làm tới. Khách quan mà xét, ở họ, nổi rõ tinh thần cách mạng tiến công trong chuẩn bị và trong khẩn trương xốc tới.

Chịu ảnh hưởng của những phần tử tích cực như Ngô Gia Tự, Nguyễn Đức Cảnh và những người khác, Kỳ bộ Thanh niên Bắc Kỳ, ý thức được trách nhiệm, đi dần vào giải quyết một cách sáng tạo những vấn đề về tư tưởng và tổ chức của nội bộ mình. Đó là một loạt vấn đề nằm trong bước đi ban đầu của việc xây dựng một chính đảng độc lập của giai cấp công nhân vào hoàn cảnh lúc đó ở nước ta.

Cuộc đại hội lần thứ nhất của Kỳ bộ vào ngày 28-3-1929 có một ý nghĩa quyết định.

Hôm đó chính là rằm tháng tám. Một trung thu của thời Tố Tâm, Hà Nội còn khá, nhà hàng phố bày cỗ đêm rằm, giữ đôi nét phong lưu cổ điển, trước khi đi vào những năm kinh tế (kinh tế khủng hoảng). Hội đền Kiếp Bạc đông đến nỗi hai hăng tàu thủy Xô-va và Xa-cơ-rích phải chạy thêm chuyến. Người ta vẫn nặng lòng nghĩ đến nước non. Trên trang nhất của tờ *Thực nghiệp dân báo*, trung thu năm Thìn đó, đăng một bài thơ cảm hoài, đúng giọng thời đại:

*Ngồi buồn nghĩ vẫn nghĩ vơ
Quái con ngựa sắt bây giờ tếch đầu
Anh hùng vắng mặt từ lâu
Trên gò phình phịch chiếc tàu nó bay⁽¹⁾.*

Thực dân Pháp bấy giờ ở Đông Dương, có bao nhiêu máy bay? Theo tài liệu chính xác, tại sân bay Bạch Mai, tháng 9 năm 1928, để đúng 7 chiếc máy bay bà già.

Báo hôm đó lại đưa tin quan toàn quyền mới từ Pháp sắp sang bằng chuyến máy bay tới. Hồi đó, đăng tin máy bay, người ta còn kể rõ tên các “phi tướng” lái nó. Người ta ngóng quan hết chuyến bay này đến chuyến bay khác. Số là Va-ren - “thuốc tiêm phòng cộng sản” - rõ ràng tỏ ra bất lực, lá bài hai mặt không ăn tiền (Va-ren bị quần chúng đảng viên cơ sở Đảng Xã hội đòi khai trừ nên đã bị ra khỏi Đảng). Đế quốc đổi sách lược, chọn một tên quan cai trị thực dân mặt sắt đen sì làm toàn quyền. Đó là Pa-xki-ê. Tây thực dân đến xứ này từ đầu thế kỷ, công sứ Thanh Hóa năm 1912, khâm sứ Trung Kỳ năm 1919, Pa-xki-ê được bổ làm toàn quyền Đông Dương, nhưng nán lại hoài bên Pháp, không sang ngay, còn xin chỉ thị, tham khảo mọi ý kiến hoàn chỉnh kế hoạch trị phong trào cách mạng nước ta và xin thêm ngân khoản⁽²⁾. Mãi cuối

1 Bài *Nhớ bậc anh hùng* của Đoàn Tịch Canh (*Thực nghiệp dân báo*, 27-9-1928).

2 *Thực nghiệp dân báo*, số 29-9-1928 cho biết: Toàn quyền Pa-xki-ê chùng tháng 12 mới sang “vì còn muốn chính phủ Pháp ký xong mấy đạo luật quan hệ đến Đông Dương”. Rơ-nê Rô-banh, thống sứ Bắc Kỳ, vẫn giữ chức toàn quyền Đông Dương.

năm, y mới bò sang Đông Dương, trước khi lên máy bay, tuyên bố cứng cựa với giới báo: “Không dẹp xong cộng sản ở Đông Dương, Pa-xki-ê ta đây không nhìn thấy dòng sông Sen nữa”.

Ta đi tới và quân thù cũng mài nanh, giũa vuốt.

Và đến năm 1934, Pa-xki-ê chết vì tai nạn máy bay, chết thui, vùi thây trong đồng xác chiếc máy bay E-mơ-rốt, ở gần Coóc-bi-nhi, không bao giờ nhìn thấy lại dòng sông Sen nữa⁽¹⁾.

1 *Đại từ điển bách khoa La-rút* (10 tập), trang 216, tập 8.

ĐẢNG ĐÃ MỘC TRONG LÒNG GIAI CẤP

— I —

Đúng tối rằm tháng tám năm Mậu Thìn đó, ở Hà Nội ta, có chuyện gì lạ? Chúng tôi đã lần giở những trang báo thời đó. Có một bài *Cảm tưởng sau Trung Thu* đáng chú ý. Bằng lối viết kín hờ, tác giả thông báo lại cho chúng ta biết là đúng tối hôm rằm tháng tám (28-9-1928) Tây đột nhiên ra lệnh cấm mọi huyên náo trên đường phố. Các đám sư tử bị bắt điệu về bót. Mọi nhà phải dẹp cỗ sớm. Và trong đêm Trung Thu im thin thít đó, chỉ còn nghe thấy tiếng xe đổ thùng lọc cọc và tiếng gọi cửa⁽¹⁾.

Tối đó, có động thật - vì lý do gì, không ai còn nhớ.

Hội nghị Kỳ bộ Thanh niên Cách mạng hội Bắc Kỳ đang mượn cố chơi rằm, họp ở một căn gác nhỏ phố Huế, xế cửa chợ Hôm, thì phải dừng lại và bàn

1 *Bài cảm tưởng sau Trung Thu* của N.N (Thực nghiệp dân báo, 30-9-1928).

nhau tìm địa điểm yên hơn họp tiếp. Một người - hình như Phiếm Chu, con người đầy sáng kiến - nêu lên:

- Về nhà cậu Tự họp đi. Ở đây yên được đấy.
- Lấy cớ gì mà kéo nhau đông thế này về đây được?
- Khắc có cớ!

Nguyên Ngô Gia Tự, từ năm bỏ học trường Bưởi, bên cạnh hoạt động mê say, để che mắt mọi người, vẫn theo học hàm thụ thi tú tài, mua bài của trường dạy học theo lối hàm thụ bên Pháp, gọi là trường U-ni-véc-xen. Anh cũng nhân nhà muốn anh tiếp tục học để thi cử, đã để tâm dùi mài, cố gắng luyện thêm Pháp văn cho giỏi chỉ cốt đọc thông sách Mác, ngày ấy đâu đã có những bản dịch ra tiếng Việt như bây giờ. Học có mục đích của mình cho nên học tay trái vậy mà giỏi lên trông thấy, anh em đồng chí hết sức khen ngợi. Anh em trong tổ chức bảo anh: “Cậu học vào thế đi thi thử một cái xem sao”. Nghe anh em, anh nộp đơn thi tú tài Tây. Ngày ấy, có mảnh bằng này đã là oách lắm. Tự thi đỗ thật. Từ đấy, anh em chẳng nhớ mấy bí danh cũ của Tự là Sĩ Quyết nữa, chỉ quen mồm gọi là Tú, và Tú Háy, vì cái tật ở mắt anh mà báo cáo luận tội của tòa Nam án Bắc Ninh sau này, xử anh vắng mặt và kết tội tử hình, tả là “lúc nào mắt cũng ướn nhoèn”.

Thế là họ lấy cớ ăn khao cậu Tú tân khoa để kéo nhau lũ lượt về nhà Ngô Gia Tự ở làng Tam Sơn (nay là Liên Sơn, thuộc huyện Tiên Sơn, Hà Bắc). Đó là giữa một vùng đất Kinh Bắc đầy di tích nhà Lý đời xưa, nào rừng Sặt, rừng Du Lâm, nào đình Lý Bát Đế,

chùa Trăm Gian, v.v..., mà giặc Pháp đã phá hết của ta mất rồi. Nơi các anh họp không xa chùa Tam Sơn, nay vẫn còn, với hàng cột tam quan đứng trên nền cao, trông xuống đường số 1. Gia đình Tự vốn dòng khoa cử, tưởng anh em theo đúng lệ xưa, quý bạn về làng mừng ông Tú mới, cho nên vật lộn ra ăn khao thật.

Cuộc họp của Kỳ bộ lại tiếp tục trong tiếng dao thốt như thế đấy. Có ai ngờ, trong khói hương nghi ngút của nhà thờ họ Ngô Gia, những người cách mạng lại bàn một vấn đề rất trọng đại: lấy lời Nguyễn Ái Quốc - “Đảng cách mạng phải lấy công nông làm gốc” - mà soi vào cơ thể của Hội, soi về tổ chức và soi về tư tưởng. Họ đi đến những quyết định hết sức quan trọng về công tác tư tưởng và công tác tổ chức mà chủ trương hàng đầu là “vô sản hóa”. Với việc bầu một ban lãnh đạo mới gồm có Ngô Gia Tự, Nguyễn Đức Cảnh, Đỗ Ngọc Du tức Phiếm Chu, Nguyễn Phong Sắc, Trịnh Đình Cửu, v.v... Kỳ bộ Thanh niên Bắc Kỳ bắt đầu hướng rõ rệt về phía đỏ.

Trước hết, người ta soát lại hội viên, những ai thụ động, những ai lừng khừng, những ai nằm im, thì cắt đứt hết mọi liên hệ chính thức. Tổ chức đi vào chiến đấu phải có sự thanh lọc cần thiết. Thật ra, bấy giờ hoạt động là cầm bằng mất hết, là chết hoặc tù; cuộc đời tự nó cũng đã sàng lọc nhiều. Đối với loại người hội viên chỉ đọc sách, đọc báo, bàn thế sự, nhiều người tốt lòng nhưng chưa đủ chí, từ trước đó nhiều, đã là chỗ rẽ. Như trường hợp người anh của Ngô Gia Tự, một năm trước, đã từng vì đọc *Đường khách mệnh* và

báo *Thanh Niên*, tháng tháng cúng cho tổ chức một phần tư số lương tham tá của mình. Chính ông ta đã quyết góp nhiều cho anh em ta ra ngoài học.

Lần ấy hai anh em Tự lại gặp nhau.

Tự lưu lại làng Tam Sơn, bàn công việc. Ngô Gia Khảm là cháu Ngô Gia Tự và trước kia là thằng bé ở đợ trong nhà, năm đó mười sáu tuổi, xin được vào làm nhà máy xe lửa Gia Lâm. Thành thử Khảm nghe tin lúc nào Tự ở làng lại về chào. Tự hỏi thăm Khảm về đời thợ học nghề vất vả, hỏi thăm cháu bị Tây đánh mấy lần. Anh chú ý xây dựng cho cháu tinh thần giai cấp:

- Cháu thấy không? Khi nào còn thằng Tây cai trị là dân mình còn khổ rách áo ôm, tóe máu me ra như thế đấy. Cháu ở nhà máy lâu, sẽ biết dần dần. Nhân dân mình như cái lò xo, chúng nó đè xuống lắm lại bắn vào mặt nó càng mạnh, cháu ạ.

Chú thợ học việc Ngô Gia Khảm nghe chú Tự nói, “thấy từng lời chạy vào lá gan, lá phổi, nghe tay mình to thêm, bắp thịt cũng xoắn lại, máu chảy cuồn cuộn”.

Chú cháu đang ở chơi với nhau thì người anh của Tự lúc đó đã được bổ tri huyện, từ nơi trị nhậm là huyện Hưng Hóa, đi xe hơi về thăm nhà. Tối đó, Khảm nằm ở phòng bên, nghe thấy hai anh em Tự to tiếng. Câu chuyện nghe được làm bừng tỉnh một tâm hồn thợ:

“Tôi càng cố áp tai vào vách lắng nghe - lời anh Khảm thuật lại - hai người bắt đầu cãi nhau rồi. Tiếng ông huyện đằng hắng, nói đĩnh đạc hơn trước:

- Anh xem chú đạo này vất vả lắm. Không biết có được gì không mà e khổ suốt đời. Sung sướng đâu chưa thấy mà tù đầy thì nhan nhản. Anh biết chú mấy khí khái. Nhưng, thời thế này, không được gì đâu.

Giọng chú Tự cắt ngang:

- Thế ý anh muốn thế nào?

- Ý anh muốn chú ra làm việc. Chú đồ tú tài Tây rồi. Chết nó cũng uống thân. Tiếc cho chú lắm. Mình ra làm quan, không đục khoét sâu một gì là được. Thanh liêm hai chữ trên đầu, dân không thù hằn mà thầy dưới tuổi vàng cũng không oán trách.

Chú Tự nói chậm, dường như hơi gắt lên:

- Tưởng anh khuyên thế nào... Trước kia anh nói thế nào mà lại khuyên tôi ra làm quan.

- Ấy trước khác, bây giờ khác. Trước anh có khuyên chú còn rảnh chân hơn anh, nên hoạt động. Bây giờ, anh nhìn được thời thế rộng thêm, biết không ăn thua gì nữa rồi. Anh không muốn chú tù đầy, chết dần, chết mòn, cho nên nói cho chú biết thời, biết thế. Còn thì tùy chú.

Tiếng chú Tự đành lại:

- Anh nhìn thằng Khảm cháu ta kia kìa. Đấy, cháu ruột mình đấy, có xa xôi gì. Ở với vợ anh, sáu năm, cắt cỏ chăn trâu, không lớn lên được đấy. Đi ở với cậu Hai Hải Phòng lại bông em, gánh nước, nhặt than đổ. Chán rồi về học nghề Gia Lâm, lại phải vác *tăng đơ* còng lưng cho thằng cai My. Tây nó đánh đá ngược xuôi. Chỉ

còn bộ xương với con mắt lơ lảo đó kia. Thằng Khảm thế, mình có sung sướng được không. Đất nước Việt Nam mình còn mấy triệu con em như thằng Khảm...

Im lặng nặng nề một lát, rồi chú Tự nói tiếp:

- Chắc anh làm tri huyện cũng thấy nhiều tù chính trị lắm. Tù đầy mòn xương nát tủy... Nhưng mòn xương nát tủy không phải là chết. Mình đập đổ chúng nó xuống cho dân mình có áo, có cơm, tù đầy là chuyện dĩ nhiên⁽¹⁾.

Từ câu chuyện đêm khuya nghe được ấy, Ngô Gia Khảm, cậu bé học việc ở nhà máy xe lửa Gia Lâm, bắt đầu suy nghĩ về đời mình và con đường cách mạng. Ngay khi đó, anh nguyện suốt đời “đi theo chú Tự”. Phải đến khi nhà máy xe lửa Gia Lâm có chi bộ Đảng, anh mới thấy rõ hơn: suốt đời đi theo Đảng và hơn thế nữa, chiến đấu dưới ngọn cờ của Đảng và đứng vững trong hàng ngũ Đảng của mình.

Ngô Gia Khảm là người anh hùng lao động công nhân đầu tiên của nước ta.

Ngô Gia Tự thường nói: “Đấu tranh để giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, thì phải lăn mình vào quần chúng vô sản, phải vô sản hóa”.

Chủ trương “vô sản hóa” mà Hội nghị Kỳ bộ Trung Thu năm 1928 thông qua xuất phát từ nhận định: trong mấy năm qua, cơ sở của thanh niên đã phát triển rộng khắp mười bảy tỉnh, thành. Tuy vậy, ở các

1 Xem *Ngọn lửa gang*, đồng chí Ngô Gia Khảm kể, Nguyễn Anh Tài ghi, Nhà xuất bản Lao động, 1955.

xí nghiệp, hầm mỏ, số công nhân còn ít, phong trào công nhân chưa mạnh. Số đông hội viên là tiểu tư sản trí thức, học sinh và giáo viên. Kỳ bộ phát động phong trào vô sản hóa nhằm tăng cường công tác vận động quần chúng công nhân và nông dân, đưa cán bộ vào các hầm mỏ, nhà máy, đồn điền là những nơi yết hầu kinh tế của địch, có biện pháp thích hợp tuyên truyền, giáo dục quần chúng, xây dựng tổ chức cách mạng trong công nhân. Tổ chức cơ sở của cách mạng chuyển từ xây dựng theo đường phố, khu dân cư, đơn vị hành chính, sang bám hằm vào xí nghiệp, bám chắc lấy môi trường đấu tranh và lao động.

“Vô sản hóa” còn nhằm xây dựng mạnh mẽ tư tưởng giai cấp công nhân cho đội ngũ cán bộ Thanh Niên hiện có, kiên quyết thực hiện chỉ thị của đồng chí Nguyễn Ái Quốc. Người đã từng giảng ở Quảng Châu và viết trên báo *Thanh Niên*: “Người cách mạng phải hòa mình với quần chúng công nông, để tự cải tạo mình thành người vô sản, thì mới hiểu được chủ nghĩa cộng sản và mới có thể tuyên truyền chủ nghĩa cộng sản, giáo dục đường lối của Đảng, tổ chức và lãnh đạo quần chúng đấu tranh”. Đó là biện pháp cụ thể để khắc phục tư tưởng tiểu tư sản còn đầy rẫy những biểu hiện trong phong trào. Chữ “tạch tạch sè” và “chặt đuôi tạch tạch sè” có ngay từ hồi đó, Nguyễn Đức Cảnh và Ngô Gia Tự đã nói câu chữ đó rồi.

Trong thực tế, “vô sản hóa” đã là đòn bẩy thúc đẩy phong trào cách mạng từ đó ăn sâu và vươn lên mạnh mẽ. Nguyễn Đức Cảnh cùng với Ngô Gia Tự

là linh hồn của cuộc vận động lớn. Cảnh được Kỳ bộ phân công làm Bí thư Hải Phòng, Tỉnh bộ Hải Phòng phụ trách cả Kiến An, Hải Dương và toàn bộ khu mỏ. Người chỉ đạo và lãnh đạo “vô sản hóa” cũng tự mình “vô sản hóa” tại nhà máy Ca-rông và cảng.

Chị Thuận, mà anh chị em ta quen gọi một cách thân yêu là chị Tư Già, vợ đồng chí Tư Biêu, một đồng chí công nhân giác ngộ vào khoảng cuối năm 1928, lần đầu tiên gặp Nguyễn Đức Cảnh: “Một buổi tối - chị nhắc về anh Cảnh cho chúng ta nghe - vào lúc cả nhà tôi đang ăn cơm thì một người bạn của anh Tư đến, trạc ngoài hai mươi, mặc chiếc áo Tây vàng cũ. Tôi đoán là bạn cùng xưởng của nhà tôi. Nhưng nhìn kỹ, thấy anh mặt mũi sáng sủa, chân tay nhỏ nhắn, ra dáng học trò. Tôi đứng dậy rót nước mời khách và toan lấy lồng bàn đẩy cơm lại. Chồng tôi hỏi khách:

- Đã ăn cơm chưa đấy?

Khách vẫn tươi cười:

- Cơm nước gì, từ hôm qua vẫn chưa có hột nào vào bụng.

Tôi sửng sốt, chợt nghĩ đến người con trai thất cổ ở cây đa hôm trước vì thất nghiệp, vì không có hột cơm nào vào bụng. Nhưng sao anh này lại tươi tỉnh, hớn hở, mắt long lanh, môi đỏ như môi con gái, xem ra không phải người lam lũ, cùng khổ. Tôi lấy thêm bát đĩa. Cơ chừng quá đói, anh ăn trông thật ngon miệng... Tối đó, anh nằm nói chuyện đến khuya với nhà tôi. Cảnh một đã đi rồi.

Ít lâu sau lại thấy anh trở lại. Thoạt nhìn tôi không nhận ra ngay, tưởng là một anh thợ làm tàu biển. Anh mặc bộ quần áo xanh, đội mũ lưỡi trai kín trán. Đến lúc anh bỏ mũ, tôi mới kịp nhận ra. Anh bế cháu bé Lan âu yếm. Cháu theo ngay, nũng nịu ngồi trong lòng chú, thỏ thẻ:

- Chú đi đâu mà lâu thế? Chú có còn đói không? Từ hôm qua chú đã có hột cơm nào vào bụng chưa?

Từ đó, từng bước một, anh Cảnh dìu dắt chị Thuận, từ một người vợ công nhân bình thường, đi vào cuộc đời cách mạng, chị Thuận đã thấy anh Cảnh đứng ở vai trò chỉ đạo và lãnh đạo trực tiếp những cuộc đấu tranh công nhân cho đến mùa thu năm 1930 ở Hải Phòng. Mãi đến cuối năm 1931, ở phiên tòa kết án tử hình Nguyễn Đức Cảnh, chị Thuận, trong đau đớn thất lòng, mới biết tên thật của anh⁽¹⁾.

Trong những gương chiến đấu các năm 1930, 1931 phong trào ta có hai Trọng. Một là Trọng con, là Lý Tự Trọng. Một Trọng nữa là bí danh quen gọi của anh Nguyễn Đức Cảnh.

Đọc những hồi ký về “vô sản hóa” và nghe những chuyện kể về thời đó, chúng ta thấy rõ Nguyễn Đức Cảnh có ảnh hưởng tinh thần lớn đối với những đồng chí đã từng làm việc với mình. Trên con đường “vô sản hóa”, các đồng chí đã được sự giúp đỡ ân cần với

1 Xem *Chị Tư Già*, đồng chí Nguyễn Thị Thuận kể, Lê Minh ghi, Nhà xuất bản Phụ Nữ 1969.

tinh thần đồng chí, nghiêm khắc đầy trù mến của anh Cảnh.

Xin dẫn trường hợp một nữ đồng chí được anh Cảnh bố trí đi “vô sản hóa”, lúc đầu còn nũng nịu: “Em chẳng đi đâu”. Nữ đồng chí đó, sau này chúng ta sẽ gặp lại, rất nổi trước mặt mấy anh phóng viên nhà báo, tại một phiên tòa đề hình mà đồng chí Nguyễn Ái Quốc, từ Hương Cảng theo dõi sát và rất tự hào về tinh thần những người cộng sản Việt Nam.

— II —

Vào năm 1929, khi cách mạng đang xoáy sóng ngầm thì trên mặt báo chí công khai, để câu bạn đọc, vẫn đề cập một số vấn đề cải lương muôn thuở. Tờ báo *Phụ nữ Tân văn* - tuần báo phát hành rộng nhất thời đó - mở cuộc phỏng vấn các danh nhân trong nước về vấn đề giải phóng phụ nữ, theo câu châm ngôn của báo đó:

Phấn son tô điểm sơn hà

Làm cho rõ mặt đàn bà nước Nam.

Bùi Quang Chiêu, chính đảng Lập hiến, kẻ đã rỏ nước mắt trước linh cữu cụ Phan Châu Trinh mà thề rằng: “Tây Hồ anh ơi, em nguyện hy sinh cho chủ nghĩa Pháp - Việt đề huề”, mượn dịp được phỏng vấn, bào chữa cho lập trường “thượng lưu, phú hào”. Bùi viết: “Một người nhờ gắng công học hỏi, nhờ sự tình cờ của cuộc đời mà thành một nhà thượng lưu hay “buốc-gioa”, phú hộ, tùy ý các ông tất là người ấy

có quyền hưởng nhiều hơn anh phu quét đường... Phú hộ hay thượng lưu, tôi có vị kỷ đâu. Tôi mở đường đi trước, tấn lên để hưởng nhiều đặc quyền rồi lợi dụng đặc quyền ấy giúp cho dân chúng bước tới như mình, như vậy là hay chứ... Tôi thú thật rằng ít khi đọc báo Quốc ngữ lắm”⁽¹⁾.

Trả lời phỏng vấn của cụ Phan Bội Châu bị kiểm duyệt nhiều:

“... (Kiểm duyệt thời Tây bỏ một đoạn)...

Nhơn tình thế thái ở nước ta bây giờ và xã hội gia đình ta bây giờ, nam giới còn chẳng xong gì, huống gì là nữ giới. Ngó ra ngoài Bắc, gởi hồn mộng lên mấy ngàn năm xưa... (kiểm duyệt thời Tây bỏ một đoạn...).

Theo nguyên lý nhơn sanh mà nói ra, nếu đã là người, thời ai cũng như ai cả. Người nước ta là loài người, đàn bà con gái nước ta cũng loài người.

... (kiểm duyệt thời Tây bỏ một đoạn)...”⁽²⁾.

Khi báo *Phụ nữ* đang lôi cuốn bạn đọc của mình bằng lời vàng ngọc bậc danh nhân thì anh Nguyễn Đức Cảnh đến gặp chị Vũ Thị Mai, một nữ sinh đã

1 Xem bài *Bùi Quang Chiêu trả lời phỏng vấn của Thạch Lan (Phụ nữ Tân văn, số 20-6-1929)*. Trong bài Thạch Lan, có tả hoàn cảnh sống của Gin-be Bùi Quang Chiêu (Gin-be là tên Pháp của y) như sau: Một cái nhà rất đẹp, trang hoàng rực rỡ, tỏ ra là nhà của một bậc phú hộ và trí thức, vừa gần thành phố là nhờ có ô tô vừa xa chỗ phồn hoa là vì có cái vẻ êm ái lặng lẽ; ấy chỗ ở của ông lãnh tụ Đảng Lập hiến có cái vẻ đặc biệt như thế.

2 Xem bài *Phan Bội Châu trả lời cuộc trưng cầu ý kiến của Phụ nữ Tân văn (số 4-7-1929)*.

tốt nghiệp. Tại sao khi đặt vấn đề vô sản hóa, chị mới đầu đã ngại ngùng? Chị vốn là em ruột một đồng chí hội viên đã giác ngộ trước. Chị gia nhập Thanh niên theo anh, phục vụ cách mạng bằng nét chữ tốt của mình, vừa đi trường học, vừa giúp mẹ việc nhà, vừa chép tay nắn nót ra nhiều bản báo *Thanh Niên* và *Đường cách mệnh*. Chị chưa từng nghĩ là làm cách mạng là phải bước ra khỏi khuôn khổ cuộc đời quen sống. Chị được nhà chiều. Chị lại xinh nữa.

Nắm được tâm trạng người nữ thanh niên, biết khơi ngọn lửa cách mạng của tuổi trẻ, Nguyễn Đức Cảnh ôn tồn giải thích: “Chúng ta là những người cách mạng. Lý tưởng chúng ta là lý tưởng cộng sản chủ nghĩa. Gian khổ, tù tội, mất đầu, chúng ta, những người thanh niên dũng cảm, không sợ, miễn sao cho nhân dân ta được tự do hạnh phúc. Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân, nhưng phải là nhân dân có tổ chức, có lãnh đạo. Bây giờ, đoàn thể cần đồng chí đi vào mỏ, cùng lao động chung với anh chị em công nhân để mang chủ nghĩa Mác – Lê-nin vào phong trào công nhân. Thực hiện được nhiệm vụ này, đồng chí không những góp phần làm cho cách mạng mau lớn mạnh, mau thắng lợi, mà bản thân đồng chí cũng sẽ lớn lên về mọi mặt và mau trở thành người cộng sản chân chính”.

Với bí danh là Mường, chị Mai được anh Cảnh và tổ chức bố trí vào nhà máy sàng than ở Cửa Ông, đứng máy từ sáu giờ sáng đến sáu giờ tối: Máy chạy không ngừng, đùn than lên lòng máng lẫn với đá đen. Phải

ting mắt nhanh tay lắm mới nhặt được hết đá: luôn mắt, luôn tay không nghỉ. Để sót thì cai phạt và ăn đòn. Hồi đó chị em công nhân còn mặc áo dài. Một hôm, cô nữ sinh vô sản hóa vô ý để áo quần vào máy, kéo cả người đi, nhờ có chị em cứu cho nên thoát chết. Máy cứ chạy hoài, than cứ chảy. “Một phút nghỉ ngơi là điều ao ước nhất của tôi, nhưng nào có được - chị Mai nói với chúng ta - Đứng càng lâu, chân tay bải hoải, mồ hôi đầm áo, mắt như cứng lại. Tôi để sót vài ba cục đá. Tên cai Năm vừa đi qua, vô lấy cục đá, giơ tay chực đánh tôi, miệng quát: “Mù à?”. Thì chị em chung quanh nhao nhao: “Làm cái trò gì đấy? Người ta mới vào làm, chưa quen thì bảo chứ!”. Cai Năm trừng mắt: “Gớm cái con Nhuần! Mẹ mày đấy à, mà mày bệnh?”. Chị Nhuần dong dạc: “Chẳng phải mẹ nhưng là thợ gái với nhau”.

Từ bữa đó, Mừng dần dần cảm rõ tình thương và sức mạnh giai cấp. Nhuần và Mừng thân nhau. Từ Nhuần, Mừng làm thân với những chị em khác. Thấy số đông chị em mù chữ, Mừng vận động chị em học. Ai ốm đau, Mừng thăm hỏi, ai khó khăn, lại bàn với chị em tương trợ. “Có những lúc nhớ nhà, thì tôi lại nhớ lời lãnh tụ viết trên đầu cuốn *Đường cách mệnh* - Mai nhớ lại - “*Phàm làm việc gì cũng vậy, bất kỳ lớn bé, bất kỳ khó dễ, nếu không ra sức thì chắc không thành công...*”. Tình chị em cũng cho tôi thêm nghị lực để chống chọi lại những phút ủy mị của con người tiểu tư sản. Tôi tự nhủ: nếu chị em công nhân bám máy vì miếng ăn thì ta cũng quyết bám máy vì cách mạng, vì chị em”.

Cảm tình và tín nhiệm của chị em đối với Mường tạo thế đứng của cách mạng trong quần chúng. Mường bắt đầu lấy những sự việc hàng ngày xảy ra như đánh đập, cúp phạt, hăm hiếp, gây căm thù. Rồi Mường dạy cho chị em *Bài ca Quốc tế* do Nguyễn Ái Quốc làm ra lời để hát theo điệu dân ca:

Hỡi ai nô lệ trên đời

Hỡi ai cực khổ đồng thời đứng lên...

Lanh-téc-na-si-ô-na-lơ

Ấy là nhân đạo; ấy là tự do⁽¹⁾

Bài hát vào lòng người thợ rồi, tự nó bay đi rất nhanh. Về mặt tổ chức, Mường gây hội cứu tế, từ đó lại lựa những người như Nhuận, như Ái, lập ra công hội. Công hội có tám mươi hội viên, đặt dưới sự lãnh đạo của Chi bộ mỏ Cẩm Phả. Báo của Chi bộ là tờ *Than*, “Lầm than, than thở mấy lời với *Than*” được

1 Toàn văn bài đó như sau:

Hỡi ai nô lệ trên đời

Hỡi ai cực khổ đồng thời đứng lên!

Bất bình này chịu sao yên?

Phá cho tan nát một phen cho rồi!

Bao nhiêu áp bức trên đời

Sành sạch sanh phá cho rồi mới tha!

Cuộc đời nay đã đổi ra

Xưa kia con ở nay là chủ ông!.

Trận này là trận cuối cùng,

Ầm ầm đoàn lực, dùng dùng đảng cơ

Lanh-téc-na-xi-ô-na-lơ

Ấy là nhân đạo; ấy là tự do!

(Bài *Tôi đi vô sản hóa ở mỏ than Cửa Ông* - Mạo Khê, đồng chí Vũ Thị Mai kể, Nguyễn Văn Hoan viết trong tập *Vô sản hóa*, Nhà xuất bản Thanh Niên, năm 1972.

chị em thích vì viết sát với thực tế, Mừng là phóng viên, thu lượm tin tức, lại là “nhà in” luôn, vừa chép bài, vừa in báo.

Rồi Chi bộ phân công Mừng thực hiện chủ trương của Chi bộ: Bảo vệ chị em công nhân, đấu tranh chống hăm hiếp. Cái khó là thời bấy giờ còn nặng tư tưởng phong kiến. Chị em bị nó làm nhục, xấu hổ, không dám nói thật. Mừng phải mất nhiều thời giờ mới phát động được tư tưởng anh chị em. Có chị bị hiếp đến bảy lần. Khi kể lại nhiều chị khóc nức nở, có chị quá xúc động ngã vật vào lòng Mừng. Ai cũng căm thù. Mừng đưa ý kiến đấu tranh, mọi người tán thành ngay. Chị Mai kể lại: “Một hôm, theo lệ thường, một chị bị gọi lên nhà riêng thẳng chủ. Lập tức chị em ngưng việc, nhao nhao phản đối và giảng lời chị lại, đồng thời tung ra khẩu hiệu đấu tranh chống hăm hiếp. Trước lực lượng đoàn kết của chị em, lại được anh em bên cơ khí ủng hộ, thằng Xa-vát và thằng cai Năm hoảng sợ, không dám bắt chị em đi nộp thẳng chủ nữa. Thế là thắng. Từ đó, thằng chủ với lũ tay chân cạch không dám giở trò dã man nữa”.

Sau đấu tranh, chị Mai được anh Nguyễn Đức Cảnh và anh Nguyễn Văn Cừ kết nạp ngay trên “hỏa tuyến”. Đảng lại điều người đảng viên mới đến những nơi cơ sở ta còn yếu. Tại cơ quan Tỉnh ủy Hải Phòng, anh Cảnh nói với chị:

“- Nhiệm vụ của đồng chí ở Cửa Ông coi như đã hoàn thành. Đảng quyết định điều đồng chí ra mỏ Mạo Khê, đồng chí thấy thế nào?”.

Mai đáp:

“- Anh Trọng ạ, tôi công tác ở Cửa Ông chỉ có sáu tháng. Thời gian đó còn ngắn lắm nhưng có giá trị đối với tôi bằng nhiều năm ở ghế nhà trường. Đoàn thể quyết định như vậy, tôi xin chấp hành”.

Anh Cảnh quay sang nói với đồng chí ngồi bên mà chị Mai không biết là ai:

“... - Đấy, anh xem, lại thêm một kết quả nữa về chủ trương vô sản hóa của chúng ta. Điều cốt yếu hiện nay là phải củng cố và phát triển vị trí của Đảng ta trong giai cấp công nhân. Phải tăng cường hơn nữa công tác vận động công nhân. Nhiệm vụ này có thể trao cho số đồng chí thanh niên. Họ đủ năng lực thực hiện. Tôi tin như thế lắm”⁽¹⁾.

*
* * *

Đảng đã đến trong lòng người công nhân như thế nào?

Chúng ta hãy nghe đồng chí Trần Bảo, thợ máy sợi Nam Định từ năm chín tuổi, nói về cuộc đời thợ:

- “Ở nhà máy sợi, không khí ngột thở và đặc một thứ bụi dễ cháy. Cái thứ cháy rất lạ, không thấy lửa khói mà chỉ thấy mùi khét lẹt. Làm việc tắm trong bụi, những người lớn phải đeo bên mình một cái chổi lúa để thỉnh thoảng quét người. Cùn một đời chổi thì cũng vừa tàn một đời thợ...”

1 Vũ Thị Mai, sách đã dẫn.

Nhà máy có tên chủ Sói với cái trán ăn tí lên đỉnh đầu và cái mặt đỏ gay, tên Tây cao đốc công đẹp trai mà nham hiểm, một tay nó làm hại không biết bao nhiêu là đàn bà con gái. Lão Chín Bá nháy với chiếc xe nhà bóng lộn và chiếc ba-toong cầm trong tay, chung quanh là một loạt những tên cai, tên ký kiểu như cai Bộc, Sáu Lọ, cai Lê, chuyên ăn lễ, ăn bớt, ăn hiếp, coi mạng người như ngóe.

Một hôm tôi ngồi với Vân, Vũ, điểm tên từng thằng một.

- Hôm nào phải sửa cho chúng nó một trận mới được.

- Sửa thì sửa. Nhưng nhớ mất việc - Vân nói.

- Ê, chúng mày - Vũ nghĩ ra. Chơi ngấm thế này hay hơn: Hễ chúng vắng là *khếch* (lăn công). Thỉnh thoảng vút mẹ nó một chiếc bù loong, đình vít. Đợi dịp cho thằng nào đó trong bọn nó ăn một trận thừa sống thiếu chết cho biết mùi.

Chúng ta hãy nghe anh Trần Bảo nói về khi người công nhân giác ngộ:

- “Tôi làm quen với trăm nghìn cái mới mẻ dồn dập đến. Chữ mới, tiếng nói mới, cách ăn nói đi lại, cách giữ gìn bí mật, cách đối xử với bà con chung quanh, cách đối phó kẻ thù, nhất nhất các anh kèm cặp. Chỉ trong một thời gian ngắn mà tôi đã có nhiều thay đổi. Tôi đứng đắn hẳn lên, mọi cách ăn ở đều khác. Tôi chú ý tới mọi người, vốn vĩa bạn bè, hỏi thăm chuyện này chuyện khác, năng đi chơi các nhà. Tôi giới thiệu được

nhiều người tốt với anh Đoan, anh Ngụ. Nói năng cũng đỡ cục cằn hơn. Đối với người ăn mày, tuy chẳng có gì hơn để cho, nhưng tôi không làm ngơ như trước. Tôi nhìn họ với con mắt thông cảm sâu xa như muốn thấu tới hoàn cảnh của họ”.

Đồng chí Trần Bảo được kết nạp ngay sau khi Đảng bộ Nam Định chính thức thành lập tháng 6-1929:

- “Tôi giấu quyển điều lệ trong người, đến đêm giở ra, đọc soi trên từng chữ, đọc đến đâu, nhớ đến đấy. Đọc một đoạn, tôi nhắm mắt lại hình dung ra cuộc đấu tranh mai sau. Mình sẽ giới thiệu ai vào trước nào? Tá máy cúi, Hồng máy dẹt, Long làm hương thờ, Bảy, Cá Ngạo, Cá Bơn. Bên máy con một nhóm, bên máy cạo một nhóm nữa. Phong trào cơ sở sẽ bùng lên như một đám cháy. Sẽ có một ngày nổi dậy bãi công từ sở này, sang sở khác. Rồi làm biểu tình, xếp hàng thế nào, cầm cờ thế nào, kêu gọi anh em binh lính đừng bắn vào bà con ra sao. Các nước khác người ta sẽ hưởng ứng ra sao. Mình sẽ đi về nông thôn kêu gọi bà con nông dân. Con người mình thế này, chỉ vác cái cày lên là ra dáng một dân cày rồi. Khi cách mạng ăn lan ra cả nước thì ấy là lúc mọi người cầm dao, cầm súng xông lên... Nghĩ đến đó thôi mà đã thấy nở từng khúc ruột... Lại nghĩ đến nó bất được, dùng cực hình tra tấn thì mình sẽ đối phó ra sao, đứng thế võ nào cho nó vừa tự nhiên, lại vừa hiểm để chống đỡ với nó. Cứ thế mà thức trắng cả một đêm mới xong quyển điều lệ”⁽¹⁾.

1 Xem *Hạt máu*, đồng chí Trần Bảo kể, Xuân Cang ghi. Nhà xuất bản Lao Động, 1970.

Và trong rừng cao su Phú Riềng, ở tận miền Nam xa, sát bên Đồng Xoài từ năm 1929, anh Ngô Gia Tự đã xây dựng phong trào ở đó.

“Chi bộ Phú Riềng - lời đồng chí Trần Tử Bình kể lại - chính thức thành lập vào một đêm tháng 10-1929. Tất cả có sáu anh em đưa nhau ra rừng sau làng 3 làm lễ tuyên bố. Chúng tôi đốt vài cây nến cho sáng, treo một lá cờ búa liềm trên một thân cây lớn, lá cờ phủ dọc thân cây. Đêm hôm ấy là một đêm trăng vàng vạc, tiết trời hơi lạnh, vậy mà tôi thấy nóng ran cả người. Anh Nguyễn Văn Cừ, vẻ mặt cảm động, thay mặt cấp trên tuyên bố lý do cuộc họp. Ai nấy nắm chặt tay phải giơ cao khỏi đầu để chào cờ. Chào cờ xong, anh Cừ đọc mấy lời thề.

Tất cả mấy anh em đều giơ tay lên trời thề. Thề xong bắt tay nhau, gọi nhau là “đồng chí”. Những tiếng “đồng chí” lần đầu tiên gọi đến sao mà nó ấm áp, thân yêu lạ thường. Lòng tôi lâng lâng, nhẹ như chấp cánh, hai mang tai tôi nóng ran và đôi mắt tôi ướt nhòa”.

Anh Cừ làm Bí thư Chi bộ Phú Riềng có lần đưa cả anh Bình về gặp anh Tự ở đường La-gơ-răng-đi-e Sài Gòn. Bấy giờ là cuối năm 1929 - vẫn lời anh Bình kể lại - anh Tự đi làm công nhân khuân vác ở Chợ Lớn, vừa để kiếm sống, vừa tạo địa bàn hoạt động. Căn buồng anh ở rất hẹp và chật chội, đồ đạc chỉ có giường nát và bộ quần áo rách. Tôi gặp anh ít phút đã thấy lòng mình ấm áp lạ lùng. Kể ra, vẻ bề ngoài của anh không có gì đặc biệt: người anh thấp lùn, hơi to ngang,

mặt hơi tròn, mắt nhỏ, nhưng cách nói năng của anh giản dị, thân mật vô cùng. Với các đồng chí trẻ như tôi lúc đó, anh có thái độ hồ hởi làm tin yêu ngay. Cách nói chuyện của anh mộc mạc, không văn chương gì cả, nhưng rất thiết thực.

Tờ báo bí mật của chúng tôi xuất bản ở Phú Riêng được anh đọc kỹ. Đặc biệt anh thích mục đời sống công nhân đăng trong đó. Ở mục này, chúng tôi đã phá những tật xấu như cờ bạc, rượu chè, trai gái bậy bạ. Anh Tự nói:

- “Tốt đấy! Công nhân ta phải từ bỏ những thói hư tật xấu ấy đi. Các anh đã biết vạch cho quần chúng theo con đường đạo đức mới. Những thói hư tật xấu ấy là tập tục của bọn tư bản. Mình là giai cấp công nhân cách mạng, làm sao lại để nhiễm những cái không tốt ấy được”⁽¹⁾.

Năm 1929, Đảng đã mọc - chồi chang - trong lòng giai cấp.

1 Xem *Phú Riêng đỏ*, đồng chí Trần Tử Bình kể, Hà An nghi. Nhà xuất bản Lao Động, 1965.

TỪ TRUYỀN ĐƠN ĐẾN CỜ ĐỎ

— I —

Pa-xki-ê lên ngôi toàn quyền, vừa trở lại Đông Dương, ký giấy xuất ngay 25.000 quan tiền Tây, lập giải thưởng văn học mang tên y, tặng anh Tây nào viết được tác phẩm hay nhất bằng tiếng Tây về Đông Dương⁽¹⁾. Trước tình hình không ổn định, y làm thế để trấn an và cổ vũ những người con của mẫu quốc đang phục vụ nền thống trị thực dân ở xứ này. Đồng thời, còn có ý nhắc khéo: y cũng là một vị toàn quyền kiêm văn sĩ đây. Chẳng là vào năm y còn chưa ra công sứ, y cố viết một cuốn sách về xã hội, con người, lễ thói, phong tục Việt Nam thế kỷ trước. Đó là cuốn *An Nam ngày xưa*, dày gần 400 trang, xuất bản năm 1907, gồm 12 bản báo cáo của Pi-e họ Pa-xki-ê đọc trước Phòng Thương mại và Hội Địa lý của thành phố Mác-xây, nhân dịp Pháp mở triển lãm thuộc địa năm 1906. Giáo sư Tiến sĩ E. Héc-ken, Giám

1 Năm 1930, Hăng-ri Đa-ghéc-sơ được thưởng, vì viết cuốn cây số 83 (*Phụ nữ Tân văn*, 24-4-1930).

đốc Trường thuộc địa Mác-xây, trong lời nói đầu, đã coi đó là “cuốn sách gối đầu giường của tất cả các quan cai trị trẻ tuổi”, Pi-e vốn là học viên Trường thuộc địa từ bé⁽¹⁾. Y là một trong vài ba tay toàn quyền Đông Dương cũ có tên ghi trong *Đại từ điển Bách khoa La-rút của Pháp*. Đường phố Hà Nội trước Cách mạng tháng Tám, thực dân lấy tên y đặt cho đường Cột Cờ (nay là đường Điện Biên Phủ) cũng như lấy tên toàn quyền khai nghiệp thực dân Pôn-Be đặt cho đường Tràng Tiền. Năm 1929, Pa-xki-ê 52 tuổi, đã ở Đông Dương đến năm đó là trên ba mươi năm rồi. Khi y

1 Theo Giảng A-gian-be: Trường thuộc địa mà Pi-e Pa-xki-ê theo học thành lập khoảng 1890 - 1891. Mỗi năm ngân sách Đông Dương phải đài thọ cho trường 10 vạn quan: ngược lại nhà trường có nhiệm vụ cung cấp cho Đông Dương mỗi năm 5 học sinh tốt nghiệp để làm quan cai trị thuộc địa. Một bài hát rất phổ biến của học viên Trường thuộc địa thời đó có lời ca như sau:

“Hòng chiếm lấy cái ghế giám đốc sạch như một đồng xu, ông Du-bre, mắt nhìn xuống và trán nghênh ngang, đi đến Bộ Thuộc địa. Ông ta trông thấy tất cả đàn bà, đầu kiêu, nào cười ngửa. Chỉ có các thuộc địa là ông ta chưa trông thấy bao giờ!”.

Vào khoảng những năm 1911, 1912, có sự tranh cãi sôi nổi về chương trình đào tạo cán bộ của trường này. Một phái chủ trương nên theo kiểu Anh, bắt học sinh học tiếng địa phương dân tộc thuộc địa. Một phái phản đối, không chịu học. Phái này thắng. Vì thế mới phải thành lập hệ thống dạy tiếng mẫu quốc cho một số người bản xứ để lấy người làm phiên dịch, công chức (G.A-gian-be: *Những đám mây trên trời Đông Dương*, Công ty xuất bản Lu-i Mi-sô, 1911). Theo *Đại từ điển bách khoa La-rút*, P.Pa-xki-ê tốt nghiệp trường thuộc địa năm 1893. Vậy y chính là một trong những tên thực dân Pháp đầu tiên được đào tạo chính quy.

Theo Giảng Đóc-xen (trong *Có nên rút khỏi Đông Dương không?* Nhà xuất bản Mới, 1932) và Lu-i Ru-bô (trong *Việt Nam*, tấn bi kịch Đông Dương, hiệu sách Va-loa, 1931): Trước đây, chức toàn quyền Đông Dương và các thuộc địa khác của Pháp thường là về tay các chính khách trong nghị trường chính quốc. Pa-xki-ê là viên toàn quyền đầu tiên xuất thân từ ngạch quan cai trị thuộc địa.

mặc lễ phục toàn quyền, may theo kiểu thời Đế chế, đầu đội mũ có sừng, vểnh râu ghi đông cưỡi trên râu cầm mộc rậm, ngực quấn băng bội tinh cao nhất nước Pháp, thì mề đay y đeo sắp hàng lủng lẳng cho đến tận bụng, đủ biết thành tích của y đối với mẫu quốc ở xứ này dày biết nhường nào.

Báo chí thời bấy giờ chơi chữ nói kháy vị toàn quyền làm ra bộ sính văn học: “Liệu tác giả *An nam ngày xưa* có hiểu được Việt Nam ngày nay không”⁽¹⁾.

*
* *

Đầu năm 1929 chứng kiến một bước phát triển chưa từng thấy của những lực lượng mới đẩy tới cách mạng Việt Nam.

Không phải chỉ có Hà Nội chuyển động mà Sài Gòn cũng rất sôi nổi. Ngoài Công hội Sài Gòn - Chợ Lớn do đầu Ba Son, do người anh cả của mình là đồng chí Tôn Đức Thắng gia nhập Thanh niên mà chịu ảnh hưởng nhiều của phong trào mới, phong trào học sinh không những lan rộng ở những trường công như Sát-xơ-lu Lô-ba, Pê-tơ-ruýt Ký, Sư phạm, Trung học nữ, Kỹ nghệ, Mỹ thuật Gia Định, mà còn ăn sâu vào các trường tư thục như Huỳnh Văn Chơ, Huỳnh Công Phát và Huỳnh Khương Ninh. Trường trung học Mỹ Tho cũng có cơ sở từ hồi đó. Truyền thống dân tộc, dân chủ và tiến bộ học sinh, sinh viên Sài Gòn và lục tỉnh bắt nguồn từ đó, phát triển mãi đến những Trần Văn Ơn thời chống

1 Xem bài *Quan toàn quyền Pa-xki-ê* của Diệp Văn Kỳ (*Thần chung*, 1-1-1929).

Pháp và những Lê Hồng Tư, Lê Quang Vinh, Quách Thị Trang và Nguyễn Thái Bình thời chống Mỹ.

Để hình dung được một nét của phong trào Sài Gòn lúc đó, ta biết rằng năm 1929, thống đốc Nam Kỳ Cơ-rao-tơ-me ra lệnh cấm các xe đi quảng cáo cuộc vui buổi tối không được phát “giấy hát”, “chương trình”⁽¹⁾, sợ lẫn truyền đơn cách mạng. Lệnh đó ra giữa thời đang hưng thịnh nhất của ca kịch cải lương với ngôi sao Năm Phỉ của gánh Phước Cương đang mùa sáng chói. Truyền đơn phát đi khắp nước tiếng gọi của phong trào. Đọc lịch sử các Đảng bộ địa phương, đọc tài liệu ghi chép sự kiện đáng chú ý của mật thám Pháp, đọc cả ngay trên báo chí công khai thời đó (cho đến những năm 1930 vẫn được lấy tin ở sở Cấm), ta thấy vào năm 1929, hầu khắp các tỉnh, thành đông dân trong cả nước đều có xuất hiện truyền đơn cách mạng. Không biết dựa vào đâu, năm 1933, Hồng Thế Công đã tổng kết là riêng Bắc Kỳ đã rải tất cả 10 vạn lá truyền đơn. Nội dung mỗi tờ truyền đơn đều là tim óc, máu thịt con người. In một tờ truyền đơn, biết bao khó khăn, nguy hiểm. Giữ truyền đơn là mất mạng như chơi. Rải truyền đơn, bị địch bắt được, là đánh đập, tra tấn, tù đầy rất nặng. Công lao nổi lửa phong trào và xây dựng Đảng, xin trước hết biết ơn hàng vạn hành động quần chúng vô danh, hàng ngàn chiến sĩ vô danh, đã đứng lên tung truyền đơn gọi đối đời và gây niềm tin cuộc sống.

1 *Phụ nữ Tân văn*, 26-9-1929.

Bạn trẻ ngày nay đi đến Bảo tàng, nhìn lá truyền đơn ngày trước, có lẽ ít thời giờ mà chú ý nhiều đến hiện vật đó. Phải đặt mình vào cảnh bế tắc đến cùng cực của cuộc đời ngày xưa mới thấy hết được mỗi tờ truyền đơn nói gì với mình.

Tết sắp đến rồi và tôi lại nhớ đến cái tết mà anh Nguyễn Công Hòa đã kể lại trong hồi ký của anh, cái tết của ba anh thợ trẻ thất nghiệp ở Hải Phòng vào năm 1927. Trước hết, ba anh kiếm được việc làm ở một xưởng nhỏ thì thằng chủ trốn tháng lương tết của thợ, bỏ đi Hà Nội mất. Trong cảnh túng quẫn, cái tết dồn ba anh thợ đến bước đường cùng. Ngày tết không đi lang thang được. Tết không có gì ăn. Mà tết ở lại nhà trọ thì không trả được tiền cơm, tiền trọ, không yên ông bà ông vải. Thế là họ bàn nhau đi trốn tết. Trốn tết ở các đình chùa đêm ba mươi đông người lễ bái, dung thân lấy độ vài giờ cho qua năm mới. Không may, đến chùa Vẽ, đúng giao thừa, thì xảy ra mất trộm ở đấy, *cu-lít* ập đến, họ bèn kéo nhau bỏ đi. Sinh nghi, *cu-lít* đuổi theo. Giữa pháo nổ ran, họ chạy trốn miết. Đồi ba đào đến thế là cùng. Và “đêm ấy, ba chúng tôi, ba tay thợ có nghề nghiệp, phải lén lút ngồi tránh gió trong một cái nhà mồ ở nghĩa địa An Dương”.

Từ cái nhà mồ ấy, một câu hỏi nảy lên trong đầu họ! Vì sao mà họ khổ? Vì sao họ có nghề hẩm hoi mà họ khổ? Cho đến một hôm, vào mùa xuân năm 1928: “Một sự kiện mới mẻ làm chấn động dư luận của

Hải Phòng: những tờ truyền đơn của Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí hội tung ra khắp nơi, kêu gọi đồng bào đánh đổ tư bản thực dân và phong kiến, giành lại nhà máy cho công nhân, giành ruộng đất cho dân cày. Những tờ truyền đơn đó, không biết từ nơi nào tung ra, cứ thấy luôn. Nó hút chúng tôi như nam châm hút sắt. Từ đấy, chúng tôi thường tụ tập nhau bàn bạc, nghe ngóng tình hình. Ai cũng đoán sẽ có một cái gì sắp xảy ra. Và bao trùm lên tất cả là sự nôn nóng đi tìm *hội kín*. Bạn bè chúng tôi rất đông bảo nhau tỏa đi khắp nơi sục sạo tìm *hội kín* để bắt mối. Chúng tôi ngờ hết người này đến người khác là *hội kín* nhưng vẫn không sao tìm thấy. Chúng tôi bán cả quần áo lấy tiền cho anh bạn tên là Bưu ra Hòn Gai để tìm mối. Nhưng anh Bưu đi đã lâu mà cũng chẳng thấy nhả tin về...”.

Không phải chỉ có cách mạng đi vào quần chúng, còn có một chiều ngược lại là quần chúng công nhân sùng sục bùng lên đi tìm cách mạng. Chính điều đó mới cắt nghĩa được hết vì sao phong trào ta từ ngày đen tối đã bùng lên mạnh đến như thế. Đến khi anh Hòa xin được vào làm nhà máy, hết sở dầu, xi măng đến máy gạch, họ mới nghĩ ra cách liên hệ được với cách mạng. Anh em thợ trẻ bảo nhau: “Cứ đấu tranh, cứ làm mạnh vào, có khi họ lại tìm đến không biết chừng”. Quả nhiên, qua đấu tranh, cách mạng tìm đến với họ thật. Và khi người thợ bước chân vào phong trào là đem đến cho phong một sức mạnh kết chặt với cuộc đời:

“Tôi lao vào những hoạt động của đoàn thể với tất cả sức trỗi dậy của bao nhiêu năm tháng bị đọa đày, áp bức. Không biết mệt, không một chút ngại ngần, không sợ hãi và với cái lợi thế sẵn có của một người thợ sinh ra từ cơ sở, tôi cùng với một số bạn bè trong một thời gian ngắn đã làm náo động phong trào khu Hạ Lý. Không phải chúng tôi có tài cán gì ghê gớm. Chẳng qua là vì chúng tôi hăng, mà lực lượng của chúng tôi vốn dĩ đã rất đông từ trước. Bạn bè của tôi là những người mà cuộc sống cực khổ đã gạn lọc và dồn ép lại thành một khối sống chết có nhau. Bạn chúng tôi có mặt ở khắp các nhà máy và sống rải rác ở khắp mọi xó xỉnh của Hải Phòng. Chúng tôi rất tin nhau, khi chưa tham gia cách mạng cũng đã tin nhau, thì nay cùng nhau hoạt động lại càng tin nhau hơn”.

Lá truyền đơn trong tay người thợ cũng có một đời sống khác: “Anh em thợ có nhiều cách rải truyền đơn rất là phong phú: có anh đặt cả tập truyền đơn vào dây cu-roa, khi mở máy, tập truyền đơn tung ra và gió bay đi khắp xưởng, giữa giờ làm việc, mà không biết ai rải. Cũng có anh đặt lên mui xe, khi xe chạy, gió mạnh, truyền đơn bay ra khắp phố. Có lần anh em đã táo bạo cắt điện toàn bộ để rải truyền đơn đồng loạt trong nhà máy”.

Có một điều chúng ta ít nghĩ đến là chính từ những truyền đơn đầu tiên nhận được, nhiều anh chị em công nhân ta thời đó mới bắt đầu làm quen với mặt chữ. Do tập đánh vần trên những lá truyền đơn mà nhiều

đồng chí công nhân ta đã bảo nhau học đọc, học viết chữ của nước nhà⁽¹⁾.

Cũng vì một tờ truyền đơn mà nảy sinh ra bao nhiêu chuyện đồn dập từ đêm ba mươi Tết Kỷ Tỵ (1929).

Vào nửa cuối năm 1928, dư luận cả nước hết sức xôn xao về việc Tây mộ phu đi các đồn điền cao su và đi Tân Đảo cùng các đảo khác thuộc Pháp mà tiếng ngày xưa gọi là đi Tân thế giới. Báo chí thời đó viết: “Mộ dân là một nghề rất trái với đạo đức nhưng rất lợi. Tính theo giá thời chót, mỗi lần mộ được một tên cu-ly, một người ít nhất cũng lời 15 đồng. Theo bản thống kê của chính phủ, mỗi năm số anh em gởi đi mấy sở cao su và mấy đảo Thái Bình Dương là 40.000. Trách gì ông Ba-danh không điều đình với chính phủ (kiểm duyệt thời Tây bỏ một đoạn)”⁽²⁾.

Khắp nông thôn miền Bắc đang bị bần cùng hóa vì bóc lột của đế quốc, phong kiến và thiên tai dồn dập, đây rầy những tên *bố mìn* dụ người đi phu. Ở Thái Bình dân quê bị lừa đi ở mướn trên tỉnh, lúc biết phải

1 Xem *Con đường sống duy nhất*, đồng chí Nguyễn Công Hóa kể, Mai Quân ghi, Nhà xuất bản Lao Động, 1972.

2 Xem bài *Vụ giết Mông-tên Ba-danh hay là vấn đề nhân công của Nguyễn Văn Bá* (*Thần Chung*, 27-2-1929). Cũng bài trên, còn viết: “Phạt! Phạt! Ấy là quyền riêng của chủ (đồn điền). Muốn phạt, chỉ nói: “Mày làm biếng” là phạt. Muốn phạt, chỉ nói: “Mày không giỏi” là phạt. Muốn phạt sao thì phạt, muốn cúp bao nhiêu tiền thì cúp. Trời mưa đông là có dịp phạt...” (*Thần Chung*, 22-2-1929) và “... cứ mỗi kỳ xuống đón tàu Clô-dơ Sáp-pơ (chở phu đồn điền cao su) về Hải Phòng... sẽ thấy hàng trăm người chỉ còn những da bọc xương, mặt xanh như tàu lá (kiểm duyệt thời Tây bỏ một đoạn) (*Thần Chung*, 6-3-1929).

đi phu, đòi về, bị cai đánh chết, mà cai ra tòa chỉ bị án treo vì ngộ sát. Thuế đinh 2 đồng rưỡi một suất, lý trưởng làng An Lập (Duyên Hà), Xa Cát (Vũ Tiên) đều thuộc Thái Bình, bán thẻ sưu cho cai 10 đồng⁽¹⁾. Tây, quan, cường hào, cai, xúm nhau vào bòn rút, chấm mút công cuộc buôn da vàng.

Trước vấn đề sôi bỏng đó, Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí hội ra truyền đơn kêu gọi anh em nông dân mình:

Đồng bào! Đồng bào!

Cực lắm rồi! Khổ lắm rồi!

Đế quốc Pháp cướp nước ta, coi dân ta như trâu ngựa. Chúng bóc lột, đàn áp ta rất thậm tệ: sưu cao, thuế nặng, bắn giết, tù đầy. Chưa đủ! Nay chúng lại lừa dối anh chị em ta đi làm cu li ở các đồn điền cao su và bên Tân thế giới. Chúng định lấy xác anh chị em bón xác cho cây cao su đấy. Chúng ta quyết không mắc mưu độc ác của chúng. Hãy đứng dậy bảo nhau đấu tranh trở về quê quán!

Đả đảo đế quốc mộ phu!

Truyền đơn rải suốt dọc đường số 1 và số 5, rải rác các ngả tàu thủy chạy về Nam Định và đi Hải Phòng.

Chính những anh em Việt Nam Quốc dân đảng, như Đoàn Văn Chiếu người đóng vai trò chủ chốt trong vụ mưu sát tên thừa phái Bùi Tiến Mai sau này bị đày ra Côn Đảo, và giặc ngộ cộng sản, kể lại rằng, hồi đó

1 Xem *Bắc Kỳ nhân dân đại biểu viện*, tổng thuật (năm 1928).

thấy ta rải truyền đơn, anh em bên ấy cho là trò trẻ con và chê là hèn, không dám hành động. Vì thế Việt Nam quốc dân đảng phải ra tay để tỏ rõ phương pháp cách mạng của mình.

Ba mươi tết năm Mậu Thìn bước sang năm Kỷ Ty (1929), bà con Hà Nội vừa cúng ông bà ông vải xong, pháo nổ ran. Mượn tiếp pháo tất niên làm loãng sự chú ý, ba phát súng ngắn đã nổ ở mạn Nam phố Huế. “Hôm đó là ngày thứ bảy mồng 9 tháng 2. Đúng 19 giờ 30, ông Ba-danh, giám đốc sở mộ phu, ghé vào số nhà 110 phố Huế thăm cô đầm Giéc-men Các-xen làm sở buôn Gô-đa ra, sắp lên xe, bị ba phát súng. Trước đó, có hai người trẻ đưa cho ông ta một mảnh giấy viết tiếng Pháp: “Mi tên hút máu, mi đem quăng người Việt Nam ra khắp bốn phương trời” (tin các báo hồi đó)⁽¹⁾.

Sau vụ ám sát Ba-danh, Tây đánh lạc hướng, mới đầu tung tin là do cạnh tranh nguồn lợi buôn người mà giết nhau, mượn cớ đó bắt mấy người con Bạch Thái Bưởi⁽²⁾. Rồi quăng một mẻ lưới đầu tiên bắt Việt Nam Quốc dân đảng, gồm “40 hạ sĩ quan và lính; 39 thương gia và thủ công; 37 địa chủ, phú nông, nông dân khá và thầy lang, 36 viên chức cho Pháp và 36 thầy giáo; 13 viên chức bộ máy Nam triều; 10 viên chức công thương; 6 sinh viên; 4 nhà viết báo; 4 giáo

1 Xem *Thần Chung*, 18-2-1929.

2 Hai người này là Bạch Thái Đào và Bạch Thái Tông (*Thần Chung*, 19-2-1929).

sư trường tư; 2 thầy đồ nho”⁽¹⁾. Sau đó đến việc đội Dương, tên Tây lai có chân trong Trung ương Việt Nam Quốc dân đảng, làm phản, khai tất cả với Pháp. Đầu ông Nguyễn Thái Học được treo giá 5.000 đồng⁽²⁾. Và đến cuối tháng 3, đầu tháng 4 thì mật thám Tây bắt một mẻ vó lớn tại “Khách sạn Việt Nam”, là cơ quan kinh tài của Việt Nam Quốc dân đảng.

Chúng tôi đọc thấy trên báo *Thực nghiệp dân báo*, khung quảng cáo về “Khách sạn Việt Nam” này, lời như sau: “Quý khách ra chơi Hội chợ nên đến Việt Nam ô-ten, 30 phố Hàng Bông, Hà Nội. Đây nói số 435, là một hiệu của người Việt Nam mới mở, có bán cơm Tây, cơm Tàu, cơm An Nam. Bếp nấu rất khéo. Bồi hầu rất lễ phép. Có phòng riêng ngồi ăn rất sạch sẽ. Thường có món ăn rừng, món ăn bể. Thứ năm, thứ bảy, chủ nhật lại có đờn ca rất hay. Chủ nhật, vào hồi hai giờ chiều, có bán nước trà và các thứ bánh nội hóa, rất ngon rất khéo”⁽³⁾.

— II —

Nếu Việt Nam Quốc dân đảng tổ chức kinh doanh bằng mỗi khách sạn thì cơ sở tài chính kiêm giao thông của bên Thanh niên là xưởng cơ khí sửa chữa và nhà cho thuê ô tô du lịch ở 20 đường tướng Bi-sô, tức là phố Cửa Đông, Hà Nội ngày nay. Người phụ trách

1 Xem *Trần Văn Giàu*, sách đã dẫn.

2 Xem *Phụ nữ Tân văn*, 6-3-1930.

3 Xem *Thực nghiệm Dân báo*, 27 và 30-11-1928.

là Đỗ Ngọc Du, tức Phiếm Chu, có thể nói là cán bộ kinh tế đầu tiên của Đảng. Con người tháo vát. Với tuổi hai mươi, anh thật có óc tổ chức. Anh xin đoàn thể điều về chỗ anh nhiều đồng chí công nhân ưu tú như đồng chí Trần Trọng Hoan, thợ nguội lành nghề máy sợi Nam Định. (Lương tháng 36 đồng 8 hào, hơn lương công chức) không những là thợ chuyên môn giỏi, sở nào cũng chuộng. Hoan còn là một chiến sĩ kiên cường và một cán bộ có trình độ. Khi địch phát hiện cơ quan, đến phá, bắt được anh, anh kiên quyết không khai bí mật của Đảng, bảo vệ Phiếm Chu trốn thoát, tự mình chỉ nhận là người làm thuê, khiến ra tòa đề hình Kiến An, địch không có đủ chứng cứ buộc tội, phải thả anh ra. Ra tù, anh trở thành Bí Thư tỉnh ủy Hải Phòng trong những giờ phút lao đao nhất của phong trào. Còn Phiếm Chu thì đúng là một con người biết làm kinh tế. Với số vốn ban đầu ít ỏi, anh tổ chức mua toàn xe cũ về chữa lại, tổ chức đường xe thường xuyên chạy lên biên giới, vừa làm giao thông liên lạc, vừa kết hợp vận chuyển gây tài chính cho đoàn thể.

Số xe của cơ sở 20 đường tướng Bi-sô có bao nhiêu, không đồng chí nào còn nhớ rõ. Chỉ biết rằng, tháng 4-1929, với lực lượng xe của mình, Phiếm Chu tổ chức đưa đón đầy đủ đại biểu các tỉnh và đồn điền Bo-ren ở Ba Vì (Hà Tây bây giờ) để họp một cuộc đại hội toàn kỳ quan trọng.

*
* * *

Tình hình đã dồn dập.

Ta đều biết: Sau khi đại biểu Kỳ bộ Thanh niên Bắc Kỳ, tháng giêng năm 1929, ra họp cuộc hội nghị trù bị cho Đại hội toàn quốc của Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí hội ở Hương Cảng (cuộc trù bị không thành), trở về báo cáo với Kỳ bộ là ban lãnh đạo Tổng bộ chưa thông với chủ trương lập Đảng Cộng sản. Những phần tử tiên tiến trong Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí hội, lúc đó nắm vai trò lãnh đạo Kỳ bộ Bắc Kỳ, quyết định thành lập chi bộ cộng sản đầu tiên ở số nhà 5D phố Hàm Long, Hà Nội. Họ vẫn tiếp tục thông qua Kỳ bộ để lãnh đạo phong trào chung.

Cuộc Đại hội đại biểu toàn kỳ của Thanh niên ở đồn điền Bo-ren chứng tỏ sự nhất trí hoàn toàn của một Kỳ bộ đông hội viên nhất trong toàn quốc. Khi đem vấn đề lập Đảng bàn, hội nghị thảo luận náo nhiệt, thức trắng đêm, cuối cùng ai nấy một lòng một dạ muốn thành lập Đảng ngay. Về cách tiến hành, Hội nghị nhất trí với chủ trương của nhóm tám người ở Chi bộ Hàm Long là đợi đến Đại hội toàn quốc của Thanh niên có đông đủ đại biểu Trung, Nam, Bắc, có cả Tổng bộ nữa, ý kiến toàn quốc thống nhất, sẽ làm. Trong khi chờ đợi, Kỳ bộ Bắc Kỳ chủ trương tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động vô sản hóa, phát triển công hội, nông hội, tăng cường giáo dục chủ nghĩa cộng sản và đẩy mạnh đấu tranh quần chúng. Bộ phận nòng cốt ra sức chuẩn bị tuyên ngôn cương

lĩnh, điều lệ, và sắp xếp một bước về tổ chức, để khi quyết định thành lập Đảng chính thức, thì mọi điều kiện đã sẵn sàng.

Đại hội đại biểu Thanh niên Bắc Kỳ cử vào đoàn đại biểu của mình đi dự Đại hội toàn quốc của Thanh niên ở Hương Cảng vào tháng 5 năm 1929 bốn người, trong đó có Ngô Gia Tự.

Như Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương nhận định: tất yếu khách quan của sự thành lập một chính đảng thật sự của giai cấp công nhân “không được nhận thức nhất trí và kịp thời trong những người lãnh đạo Hội” lúc bấy giờ. Điều đó dễ hiểu vì ban lãnh đạo Tổng bộ xa phong trào trong nước. Một số đại biểu của Trung và Nam tán thành thành lập Đảng ngay nhưng số đông chưa nhận thức được hết tính chất bức thiết của vấn đề. Tư tưởng chính trị và phẩm chất đang thoái hóa của Lâm Đức Thụ không phải là không cản bước tiến của lịch sử.

Trước thái độ kiên quyết của Đoàn đại biểu Bắc Kỳ, kiên trì đề nghị thành lập Đảng, Lâm Đức Thụ giở hết quyền uy của mình: “Nhân danh chủ tịch hội nghị, tôi quyết định không được bàn tổ chức cộng sản ở đây. Nếu bàn vấn đề này, thì đi nơi khác mà bàn”.

Ý thức việc thành lập Đảng là một yêu cầu của lịch sử, không nhất thiết chờ sự quyết định của Đại hội Thanh niên. Ngô Gia Tự hội ý với đoàn mình rồi đứng ngay dậy: “Thay mặt hơn 900 hội viên Thanh niên Bắc Kỳ trong tổng số hơn 1.500 hội viên Thanh

niên toàn quốc, chúng tôi đã trình bày đề nghị của chúng tôi, nhưng không được đại hội chấp thuận. Nếu ở lại đây, chúng tôi sẽ không biết trả lời thế nào với các đại biểu Bắc Kỳ đã nhất trí trao trách nhiệm cho chúng tôi phải đề ra vấn đề tổ chức Đảng Cộng sản. Trách nhiệm ấy không làm tròn. Chúng tôi tuyên bố thoát ly đại hội...”.

Lâm Đức Thụ sững sốt rồi cau mày lại. Anh Tự nhìn thẳng vào mặt hắn, rồi thân ái nhìn các đại biểu: “Trước đây, chúng ta đã cùng nhau học chủ nghĩa cộng sản. Chúng ta sẽ gặp nhau trong công tác, nếu chúng ta còn cùng chung một chí hướng”.

Họ bỏ đại hội ra về, thái độ thật là dũng cảm, nếu ta biết thêm rằng trong Đoàn đại biểu Bắc Kỳ có Dương Hạc Đính, quá sợ uy thế Lâm Đức Thụ, sợ tính chất cơ mưu, thủ đoạn của nó, lại sợ cả rời nó ra lấy tiền đâu mà về được, cho nên đã bỏ đoàn mà theo Lâm Đức Thụ. (Đính sau này càng rơi xuống vực sâu của phản bội). Ngô Gia Tự, Trần Văn Cung và người nữa là Nguyễn Tuân tức Kim Tôn, ba người ra đi, chỉ có hai mươi đồng bạc trong tay, lang thang trong Hương Cảng là giang sơn của Lâm Đức Thụ. Trước đó, Trần Văn Cung đã từng sống với Thụ một thời gian ở đây. Nhà hắn khá sang, ở lưng chừng núi. Hắn sống xa hoa, bệ vệ, anh không thích, nhưng chưa ngờ được hắn sinh bụng khác. Có điều chắc chắn là cả hai anh Tự và Cung ngay từ lúc đó đều biết gồm Thụ. Đêm ấy, với số tiền còn trong túi, họ

phải thuê khách sạn ngủ. Vào buồng, khóa rồi còn lấy chậu thau treo lên núm cửa, đề phòng Thụ cho người tìm theo ám hại.

Anh em công nhân Hương Cảng sống giàu tình bạn. Chỉ cần cầm với nhau cốc nước chè hay cần với nhau chút hột bí là quen nhau ngay rồi dẫn nhau đến công hội liên. Những đại biểu Kỳ bộ Bắc Kỳ tìm các bạn công nhân quen cũ nhờ dẫn ra cảng tìm tàu về nước. Cơ sở dưới tàu bảo với anh Tự rằng: “Bạn mày, lão béo (Lâm Đức Thụ) bảo chúng mày trở về bàn tiếp. Nó bảo không để chúng mày về được đâu”.

Thế là càng phải cao chạy xa bay. Họ chạy cùng khắp Hương Cảng tìm cách về. Cuối cùng, Tự nhớ có quen một anh giáo viên người mình, dạy trên Bắc Hải, đến vay tiền. Anh ta cho vay với điều kiện về đến nước phải gửi trả ngay. Đến Hải Phòng, Tự tìm ngay chị Vịnh làm y tá ở bệnh viện là một người cảm tình nhờ giúp. Chị bán ngay đôi xuyên cưới.

Tự và Cung về ngay Hà Nội, báo cáo và ra tuyên bố về việc thoát ly Đại hội toàn quốc của Thanh niên. Nhóm cộng sản đầu tiên (mất Dương Hạc Đỉnh bị khai trừ nhưng thêm Nguyễn Phong Sắc và Trần Tự Chính tức Bàn Thống) xúc tiến ngay việc thành lập Đảng. Mọi việc chuẩn bị về văn kiện ở nhà, do Trịnh Đình Cửu và Nguyễn Đức Cảnh lo, đã hoàn chỉnh được một bước.

Tháng 12 năm 1972, giặc Mỹ ném bom hủy diệt khu phố Khâm Thiên, Hà Nội. Hàng nghìn đồng bào

chết và bị thương. Hàng nghìn căn nhà bị phá hủy từ dãy bên số lẻ đổ vào trong. Căn nhà duy nhất bên số chẵn bị trúng bom là nhà số 312 phố Khâm Thiên. Tại đây, ngày 17-6-1929, 20 đại biểu các tổ chức cộng sản mới được tổ chức ở Bắc Kỳ quyết định thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương⁽¹⁾. Hội nghị họp trong nhiều ngày, thông qua Tuyên ngôn, trình bày những nét chủ yếu về chủ nghĩa cộng sản, đập mọi luận điệu phản tuyên truyền của địch, phân tích tình hình trong nước và phê phán quan điểm của đảng phái khác, phác họa chiến lược và sách lược của cách mạng Việt Nam. Hội nghị thông qua những khẩu hiệu có tính cương lĩnh của Đảng và xây dựng điều lệ, căn cứ điều lệ mẫu của Quốc tế cộng sản. Sau khi thành lập Đảng, những người lãnh đạo phân công nhau đi phát triển Đảng ở khắp nơi trong nước và hẹn nhau đến Tết năm tới sẽ họp lại để phát triển và cụ thể hóa hơn nữa đường lối.

Đông Dương Cộng sản Đảng ra đời thúc đẩy phong trào Cộng sản ở Đông Dương phát triển mạnh (*Bốn mươi lăm năm hoạt động của Đảng Lao động Việt Nam* do Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương biên soạn).

1 Theo tuyên ngôn thành lập, tên Đảng là Đảng Cộng sản Đông Dương. Sau tháng 10-1930, Đảng lại lấy tên là Đảng Cộng sản Đông Dương. Chính vì có sự trùng tên này mà Hồng Thế Kông, trong tài liệu đã dẫn, để phân biệt, đã gọi là Đảng Cộng sản Đông Dương (1929) và Đảng Cộng sản Đông Dương (1930). Theo một số đồng chí hoạt động thời 1929 - 1930) thì những trường hợp đây đó có viết tên Đảng là Đông Dương Cộng sản Đảng chẳng qua là viết theo ngữ pháp chữ Hán, không phải là tên chính thức của Đảng.

Khi Đảng Cộng sản Đông Dương ra đời thì dư luận trong nước đang hồi hộp theo dõi những phiên tòa đề hình sắp họp, hàng ngày Tây bắt đưa tin lên báo. Bên cạnh chính sách sâu xa thâm độc mà ta sẽ biết, Pa-xki-ê ra oai trước hết tăng cường đàn áp. Vào đầu tháng 7-1929, cùng một lúc trong Nam xử vụ án Hội kín Nguyễn An Ninh thì ngoài Bắc xử vụ án Việt Nam Quốc dân đảng. Phiên tòa xử vụ Nguyễn An Ninh, ông Ninh mặc áo bà ba trắng, tay cầm một chiếc khăn trải bàn và đi chân đất⁽¹⁾. Một thanh niên là Phạm Văn Kiếm rút súng giữa tòa bắn vào mặt quan tòa Na-đai-a⁽²⁾.

Tại Hà Nội, từ 2 đến 11 giờ 20 đêm 3 tháng 7 năm 1929, tòa đề hình xử vụ án Quốc dân đảng, trong đó có cả Phạm Tuấn Tài cũng bị bắt, do tên Bri-đơ, tức “Tứ Bích” mà ta đã nhấn mặt, làm chánh án. Trong phiên tòa này ta mới thấy hết mảnh khốc thâm hiểm của nó. Nó nghiên cứu rất kỹ mọi hồ sơ, tài liệu cần thì cho người chạy về bộ phận lưu trữ phủ toàn quyền trong nháy mắt đem đến tòa tài liệu gốc, vừa hỏi, vừa tranh luận như cãi nhau với các bị cáo, muốn tỏ rõ

1 Xem báo *Đông Pháp* các ngày 18 và 19-7-1929. Báo *Phụ nữ Tân văn* 16-5-1929, cho biết: “Bắt đầu ngày 8-5, tòa án trưng trị Sài Gòn đã xét vụ Nguyễn An Ninh là một vụ án lớn... Bữa xử thì tòa xử kín, không có công chúng vào xem... 116 người can phạm ngồi chật cả phòng. Hội kín chỉ mà bữa đem tang vật ra giữa tòa, chỉ thấy một sắp giấy và một con dao mà thôi... Trước ngày xử án này, có 2.000 người định họp mít tinh ở đường Ga-li-ê-ni để phản đối việc xử ông Ninh, nhưng bị lính tuần canh ngăn trở và giải tán”.

2 Xem báo *Đông Pháp*, 7-8-1929.

phần hơn về trí tuệ của đại Pháp⁽¹⁾. Đầu nhất là nó lấy hai bản điều lệ khác nhau năm 1928 và 1929 của Việt Nam Quốc dân đảng và phân hóa các đảng viên, dồn họ vào chân tường vì sự bất nhất và mơ hồ về đường lối của họ⁽²⁾.

Đòn độc nhất mà nó đánh là khai ra vụ “Khách sạn Việt Nam”. Nó đem ra bêu trước tòa bức thư của Nguyễn Văn Lung, tức giáo sư Lung, tức Lung cao, là người thay Nguyễn Văn Kính (vì tình nghi phản đảng mà bị Ký Con giết ở Bách Thảo), Lung quản lý khách sạn Việt Nam này trong giai đoạn sau cùng. Thư của Lung kiện với tỉnh bộ Hà Nội Việt Nam Quốc dân đảng là cơ quan kinh tài có nguy cơ sập tiệm vì nhiều đảng viên dẫn cả bạn bè, gia đình đến ăn quịt, nhiều người còn dắt gái đến khách sạn và chiếm buồng ngủ bàn đèn nữa. Bên trong thì lãng phí, tham ô, không ai

1 Theo báo *Đông Pháp* này 2-7-1929, tường thuật: “Nhượng Tống (khai): Những sách tôi làm đều đúng với chỉ dụ định quyền ngôn luận trong xứ; đến khi ông Phạm Tuấn Tài đối đi Tuyên Quang, thì tôi không làm việc ở Nam Đồng thư xã nữa... không phải tôi là người trong tổng bộ. Tôi xin hội đồng lấy sự công bình mà xét” và lời Phạm Tuấn Tài đối đáp với quan tòa như sau:

“- Trước khi tôi thú nhận, xin quan tòa cho phép tôi nói rõ cái chương trình hành động của hội đảng chúng tôi - Tôi đã biết cái chương trình hành động của hội đảng các anh rồi, anh không cần phải nói nữa - Mục đích của chúng tôi là giúp việc khai hóa của nước Pháp ở xứ Đông Dương này.

- Anh đã nói rõ trong 20 trang giấy mà anh đã đệ trình tôi rồi.

... Không có ai khai cho tôi là có chân trong Quốc dân đảng cả, chỉ trừ có Nguyễn Triệu Luật mà thôi”.

2 Báo *Đông Pháp* từ 1 đến 6-7-1929, dành trang nhất để đưa tin và tường thuật vụ xử Việt Nam Quốc dân đảng dưới tiêu đề chung: Hội đồng đề hình họp tại tòa án xử việc hội kín.

bảo ai được. Cơ quan của đảng trở thành ô hợp, mật thám chui vào không biết. Tiêu thâm vào vốn và nợ mất 2.000 đồng. Bri-đơ cho chương lý kết luận: “Trong cái hắc điểm kiểu mới này, xài phí, nhậu nhẹt, ái tình và cách mạng tiến hành song song với nhau”⁽¹⁾.

Những anh em tốt trong Việt Nam Quốc dân đảng còn chưa bị bắt lúc đó nhất quyết khôi phục thanh danh cho đảng. Ông Nguyễn Thái Học bị phiên tòa này xử vắng mặt 20 năm cấm cố. Phó Đức Chính bị kết án hai năm tù treo⁽²⁾. Chính là từ đó lưu truyền câu nói nổi tiếng của họ: “Không thành công thì thành nhân”, theo chữ của người xưa “sát thân thành nhân”.

1 Trích thư khiếu tố của Nguyễn Đức Lung gửi Tỉnh bộ Hà Nội của Việt Nam Quốc dân đảng “Khách sạn mắc nợ, quỹ rỗng, không có khách... không có lời lãi gì... không còn biết lấy đâu ra tiền để trả tiền nhà, tiền điện, tiền nước, tiền thuê bồi, v.v... Nhân viên thì không hết lòng... Bọn nấu bếp thì ăn bớt, mỗi ngày có đến 3, 4 đồng. Viên quản lý trích một số tiền lớn làm hoa hồng, cho mua các vật phẩm từ Thanh Hóa ra mà không cần biết là có đắt hơn ở Hà Nội không. Viên quản lý cũ là Nguyễn Văn Kinh đã phạm lỗi lầm. Đảng viên Việt Nam Quốc dân đảng kéo nhau đến ăn không trả tiền, khi thì 3, 4 người, có khi đến 10 người và không chịu thanh toán sổ ghi nợ. Các phòng của khách sạn... đảng viên mang nhân tình nhân nghĩa đến đó đủ đởn. Ăn, uống, không phải bao giờ đảng viên cũng chịu thanh toán. Ai cũng muốn chỉ huy. Đào và Tùng đối xử tục tằn với các đảng viên làm việc ở khách sạn. Một vài đảng viên còn bắt lấy quỹ thanh toán mọi chi tiêu riêng của mình. Khách sạn có hơn 2.000 đồng tiền nợ, phần nhiều là bị quyt mất” (Theo tài liệu lưu trữ trong hồ sơ vụ án Việt Nam Quốc dân đảng của tòa thượng thẩm Hà Nội lập ngày 27-6-1929 - đồng chí Nguyễn Văn Hoan sưu tầm). Trong hồ sơ này, còn viết: “Nhằm mục đích kiếm tiền vốn để làm công tác tuyên truyền, Việt Nam khách sạn, trên thực tế đã ngốn mất phần lớn nhất khả năng tài chính của đảng và làm cạn nguồn của những người tự nguyện ủng hộ đảng” (tài liệu trên).

2 Xem báo *Đông Pháp*, 4-7-1929.

Từ khi ông Nguyễn Thái Học bị đặt ra ngoài vòng pháp luật thì trong đảng tôn ông Tô Chấn lên đứng đầu mọi công việc. Tô Chấn là anh đồng chí Tô Hiệu. Tô Chấn lãnh đạo phong trào, quyết thực hiện mục tiêu cao nhất của đảng là ám sát toàn quyền Pa-xki-ê.

Anh bị xử tù chung thân vì âm mưu này bại lộ.

Chính vì án tù ấy mà sau này ta sẽ gặp lại Tô Chấn bên cạnh Ngô Gia Tự và ta sẽ nhớ mãi hình ảnh cuối cùng của Tô Chấn, người cộng sản, đứng vững bên cạnh Ngô Gia Tự, cùng với các đồng chí thân yêu, đạp lên đầu sóng dữ, vượt Côn Đảo sau này.

— III —

Đất nước đau thương, bao lần khắc khoải.

Cụ Phan Sào Nam bị quản thúc rồi. Cụ Phan Tây Hồ đã mất. Ông Nguyễn An Ninh với Thanh niên Cao vọng hội hơn hai trăm người đã bị bắt. Việt Nam Quốc dân đảng chưa hành động được bao nhiêu đã vỡ lở. Bây giờ, dân ta chưa đủ sức tin ở chính mình, thường quan niệm cách mạng chỉ có người tài mới làm nổi. Nhất búa đàn áp đầu tiên của Pa-xki-ê làm không ít đồng bào trùng chí và lo âu: Ôi, người tài còn đâu, vận nước biết trông vào ai?⁽¹⁾ Trên bề mặt xã hội, đọc rõ

1 Xin nêu rõ thêm một số chi tiết về tình hình văn hóa xã hội năm 1929. Ngón đòn thâm độc nhất của kế hoạch rất tổng hợp hòng chặn đứng cách mạng Việt Nam của Pa-xki-ê và bè lũ triển khai là đi đôi với đàn áp thẳng tay nhằm tạo ra khiếp sợ và bi quan, cho xúc tiến một chương trình đổi trụy hóa thanh niên, gây nhiễu loạn tình

một chút se mình trong cơn hoang mang. Biểu hiện nổi nhất trong mùa hè năm 1929, là cái mà báo chí thời đó nêu lên là “nạn dịch tự tử” đang truyền nhiễm. Không ngày nào không có người hay đôi trai gái nhảy xuống Hồ Gươm hay Hồ Tây, uống thuốc phiện dấm thanh, ăn thuốc phiện chuối tiêu, lính khố xanh dùng súng bắn vào đầu⁽¹⁾.

Đông Dương Cộng sản đảng chính thức ra đời trong bối cảnh của Việt Nam giữa năm 1929 đó và việc đầu tiên của mình là tự gắn chặt với giai cấp của mình.

thần cao độ, hướng nhanh họ vào những mục tiêu sống mất gốc. Ta không lấy làm lạ là trong ê-kíp của Pa-xki-ê đem nhau từ Pháp sang, có tay trợ thủ đắc lực là Sa-ten làm đồng lý văn phòng; Báo *Đông Pháp* (ngày 13-8-1929), trong bài của Nguyễn Văn Thuận nói về bệnh Phong tình ở Hà Thành, có viết: “Nhân số Hà Thành, có đến bốn năm mươi phần trăm người có bệnh phong tình... câu nói của miệng của thanh niên thời nay là: có được bảy lần tìm là, mười ba lần lậu mới đáng mặt trai tài ở đời”.

Về văn hóa, báo chí mở “Cuộc thi Kiều” với chủ đề: Kiều nên khen hay nên chê? (*Phụ nữ Tân văn*, từ số 1 đầu năm 1929 đến số ra ngày 22-8-1929), liên tiếp đăng ý kiến bạn đọc, với bài tổng kết của Trần Trọng Kim nhan đề truyện Thúy Kiều, tuyên truyền cho thuyết định mệnh, có đoạn như sau: “Người được hưởng sự an nhàn ở đời là bởi có cái nghiệp trước tốt; người phải chịu những điều chua cay ở đời là bởi có cái nghiệp trước xấu; tức như ta thường nói: phải trả cái nợ tiền kiếp. Đã có cái nghiệp sẵn rồi, thì dầu muốn trốn cũng không sao trốn được. Cái dây oan cứ trói buộc mình vào cái cảnh phải trả nợ: Phải trả hết nghiệp trước, rồi mới được hưởng hay phải chịu cái nghiệp sau” (*Phụ nữ Tân văn*, 22-8-1929).

- 1 Xem bài dịch tự tử của Vũ Công Nghi (báo *Đông Pháp*, ngày 9-7-1929, trang nhất): “Độ dày ở Hà Thành có dịch tự tử”. Ta nên tìm cách đề phòng cho bệnh dịch này khỏi lan rộng ra... Mấy hôm nay, ở Hà Thành ta, không ngày nào là không thấy trên báo chương nói đến người tự tử” và bài *Lại bàn về dịch tự tử* của Hà Hải (cũng báo *Đông Pháp*, ngày 10-7-1929, trang nhất): “Hạng người tự sát này phần nhiều là bọn nam nữ thanh niên... trong mùa dịch tự tử...”.

Trong khi ở nhà số 312 phố Khâm Thiên đang họp bàn về thành lập Đảng thì nhà máy sửa chữa ô tô A-vi-a - 200 công nhân - nổ ra bãi công. Trụ sở ủy ban bãi công đặt ở chùa Hương Tuyết, Bạch Mai. Bọn chủ ba lần yết thị dọa không đi làm thì chúng đuổi. Bãi công nổ ra trước kỳ lương, tình hình đời sống anh em khó khăn: nhờ các nơi quyên góp, ủng hộ mà giữ vững đấu tranh. Bọn chủ đánh xe hơi đến từng nhà bắt ép từng người đi làm. Tình hình gay cấp, Ngô Gia Tự đang họp ở phố Khâm Thiên, được các đồng chí phân công đến trực tiếp chỉ đạo cuộc bãi công. Anh tới một nhà phố Hàng Bột, gặp toàn thể các hội viên công hội và người cảm tình trong nhà máy. Anh chỉ cho anh em con đường đoàn kết lực lượng giai cấp: công hội nhà máy A-vi-a huy động lực lượng của mình và thông qua những bác công nhân già tốt đi vận động tất cả những anh em dao động. Anh kịp thời ngăn anh em ám sát một tên ký, tay sai của chủ, đang len vào công nhân hăm dọa và dụ dỗ. Điều quan trọng nhất là mỗi bước đấu tranh, anh đều đi sát, uốn nắn kịp thời, rút kinh nghiệm để nâng cao trình độ và động viên cốt cán của phong trào. Ngoài ra, Đảng còn vận động công nhân các nơi và nông dân Nam Định, nhất là Thái Bình, quyên góp ủng hộ; sau thắng lợi quỹ bãi công còn thừa hàng trăm đồng.

Cuộc bãi công kéo dài 13 ngày và kết thúc hoàn toàn thắng lợi. Đây là cuộc bãi công đầu tiên có sự lãnh đạo trực tiếp của đội tiên phong của giai cấp. Tiếp theo đó là một loạt phản ứng dây chuyền, không

những trong các xí nghiệp Hà Nội mà cả Hải Phòng, Nam Định, Trường Thi (Vinh), Đà Nẵng, Tháp Chàm và Sài Gòn đấu tranh của công nhân lan đi như một làn thuốc súng. Qua đấu tranh, công hội đỏ càng được phát triển và củng cố. Từ công hội đỏ cơ sở tổ chức ra những tổng công hội đỏ tỉnh.

Trong làn sóng đấu tranh tháng 6-1929, người ta thấy Nguyễn Đức Cảnh, mừng bốn lãnh đạo bãi công ở Hải Phòng, mừng bảy đã lại lãnh đạo bãi công ở Nam Định rồi. Đảng trao cho Cảnh nhiệm vụ triệu tập Đại hội Công hội đỏ toàn quốc lần thứ nhất. Về dự Đại hội có đại biểu Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, mỏ Đông Triều, mỏ Mạo Khê.

Đại hội họp ngày 28-7-1929 tại nhà số 15 phố Hàng Nón, Hà Nội. Đây là một gia đình cơ sở mở hiệu buôn thuốc lá. Các đại biểu làm như người buôn thuốc lá các tỉnh về cất hàng, ra vào không ai để ý. Đại hội thông qua chương trình, điều lệ của công hội đỏ, cử Ban Chấp hành với Chủ tịch đầu tiên là đồng chí Trần Văn Lan tức Giáp. Anh là công nhân máy sợi từ năm 12 tuổi, học việc chín năm, đến năm 1924, làm thợ điện và trở thành thợ điện giỏi của nhà máy. Năm 1927, là Bí thư chi bộ thanh niên đầu tiên của thành phố Nam Định phát triển vào công nhân. Tại hội nghị Kỳ bộ Trung Thu năm trước ở làng Tam Sơn, người ta đã chú ý anh là người phát biểu sâu sắc về đời sống và tinh thần cách mạng của giai cấp. Ở hội nghị Ba Vì, Lan cũng là người hết sức tích cực đối với việc thành lập Đảng. Nguyễn Đức Cảnh trực tiếp biết anh trong

khi cùng nhau lãnh đạo cuộc bãi công của phân xưởng nhuộm máy sợi Nam Định vừa qua.

Đảng ra đời và sau đó đã ra đời ngay tổ chức quần chúng của giai cấp.

Cách mạng đi lên vào một năm thuộc loại chịu nhiều thiên tai nhất trong lịch sử, Hải Phòng, Kiến An, Nam Định, Thái Bình bão lụt, đổ nhà, đổ lúa, chết hàng nghìn, Tuyên Quang bị nước ngập tràn. Trong trận bão ngày 30-7, riêng Thái Bình chết 284 đồng bào; Quảng Yên chết 79 bạn chài. Tàu đoàn E-xpa-đông đắm ở ven biển. Hà Tĩnh đại hạn. Quảng Trị, Quảng Nam, Bình Định, mưa suốt ngày đêm. Đường bộ xuyên Việt bị ngập. Hội An, nhà mé sông ngập cả gác. Cả Nam Bộ cũng bị nạn lớn. Lụt ở Long Xuyên, Châu Đốc. Bão ở Bạc Liêu, Cà Mau, Phú Quốc, Côn Lôn cũng bị bão nặng, nhiều banh bị đổ. Thiệt hại về lúa của miệt Cà Mau và Thái Bình gần ngang nhau, tính theo thời giá mất khoảng hai triệu đồng⁽¹⁾.

Theo báo *Phụ nữ Tân văn*, Pa-xki-ê cấm tuyệt đối không cho mở quyên góp cứu trợ người bị nạn, đặc biệt cấm diễn kịch⁽²⁾.

Đất nước ta luôn luôn vươn mình trong bão tố.

Ngày 7-11 năm đó, cờ đỏ búa liềm đã mọc ở nhiều nơi trong nước. Nhớ nhất cây cờ đỏ nổi búa liềm lần

1 Xem *Phụ nữ Tân văn* các số 22-8, 29-8, 17-10-1929 và số Xuân năm 1930.

2 Báo *Phụ nữ Tân văn*, số 24-10-1929, trang 8, có đăng một bài với tiêu đề lớn: Chính phủ không cho phép mở cuộc quyên giúp đồng bào bị nạn ngoài Bắc, trong Nam, nói rằng dân tình không khổ lắm.

đầu tiên cắm trên đỉnh Tháp Rùa và cây cờ kèm theo tuyên cáo của Đảng bộ Ninh Bình cắm trên núi Thúi⁽¹⁾, soi bóng xuống dòng sông Vân. Nơi đây, một nghìn năm về trước, bà Dương Vân Nga, vợ của vua Đinh Tiên Hoàng và mẹ vợ của Lý Thái Tổ sau này, từ động Hoa Lư đáp thuyền rồng ra tận đầu sông Vân, khoác áo hoàng bào lên mình Thập đạo tướng quân Lê Hoàn vừa đại phá quân nhà Tống trở về. Như Dương Vân Nga, nhân dân và dân tộc biết chọn mặt gửi vàng.

Tuần báo *Phụ nữ Tân văn* giữa tháng 11 năm đó đưa tin: “Suốt mấy ngày đầu tháng 11, ở Sài Gòn lính cảnh sát lượm từng ôm truyền đơn cộng sản bỏ ở đường phố ban đêm, dán trên tường. Truyền đơn có in hình búa liềm. Vải đỏ giăng ngang đường vào Gia Định, làm xôn xao mọi người qua đường, có lúc tắc nghẽn giao thông⁽²⁾”.

1 Xem *Phụ nữ Tân văn*, số 13-2-1930.

Báo *Tiền Phong*, số 24-4-1963, bài *Chiếc phong bì và lá cờ* của Hiền Lương, viết về sự kiện này: “Lá cờ hiện nay để ở Nhà Bảo tàng Ninh Bình... Trên nền vải còn lờ mờ hình búa liềm và những dòng chữ viết bằng vôi:

Ngày 7-11-1917 – 7-11-1929

Ủng hộ Liên Xô

Xô Liên muôn năm

Đông Dương Cộng sản đảng (chữ Hán)

... Lá cờ nhỏ bé ấy, tung bay trên đỉnh núi Non Nước...

Trong tạp chí *Thư tín quốc tế* (năm 1930), đồng chí Nguyễn Ái Quốc dưới bí danh là An, đã có nhắc tới những việc treo cờ đỏ ở Sài Gòn, và cả ở Cà Mau, ở miền Tây Nam Bộ trong dịp kỷ niệm Cách mạng tháng Mười năm 1929.

2 Xem *Phụ nữ Tân văn*, số 21-11-1929.

Ngô Gia Tự khi đó sống và hoạt động ở Sài Gòn đã bốn tháng rồi. Sau khi lãnh đạo cuộc đấu tranh của công nhân A-vi-a, anh được phân công vào xây dựng đảng bộ Nam Kỳ của Đông Dương Cộng sản đảng. Tới Sài Gòn, anh viết một lá thư nhờ anh em làm tàu đem qua Pháp đến Mác-xây, bỏ thùng thư từ bên đó gửi về gia đình. Bức thư viết cho người anh làm tri huyện, nói anh đã chọn con đường mới, quyết đạt những đỉnh cao của tri thức, đã tìm được cách tự túc đi sang Pháp học. Do bức thư đó, báo cáo luận tội của tòa Nam án Bắc Ninh, do cụ Bùi Bằng Đoàn bị Tây bắt ngồi xử, đã ghi là Ngô Gia Tự, tức Sĩ Quyết, tức Tú Háy, đã trốn sang Pháp với một căn cước giả.

Một đảng viên trẻ, học sinh trường Bưởi, được phái vào công tác với anh Tự. Đó là đồng chí Lê Văn Lương, năm đó 17 tuổi. Vào Sài Gòn lúc đó khó như đi sang nước khác vậy, phải lăn tay làm căn cước rất lồi thối. Anh Lương được trao mang vào Nam một bó Tuyên ngôn của Đảng mới in xong. Chỗ hẹn liên hệ là anh Hạ Bá Cang thì vào đến nơi không gặp (sau này biết là anh sang Pháp gặp Đảng Cộng sản Pháp). Tiền lương sắp cạn. Anh Lương quyết định muốn ra sao thì ra, trước hết phải phát Tuyên ngôn của Đảng đã. Mới đợi giờ tan tầm, đứng trước nhà máy, nghiên cứu xem anh công nhân nào tin được thì đưa một bản tài liệu của Đảng, sắp vào tuyên truyền giác ngộ ngay.

Một bữa sắp đi làm công việc tự động ấy thì một người gõ cửa. Thì ra anh Tự. Làm sao mà anh biết được

địa chỉ? Nhờ anh em bồi bếp, đi khắp các khách sạn, tìm hộ người Bắc mới vào. Thế là tìm ra anh Lương.

Họ về sống với một đồng chí nấu bếp trông nom biệt thự cho tên chủ nhà bằng mỗi năm từ bên Pháp sang ta có dăm tháng; ăn nhờ vào tiền thức ăn nuôi chó, khỉ của nó. Bảy tám đồng chí dùm bọc lấy nhau, viết viết, in in tài liệu. Dân anh chị dòm, ngó thấy lạ, hỏi làm gì. Trả lời: làm thuốc. Đời sống cực mà vui. Sắp đến kỷ niệm Cách mạng tháng Mười mà tiền chung đã cạn, cơ quan ăn cháo thay cơm. Đồng chí bếp đi vay đâu được bảy đồng bạc. Tưởng Tự cầm tiền đi mua gạo. Hóa ra anh vác về toàn giấy mực. Lại ăn cháo loãng. Tự viết, Lương in. Chỉ có bảy tám anh em rải truyền đơn cùng đường, treo băng ngang đường, móc cờ lên cột điện, lên cây, đón công nhân đưa tài liệu, náo động cả Sài Gòn, làm Tây hoảng hồn, tưởng là ta đông lắm.

Trước sự hoạt động của nhóm Đông Dương Cộng sản đảng ở cơ sở, đến tháng 10 thì từ Kỳ bộ Thanh niên Nam Kỳ thành lập ra An Nam Cộng sản đảng.

* * *

Nguyễn Phong Sắc được phân công đi gây cơ sở Đảng ở Trung Kỳ. Anh Sắc là một công chức Sở Tài chính Đông Dương (hồi đó hãy còn ở phố Hàng Trống - chính ngay trụ sở của báo *Nhân Dân* bây giờ). Anh là bạn đồng liêu của một nhà thơ và một nhà văn có tiếng sau này.

“Ở sở phi-năng có một thầy...” thì thầy đó cũng có thể là thầy tham Nguyễn Phong Sắc, người đổ gạo vào túi ba-dờ-xuy đem đi nuôi đồng chí.

Vào nửa cuối năm 1929, đồng chí Nguyễn Phúc, công nhân nhà máy điện Vinh, gặp anh cùng đồng chí Lê Viết Thuật ở cửa Đền sau núi Tuyết, cạnh thành phố Vinh. Họ đi tới một eo núi khuất và dưới trăng mờ, anh Phúc nhận ra người lạ mặt dong dong cao, mặc áo đen, đội vành khăn đóng, giọng Bắc êm êm mà thân ái, trông giống người diễn thuyết ở chùa Diệc năm truy điệu cụ Phan (tức là anh Hà Huy Tập). Và từ buổi đó, anh Phúc nhận xét: “Qua hai năm tham gia hoạt động ở địa phương chưa bao giờ tôi gặp một đồng chí cấp trên có kiến thức rộng, có thái độ đối xử chan hòa, ruột thịt và có tấm lòng nồng cháy, trung thực như anh Thịnh (Nguyễn Phong Sắc).

Tại một ngôi nhà tranh bên Đền, đồng chí Chu Văn Biên, học sinh trường Vinh, gặp một thanh niên trạc hăm lăm tuổi, áo lương, quần vải tây công, có để râu, nhưng hàng ria mép không hề làm già thêm chút nào khuôn mặt trắng trẻo và thư sinh của anh.

- Anh đã làm xong bài vở chưa? Có thể nói chuyện lâu với tôi không?

Bốn mươi lăm năm hơn rồi, anh Biên còn nhớ mãi lời anh Nguyễn Phong Sắc buổi gặp mặt đầu tiên đó.

- Mới gặp nhau lần đầu, cả hai ta còn lạ, nhưng rồi quen nhau vì lòng chúng ta rất muốn và đã gần nhau. Tôi muốn được gặp các anh, những học sinh tốt của

trường Quốc Học. Anh hiểu nhà trường hơn tôi. Chắc anh muốn thay đổi chế độ giáo dục đó. Anh Biên ạ, chế độ của nhà trường chỉ thay đổi khi nào cả xã hội này thay đổi. Muốn hoạt động tốt trong nhà trường, các anh phải am hiểu tình hình ngoài xã hội. Phải làm sao trong nhà trường, trong xưởng máy, hầm mỏ cũng như trong làng quê, đâu đâu cũng có một sự lãnh đạo đúng đắn và duy nhất. Tổ chức Đông Dương Cộng sản đảng đang đảm đương được sứ mạng đó vì nó là Đảng của giai cấp công nhân, vì nó đi tiên phong và làm cách mạng đến cùng.

Từ tháng 9 năm 1929, anh Nguyễn Phong Sắc đã về lập chi bộ xã đầu tiên ở vùng chè Gay, nổi tiếng đất Nghệ cả về chè ngon lẫn tinh thần cách mạng. Đồng chí Phan Thái Ất, bí thư đầu tiên của chi bộ đó, kể lại: “Tôi không bao giờ quên được anh Sắc. Anh vừa hoạt bát, nhanh nhẹn, lại vừa khiêm tốn, chín chắn. Anh đội nón cời, ăn mặc theo kiểu mà hồi đó chúng tôi gọi là *vô sản hóa*. Nhớ nhất tác phong nhanh gọn và kiên quyết của anh. Hễ bàn họp là họp. Họp phải nhanh, giải quyết gọn từng việc. Lúc nào cũng thấy anh đọc sách báo. Bàn đến nhiệm vụ đảng viên và công việc của Đảng anh thường đặt ra khó khăn để anh em bàn kỹ trước⁽¹⁾”.

Từ những hạt giống đỏ đầu tiên gây được ở Nghệ An, phong trào lan nhanh đến các tỉnh Nam và cực Nam Trung Bộ.

1 Xem *Suốt đời vì Đảng*, Nhà xuất bản Thanh Niên, 1971, hồi ký của các đồng chí Nguyễn Phúc, Chu Văn Biên và Phan Thái Ất, do Minh Huệ, Chu Trọng Huyền và Trần Hữu Thung ghi.

Lúc đó, chính sách của Pa-xki-ê là giờ cao cái áo tơ lá bù nhìn của chính phủ Nam triều mà đánh phá cách mạng nước ta.

Báo chí công khai ngày đó cũng in lên: “Hồi này ở Trung Kỳ, suốt từ Thanh Hóa, Nghệ An cho đến Bình Định, Phú Yên không có ngày nào là không có xét nhà, bắt người về tội âm mưu cộng sản. Ở Huế - (do nước triều từ cửa Thuận lên bất thường) - ai nói nước máy mặn cũng bị bắt” (*Phụ nữ Tân văn*, 19-9-1929).

“Suốt mười mấy tỉnh Trung Kỳ vẫn còn khủng hoảng vì sự bất bố, không có ngày nào không, không có tỉnh nào không” (*Phụ nữ Tân văn*, 26-9-1929).

Tháng 11 thì xảy ra vụ án đường Bác-bi-ê Sài Gòn, nhiều cơ sở Thanh niên và Tân Việt ở Nam bị vỡ⁽¹⁾.

Cuối tháng 10, một thanh niên lảng vảng ở bến đò Tân Đệ Thái Bình, gặp viên tổng đốc tỉnh đó, nghênh ngang không cất mũ chào. Thế là bị nó bắt đưa về mật thám, đánh liền. Người thanh niên được nó nhận mặt là Nguyễn Tuân, tức Kim Tôn⁽²⁾. Không chịu được tra tấn, Kim Tôn khai hết cơ sở Đảng ở Bắc Ninh. Do đó toàn bộ hệ thống tổ chức ở tỉnh này bị nó đánh tróc đến tận gốc. Pa-xki-ê tránh tiếng, trao cho Nam triều

1 Xem *Từ khám tù vị thành niên đến trường học Xô viết Nghệ Tĩnh*, đồng chí Nguyễn Duy Trinh kể, Thép Mới ghi, trong tập *Con đường cách mạng*, Nhà xuất bản Thanh Niên, năm 1970.

2 Xem *Thực nghiệp dân báo*, 17-1-1930, trang nhất: *Bắt được một yếu nhân Đảng Cộng sản*.

Báo cáo hàng năm 1929 - 1930 của sở mật thám Bắc Kỳ nói rõ “Nguyễn Tuân tức Kim Tôn bị bắt ngày 11-10-1929 là người đã khai báo về Đảng Cộng sản Đông Dương những điều giúp ích rất nhiều cho tư pháp”.

xử. Nó bắt những quan lại được đôi chút tiếng tăm là “thanh liêm hai chữ trên đầu” ra trấn áp cách mạng. Vì thế cụ Bùi Bằng Đoàn phải ngồi xử án vắng mặt Ngô Gia Tự. Cũng như Pa-xki-ê đã từng bắt cụ Bùi ta tháng 10 năm 1929, đi thanh tra lao động ở đồn điền Phú Riềng để làm bung xung cho Tây Mi-sơ-lanh bóc lột.

Những vụ án cộng sản đầu tiên, Pa-xki-ê trao cho các tòa Nam án xử, mượn luật Gia Long mà khép tội cho nặng.

Vương Thúc Oánh - con rể cụ Phan Bội Châu - bị tòa Nam án Nghệ An kết án tử hình. Con trai cụ Phan là Phan Nghi Đệ bị chín năm tù⁽¹⁾.

Pa-xki-ê chuẩn bị đối phó với tình hình còn xấu hơn nữa.

Chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương, “thống tướng” Ô-be, họp với các tướng của nó bàn kế hoạch đối phó về quân sự, trích trước ngân sách năm 1930 bốn triệu rưỡi đồng mua vũ khí⁽²⁾. Báo của Tây thực dân đòi mua nhiều xe bọc sắt và súng cối xay. Chúng kêu ở Đông Dương chỉ có bảy máy bay ở Bạch Mai, bảy máy bay ở Biên Hòa và chín máy bay ở A Tông, ít quá⁽³⁾. Công quỹ thành phố Hà Nội kêu hết tiền vì

1 Xem *Phụ nữ Tân văn*, số 31-10-1929: ngày 11-10, tòa án tỉnh Nghệ An xử vụ án cách mạng. Tổng đốc tỉnh là Thái Văn Toản làm chánh án. Công sứ và quan tỉnh chứng kiến.

2 Xem *Phụ nữ Tân văn*, số 21-11-1929: “Hôm 5-11, các quan binh họp hội nghị tại Hà Nội để bàn bạc cách phòng giữ xứ Đông Pháp... Chính phủ trích trong số chi tiêu chung về năm 1930, lấy một số tiền là 4.478.000 đồng ra đăng chi dụng việc binh”.

3 Xem *Phụ nữ Tân văn*, số 20-6-1929.

phải nuôi thêm nhiều mật thám⁽¹⁾. Cuối tháng 1-1930, đạo quân thuộc địa thứ 9 tại Hà Nội tổ chức tập trận ngay trong thành phố, lính rải khắp các đường phố, ngã ba, ngã tư⁽²⁾.

Đó là tình hình trước ngày 3-2.

* * *

Lúc này, các lực lượng cách mạng trong nước chưa đi đến hợp nhất được.

Tại một cuộc họp của Tân Việt, chị Minh Khai kêu lên:

- Nước Việt Nam có tội tình gì mà phải chia ra bè phái.

Anh Nguyễn Phong Sắc đã tổ chức người liên hệ với chị.

Sau khi đồng ý về đường lối với những người cộng sản, chị hỏi:

- Thế bây giờ chúng tôi chuyển như thế nào?

- Tổ chức Đông Dương Cộng sản đảng xét ai xứng đáng thì kết nạp.

- Đã sang thì chúng tôi sang cả. Chị bảo báo cáo ý kiến đó lên anh Thịnh.

1 Xem *Phụ nữ Tân văn*, số 19-9-1929: “Thành phố Hà Nội hồi này tưng tiêng, là vì số lính mã tà tăng lên nhiều... việc canh phòng nghiêm ngặt và sự bắt bớ thường có luôn”.

2 Xem *Thực nghiệp dân báo*, số 28-1-1930.

Anh Nguyễn Phong Sắc gặp chị Minh Khai. Gặp xong anh nói về chị Khai với tấm lòng đầy mến phục:

- Một con người kiên quyết và thận trọng, có tinh thần yêu nước chân chính và nồng nàn. Một người thật sự cách mạng.

Thống nhất là nguyện vọng chung của tất cả những con người như thế.

Và đồng chí Nguyễn Ái Quốc hiện ở Hương Cảng giữa lúc tòa Nam án Nghệ An vừa kết án vắng mặt đồng chí vào tội tử hình.

TẾT 1930

Bác lại về với chúng ta trong mùa xuân.
Bác về Hương Cảng, đầu năm 1930, bằng con đường nào? Lưới mật thám đế quốc quốc tế tại sao mất hút con người vĩ đại?

Có lần vui, Bác kể lại: Bác ở Quảng Châu tháng 4-1927 lên Thượng Hải một thời gian rồi về Liên Xô. Theo các đồng chí chuyên gia nghiên cứu về Hồ Chí Minh của Đảng Ý, thời kỳ này, Bác làm việc ở Quốc tế Cộng sản, viết *Báo thư tín quốc tế* của Quốc tế Cộng sản, lấy bí danh là An. Tại Đại hội lần thứ sáu của Quốc tế Cộng sản họp năm 1928, đồng chí An đại biểu của Đông Dương, đã nêu vấn đề: “Chúng tôi cần có một tổ chức cách mạng làm đội tiên phong của phong trào cách mạng Đông Dương... Quốc tế Cộng sản nên chú trọng đặc biệt tới vấn đề thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương”.

Bác ở Liên Xô không lâu, sang Béc-lin, rồi Pa-ri công tác. Nước Pháp bấy giờ Du-méc làm tổng thống. Tác-di-ơ làm thủ tướng, Xa-rô đảng viên xã hội cấp tiến, làm quốc vụ khanh, Pi-ê-tơ-ri, bộ trưởng thuộc

địa. Mật thám Pháp là “bạn cố tri” cũng không biết Bác ở Pa-ri mà đến “thăm” Bác được. Từ Pa-ri, Bác đi Bơ-ruých-xen dự Hội nghị quốc tế chống chiến tranh. Chuyện dọc đường: đồng chí Ca-ta-ya-ma-xên, người sáng lập Đảng Cộng sản Nhật Bản, vì tuổi già, được đoàn thể cấp vé hạng nhất, thấy Bác đi hạng ba cứ nằng nặc đòi ngồi hạng ba với Bác, mặc dù Bác khẩn khoản mời đồng chí cứ đi hạng nhất cho khỏe khoắn. Tại hội nghị, Bác gặp bao nhiêu nhân vật lỗi lạc của nửa đầu thế kỷ: Rô-manh Rô-lăng, Hăng-ri Bác-buýt, cụ cố Nê-ru.

Từ Bơ-ruých-xen, Bác qua Thụy Sĩ, đi vào nước Ý thời Mút-xô-li-ni. Đến biên giới, công an biên phòng phát-xít giở xem quyển *Từ điển chống cộng quốc tế* dày khoảng 2.000 trang, ghi tên tuổi những người cách mạng các nước từ A đến Z, không thấy tên mới của Bác. Thế là lính của Mút-xô-li-ni rất lễ phép: “Mời ngài quá bộ vào thăm nước chúng tôi”.

Bác như một nhà du lịch đi tham quan cảnh lạ nước Ý, thủ đô Rô-ma, thành Va-ti-căng, hội chợ Mi-la-nô, cửa biển Na-pô-li với núi lửa Vê-du-vơ và di tích Pôm-pê-i... Và thoát cái, Bác đáp tàu Nhật Bản về Xiêm. Có ai tưởng được rằng Nguyễn Ái Quốc xuất phát từ đất Mút-xô-li-ni hắc ám và mật thám như rươi mà đi về phương Đông được⁽¹⁾.

1 Xem T. Lan, bài đã dẫn.

Trên đường từ Ý về Xiêm, có thể Bác ghé qua Xây-lan. Báo *Tiến Lên* của Đảng Cộng sản Ý số 9-9-1969 viết: “Nói chung người ta không biết cụ Hồ Chí Minh đã ở Xây-lan vài ngày khi Người từ châu Âu trở về Việt Nam. Chiếc tàu Người đi đã ghé vào cảng Cô-lôm-bô. Sau đó, Người đi một chiếc tàu khác trở về Việt Nam. Chuyển đi bằng đường

Con người đang sống đời du khách bên Âu phút chốc nhập ngay vào được cuộc sống lam lũ của kiều bào mình ở Đông Bắc nước Xiêm. Thầu Chín xuất hiện ở Phi-chít mùa thu năm 1928. Ở đây nhiều mật thám. Ông Chín đi U-đôn, đường rừng đi bộ mười ngày, hành lý phải gánh, gạo mang theo, một ống *cheo* (sườn băm rang muối) với con dao đeo bên mình. Ngày đầu, đôi thùng gánh đồng đưa, ông Chín chân nam đá chân chiêu. Đôi bàn chân ông đỏ chín, rớm máu. Ông cứ thản nhiên:

“Thiên hạ vô nan sự, nhân tâm tự bất kiên” (không có việc gì khó, chỉ sợ lòng không bền). Từ ngày thứ tư, quả nhiên ông Chín đi không kém ai. Mấy tháng sau, ông đã “long hành hổ bộ” rồi. Từ U-đôn đến Xa-vang, 71 cây số, ông đi có một ngày.

Ở U-đôn, ông lãnh đạo chi bộ thanh niên ở đây mở rộng tổ chức, gây thêm cơ sở, xây dựng một bàn đạp mới cho cách mạng nước nhà. Ông học tiếng Xiêm mỗi ngày mấy chục chữ và tham gia đào giếng, đào gốc cây, tham gia gánh gạch xây trường cho cháu con như mọi người. Ngoài dịch sách và huấn luyện cho anh em thanh niên, ông thường bày cho kiều bào diễn kịch, kịch lịch sử Việt Nam mất nước. Thấy kiều bào hay lễ Đức Thánh Trần, ông viết ra *Bài ca Trần Hưng Đạo*:

biển từ châu Âu trở về đó chỉ có thể là vào năm 1928 - 1929 và trên đường dự định trở về Việt Nam, Bác đã vào đất Xiêm, chuẩn bị bàn đạp từ đó. Lúc đó, có thể biết là Bác đã hoạt động Quốc tế Cộng sản, bởi vì báo *Tiến Lên* viết rõ thêm: “Cụ Hồ Chí Minh đã trao đổi kinh nghiệm của Người bất cứ lúc nào Người gặp các đồng chí Xây-lan trong cuộc đi thăm bất hợp pháp nước này. Hai đồng chí Xây-lan mà Người viết rất rõ là đồng chí Uých-rê-ma-xen-ghe đã là Chủ tịch Đảng Cộng sản Xây-lan và đồng chí Pi-ê-tơ Cơ-nơ-me là Tổng Bí thư”.

Diên Hồng thề trước thánh minh

Lòng dân đã quyết hy sinh rành rành.

Bài ca đó là cẩm nang ông trao cho cán bộ đi phát triển cơ sở ở các nơi khác có kiều bào. Cùng một vài anh em, ông lại đi thăm các nơi có kiều bào dọc hữu ngạn sông Mê-kông, từ Mua-da-han đến Nông Khai...

Thấm thoát ở Xiêm khoảng một năm thì Bác được tin Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên chia thành ba phái và tổ chức ba đảng khác nhau. Nóng ruột, Bác lại bí mật trở về Trung Quốc⁽¹⁾.

* * *

Bác từ Xiêm về Hương Cảng nhất định phải đi tàu biển. Từ Xin-ga-po về vùng biển nước nhà, không biết Bác có nhớ câu chuyện xảy ra mười tám năm về trước, trên con tàu La-tút-sơ Tơ-rê-vin, khi Bác mang tên Ba, làm chân phụ bếp.

Sách Trần Dân Tiên kể lại rằng: “Hồi ấy Bùi Quang Chiêu, kỹ sư canh nông vào làng Tây, đi tàu hạng nhất cùng với gia đình ông ta đưa con sang Pháp học. Thấy anh Ba, ông ta gọi lại, thân mật bảo: “Tại sao con lại làm cái nghề khó nhọc này. Con nên chọn một cái nghề khác, danh giá hơn...”. Anh Ba lễ phép cảm ơn ông Chiêu, nhưng không nói đồng ý hay không⁽²⁾.”

1 Xem *Những ngày ở Quảng Châu và ở Xiêm* của đồng chí Lê Mạnh Trinh, trong tập *Bác Hồ*, đã dẫn.

2 Xem *Trần Dân Tiên*, sách đã dẫn.

Vào năm lãnh tụ của chúng ta trở về thống nhất phong trào trong nước này thì họ Bùi ra sao nhỉ? Họ Bùi, sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất, cho ra đời đảng lập hiến chung quanh tờ *Diễn đàn bản xứ* bằng tiếng Pháp do Xa-rô bảo mở⁽¹⁾. Khi đó, người nước ta, nhất là giai cấp tư sản đang ngoi lên và tầng lớp tiểu tư sản trí thức đang phát triển, coi Bùi là thần tượng của mình. Lúc ấy, có nhóm người tặng y bức trướng thêu bốn chữ vàng *Đan tâm ái quốc*, hy vọng sau này còn đúc tượng đồng cho y nữa. Y cũng có làm ra bộ chống Tây thật, nhưng chống Tây để sau này bán mình cho Tây được giá cao hơn. Vào những năm 1929 - 1930, “thần tượng” Bùi sụp đổ hẳn. Y vay của hãng rượu Phong-ten 5 vạn bạc, được hãng này trợ cấp cho báo của y mỗi tháng 500 đồng, y không còn công kích độc quyền rượu còn nữa. Bùi lại đi làm công cho hãng Om-be, tháng lĩnh 800 bạc lương, nhà lầu và ô tô hãng cấp⁽²⁾. Dư luận Sài Gòn: Đã gánh tiền bạc cho hãng Om-be mà còn đòi gánh cả quốc dân nữa thì nặng bổng nhẹ tếch mất rồi. Cho nên những người trước đây tặng y bốn chữ *Đan tâm ái quốc*, đến năm 1930, đã công khai viết lên báo đòi y phải sửa thành *Hoàng kim ái quốc*⁽³⁾.

1 Xem *Ngó lại 20 năm chính trị hoạt động của Bùi Quang Chiêu*, Nhà in Đức Lưu Phương, Sài Gòn, 1936.

2 Xem *Phụ nữ Tân văn*, số 23-10, 6 và 27-11-1930.

3 Xem *Phụ nữ Tân văn*, số 6-11-1930, bài báo ký tên P.N.T.C. viết: Lúc dựng ông Bùi bốn chữ ấy (Đan tâm ái quốc) là chúng tôi trông mong ngày sau còn đúc tượng đồng cho ông! Bây giờ, cơ sự đã như vậy... Xin làm ơn cầm bút sửa giùm hai chữ, Hoàng kim cho hợp thời hơn” và “hai vai ông Bùi, muốn gánh cái gánh tiền bạc của hãng Om-be thì phải đặt cái gánh quốc gia xã hội xuống. Vì hai thứ ấy, gánh chung với nhau khôngặng!”.

Bác trên tàu biển, từ ngoài khơi xa, trông về đất liền...

Trong thời gian Bác đi qua nước, cụ Phó bảng vừa mất.

Cụ Phó bảng mất đi, cụ nghề Trương Gia Mô cũng mất theo.

Người ta nói rằng cái đại chí và cái khổ tâm của cụ nghề cũng như của cụ bảng vậy. Cụ nghề đã ngoài sáu mươi, thấy việc đời không làm gì được, ngó thêm bức nỗi lòng, nên hay đi dạo chơi thảnh cảnh, danh lam, nay Hà Tiên, mai Đế Thích. Rồi cụ trở về Châu Đốc, lên hòn núi Sam gieo mình xuống vực sâu mà chết. Lúc ấy là đầu tháng 1 năm 1930⁽¹⁾.

Thời tiết tháng 1 năm 1930 lạnh đến 3 độ. “Năm mươi năm nay mới có trận rét chết người đến như thế - báo chí viết - Sắp có cuộc nường dâu bãi biển chi lớn đây mà diêm trời báo trước như vậy chẳng?”⁽²⁾.

Chính sách văn hóa của Pa-xki-ê chuẩn bị ngay từ khi mới sang: vào năm 1930 là xuất bản ngay Niên lịch thông thư (âm dương hiệp lịch: lịch Ta, lịch Tây kết hợp), trích ngân sách Đông Dương làm kinh phí, do chính thống sứ Rô-banh đứng ra giới thiệu trước Viện dân biểu Bắc Kỳ, coi đây là một sự kết hợp tuyệt vời giữa văn minh Thái Tây và “An Nam ngày xưa”.

1 Xem *Phụ nữ Tân văn*, số 2-1-1930.

2 Xem *Phụ nữ Tân văn*, số 23-1-1930.

Sách in hàng vạn, trước bán sau cho không, đủ hiểu nó tính một tác động tinh thần đến thế nào⁽¹⁾.

Niên lịch năm 1930 là năm Canh Ngọ, mặt trước vẽ hình con ngựa, mặt sau vẽ hình bát quái. Phần “Thái Tây” giới thiệu bốn phân *cốt phát* hiệu con cá và cách cầm *phóng sét*, *cù rì* ăn cơm Tây. Phần “An Nam” có bản đồ “*Niên thần phương vị*” và “*Nguyện thần phương vị*” tính ngày các sao thần trên trời “xuất du” mà làm nhà, chữa nhà hay đặt mồ, để mả. Lại theo tử vi, lập bảng so tuổi cho đôi lứa nữa. Ôi, Đại Pháp “lo” cho sự bình an tinh thần và hạnh phúc của dân ta biết nhường nào!

Cầm quyển lịch hai tay nâng ngang đầu khấn, rồi giở tờ lịch 3-2 ra, ta đọc thấy: “Ba tháng hai dương lịch” - hành Kim - sao Sám - trực Chấp. Không nên lợp nhà, động thổ. Nên tế lễ, tắm gội, may áo, phật mộc, săn bắn”. Dưới chua thêm: “Giỗ trận Đống Đa”.

1 *Niên lịch* thông thư do Nhà xuất bản Trung Bắc Tân văn của Nguyễn Văn Linh xuất bản; quyển đầu: năm 1930, 300 trang, giá bán 5 hào. Theo tập *Kỷ yếu các công việc hội đồng thường niên năm 1929*, của Viện dân biểu Bắc Kỳ, thống sứ Bắc Kỳ Rơ-nê Rô-lanh đã đến viện họp, trực tiếp giới thiệu quyển này. “Mỗi năm sẽ xuất bản một quyển lịch Quốc ngữ... giá rẻ... gồm hai phần: - Chuyện An Nam: ngày tốt; xấu; các sao, điềm lành dữ; các lễ hôn, tang; các phép bói toán - Phần Thái Tây: Khoa học kỹ nghệ, thể thao, du ký...” và mong rằng quyển lịch đó sẽ được phát hành rộng rãi ở cả thành thị lẫn nông thôn để trở thành “quyển sách cố vấn của các gia đình, việc gì cũng có thể tra cứu được” (trang 47). Trong tập *Kỷ yếu các công việc hội đồng thường niên năm 1930*, có thuật là: Sổ chi thu Bắc Kỳ xuất tiền mua (*Niên lịch* thông thư) rồi các tỉnh phải thu của dân để trả. Tổng cộng 27.000 đồng. Thống sứ chủ trương in lịch riêng cho Bắc Kỳ. Chính phủ bắt dân mua và xem. Nhân dân phản đối, nhất là nông dân Thái Bình. Theo đề nghị của thanh tra chính trị, chính phủ quyết định: từ năm 1931, sẽ phát không cho dân *Niên lịch* thông thư (từ trang 70).

Ngày 3 tháng 2 năm đó, tức là mừng năm Tết năm Canh Ngọ, anh em công nhân đồn điền cao su Phú Riềng đã nổi lên hoàn toàn làm chủ đồn điền suốt một ngày rông. Tự do, tự do yêu dấu! Chính là ngày 3-2, tức là mừng năm Tết đó. “Hôm đó anh Trần Tử Bình viết - cả đồn điền Phú Riềng đã thuộc về chúng tôi. Bọn chủ nhất, chủ nhì, cai xếp, cai Tây đã thừa lúc chúng tôi tổ chức biểu tình tuần hành mà len lén chuồn đi mất sạch. Nhà cửa, bàn giấy chúng trống không. Chúng tôi ập cả vào bàn giấy của sở, bao nhiêu công-tơ-ra, chúng tôi vác cả ra sân, nổi một đồng lửa, đốt tất. Anh em vát cả biển phu vào, đốt luôn. Nhìn ngọn lửa bốc cao, anh em tưởng như xóa sạch mọi dấu vết nô lệ, từ đây trở đi tự do rồi. Thật là những phút phấn khởi không thể nào quên được. Tôi sung sướng quá...”⁽¹⁾.

Ngày 3 tháng 2 lớn của Đảng mình, của đất nước, cũng vào giờ đó xảy ra.

* * *

Tết năm đó, anh công nhân Nguyễn Công Hòa đã xa lắm rồi cái nhà mồ ở nghĩa địa An Dương giao thừa năm trước. Anh sống Tết ở một cơ quan của Tỉnh ủy Hải Phòng thời bấy giờ. “Chiều ba mươi Tết - anh Hòa nhớ lại - chúng tôi thắp hương thật thơm rồi cài chặt cửa lại, ăn cơm với canh rau cải. Có miếng thịt luộc thì còn phải để dành bày mấy ngày Tết. Ít mỡ cũng

1 Xem *Trần Tử Bình*, sách đã dẫn.

phải để mỗi ngày hai bận phi máy củ hành cho thật thơm để hàng xóm ngửi thấy. Một cái Tết đậm bạc. Nhưng, đối với tôi, đây là lần đầu tiên tôi được ăn Tết với một niềm vui sướng vô cùng của một người đã tìm thấy đường đi trong cuộc sống, đã tìm thấy ý nghĩa cuộc đời. Đêm giao thừa năm ấy, nằm trong xóm thợ im lìm, tôi nghĩ miên man đến chuyến đi của anh Cảnh. Quá nửa đêm, ở ngoài Sáu Kho không biết có con tàu nào cập bến rúc một hồi còi dài vang động cả đêm khuya. Tôi tưởng như con tàu này đưa anh Cảnh và các đồng chí trở về...”⁽¹⁾.

Cách đây đến 10 hôm, Nguyễn Đức Cảnh đã từ lòng giai cấp công nhân đất cảng ra đi họp thành lập Đảng và thống nhất phong trào.

Cửu và Cảnh xuống tàu Liêm Châu đi Hương Cảng do đồng chí ta làm điệp báo viên dưới tàu này bố trí. Anh dẫn hai người vào gầm giường trong ca-bin của anh, bảo ngồi bó gối trong đó. Hai ngày, hai đêm thì tới nơi. Hương Cảng, cảng tự do, không khám xét. Lên tàu điện hai tầng, họ về nơi nghỉ.

Được mấy hôm, có liên lạc người mình lại mời anh Cửu đi. Đến giữa đường, gặp một người đứng tuổi, dáng cao cao, người thanh thanh, đang đi tới. Người đó mặc áo ba-đơ-xuy đã bạc, hơi sờn cổ, đội mũ dạ cũ. Liên lạc giới thiệu. Đồng chí Vương cười, chìa tay ra bắt tay anh Cửu. Hai người lững thững đi bộ trong góc phố vắng. Qua một sân quần ten-nít. Máy cô đầm Ăng-lê cầm vợt

1 Xem Nguyễn Công Hòa, sách đã dẫn.

thuở ấy chắc đang thú đọc Ky-pơ-ling, kẻ ca ngợi say sưa máu thực dân thời chinh phục. Đồng chí Vương vừa đi vừa hỏi thăm sức khỏe, học hành, chuyến đi đường biển, tình hình đồng bào, đồng chí trong nhà. Rồi hai người rẽ vào một hiệu cao lầu nhỏ. Đồng chí Vương chào nhà hàng: “Cống hỉ! Cống hỉ”. Người trong quán cũng đáp lại “Cống hỉ! Cống hỉ!” niềm nở. Đó là lời chào mừng năm mới, và một ngày mới.

Hôm sau, liên lạc đến nhà nghỉ đón Cửu và Cảnh dẫn đi phe-rê-bốt (tàu thủy chở xe lửa qua sông, qua eo biển) sang bên Cửu Long. Chỗ họp là căn nhà nhỏ giữa một khu phố lao động. Bàn họp là một cái bàn to đơn giản của gia đình thợ. Ngồi giữa là đồng chí Vương. Bên phải, các đại biểu An Nam Cộng sản đảng, có anh Nguyễn Thiệu mà Ngô Gia Tự đã gặp cũng ở Hương Cảng hồi Đại hội Thanh niên chín tháng về trước và anh Châu Văn Liêm, người con anh dũng của Nam Bộ, người chiến sĩ cộng sản đầu tiên hy sinh trước mũi súng quân thù trên trận địa đấu tranh chính trị ngã xuống vẫn vậy gọi quần chúng công nông tiến tới⁽¹⁾. Bên trái là anh Cửu và anh Cảnh, ngồi bên nhau hay ghé vào nhau trao đổi ý kiến. Tất cả chính thức là năm đại biểu. Đồng chí Hồ Tùng Mậu giúp đồng chí Vương tổ chức hội nghị. Tân Việt, đã chuyển thành Đông Dương Cộng sản

1 Xem bài *Góp thêm một ít tài liệu về tổ chức và phát động phong trào đấu tranh ở Nam Kỳ sau khi Đảng ta vừa mới thống nhất ra đời* của đồng chí Nghĩa (*Nghiên cứu lịch sử Đảng* số 67, tháng 10-1964); đồng chí Châu Văn Liêm đã lãnh đạo đoàn biểu tình lớn tại Đức Hòa ngày 4-6-1930 và hy sinh trong cuộc đấu tranh chính trị đó.

liên đoàn, có mời, nhưng không ra được⁽¹⁾.

- 1 Đồng chí Nguyễn Thiệu tức Nghĩa, trong tạp chí *Nghiên cứu lịch sử* (số 59, tháng 2-1964) có viết bài *Góp thêm một ít tài liệu về công cuộc hợp nhất các tổ chức cộng sản đầu tiên ở Việt Nam và vai trò của đồng chí Nguyễn Ái Quốc*. Trong đó, đồng chí viết: “Trước tình hình tổ chức Thanh niên ở Nam Kỳ, một tổ chức Thanh niên cuối cùng còn được duy trì, cũng bắt đầu có sự phân liệt, Kỳ bộ Thanh niên Nam Kỳ có tiếp xúc với Đảng Thống đốc Trần Tư Chính, một đặc phái viên của Đông Dương Cộng sản đảng ở Sài Gòn, để thương lượng hợp nhất, nhưng bị Đảng Thống đốc cự tuyệt. Vừa lúc đó, lại tiếp được thư ở Hương Cảng gửi về đề nghị không nên tiếp tục duy trì tổ chức Thanh niên nữa mà phải tổ chức ngay Cộng sản, lấy tên là nhóm An Nam cộng sản... An Nam Cộng sản bắt đầu được tổ chức ở Sài Gòn vào khoảng tháng 8-1929 và lập tức phát triển đến các tỉnh...”

Vào khoảng cuối năm 1929, đồng chí Lương tức Hồ Tùng Mậu viết thư... mời một vài đại biểu của Đông Dương Cộng sản đảng ra Hương Cảng... đồng thời... cũng gửi thư cho Sài Gòn bảo cử một đại biểu của An Nam Cộng sản trong nước ra để bàn bạc việc hợp nhất...

... Đến Hương Cảng, tôi gặp Phiếm Chu tức Đỗ Ngọc Du... Phiếm Chu đưa ý kiến của mình ra là: giải tán tổ chức An Nam cộng sản, rồi Đông Dương Cộng sản đảng sẽ điều tra từng người, xem ai đủ tư cách thì kết nạp...

Nghe xong ý kiến của Phiếm Chu, tôi thấy trong lòng rất buồn... cùng là đồng chí... cùng hoạt động cách mạng với nhau cả, cứ sao lại phân biệt ra người đủ tư cách đảng viên Cộng sản, người không đủ tư cách... chưa có tổ chức nào được Quốc tế Cộng sản chính thức công nhận là đảng cộng sản... chẳng bên nào có lý gì bắt bên nào giải tán để xin gia nhập từng người vào bên nào cả.

Tuy vậy... Cuộc gặp gỡ tại Hương Cảng lần này không thể nói là không mang lại kết quả gì. Hai nhóm cộng sản biết rõ được yêu cầu, ý kiến của nhau, và biết rõ rằng: con đường đi tới vẫn là con đường mong muốn hợp nhất.

... Một tin mừng lớn thành hình đến: đồng chí Vương tức Nguyễn Ái Quốc đã trở về Trung Quốc gửi thư về nước triệu tập các nhóm An Nam và Đông Dương Cộng sản đảng lập tức cử đại biểu ra Hương Cảng bàn việc hợp nhất.

... Đồng chí Châu Văn Liêm tức Việt và tôi đi Hương Cảng... Buổi gặp gỡ thứ nhất của đại biểu các nhóm cộng sản... đồng chí Vương tuyên bố: Quốc tế Cộng sản đã biết có nhiều nhóm cộng sản được tự động tổ chức ra ở Việt Nam... Vì vậy, đồng chí được Quốc tế Cộng sản phái về điều tra nắm rõ tình hình và bàn việc thống nhất các nhóm cộng sản thành một tổ chức duy nhất. Hai nhóm Cộng sản có quá trình và cách thức tổ chức

Cái thuở thiếu thời của Đảng, trước kia có lúc nhớ lắm là cuộc họp 3 tháng hai diễn ra bên sân cỏ, giữa hai pha của một trận đấu bóng ly kỳ⁽¹⁾. Cái thuở đó,

không giống nhau, mỗi nhóm có cái phức tạp, đặc biệt của nó, cho nên không thể sáp nhập nhóm nào vào nhóm nào được, cũng không thể hỗn hợp ngay hai nhóm vào với nhau. Hơn nữa, ngoài hai nhóm Đông Dương và An Nam có mặt tại đây, còn có thể có nhiều nhóm cộng sản nữa mà ta chưa liên lạc được, hoặc giả cũng có những nhóm người, những cá nhân tán thành chủ nghĩa cộng sản có đủ tư cách đảng viên Đảng cộng sản. Muốn thu hút hết thấy những người, những nhóm người tình nguyện chiến đấu cho chủ nghĩa cộng sản vào một tổ chức cộng sản thống nhất thì bây giờ phải thành lập một đảng cộng sản mới, theo đúng đường lối chủ trương Quốc tế Cộng sản, có chính cương mới, điều lệ mới, sách lược mới... Bất cứ cá nhân nào, nhóm người nào tán thành điều lệ, chính cương, sách lược của Đảng, tình nguyện gia nhập Đảng thì sẽ được kết nạp. Tổ chức mới sẽ không mang những thành kiến cũ. Tên Đảng không phải là quan trọng hàng đầu mà quan trọng hàng đầu chính là đường lối, chủ trương và thành phần của Đảng.

... Chẳng ai trong chúng tôi có ý kiến gì nữa. Chúng tôi sung sướng đến nhẹ nhõm cả người. Đảng mới, tên mới, tất cả đều thống nhất theo tinh thần mới. Có thể nói rằng mọi người đều được mà chẳng ai mất gì. Đồng chí Vương đã đem lại cho chúng tôi nhiều quá, nhiều gấp mấy lần những điều mà chúng tôi mong ước.

... Văn kiện quan trọng nhất là *Lời kêu gọi* của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với mọi tầng lớp nhân dân thay cho bản tuyên ngôn thành lập đảng thống nhất... chúng tôi nhất trí đề nghị đồng chí Vương đảm đương... cái tên Nguyễn Ái Quốc thay mặt cho Quốc tế Cộng sản và Đảng Cộng sản Việt Nam làm chúng tôi rất vừa lòng... nó bảo đảm cho sự tin tưởng của mọi người, đây là một phong trào cộng sản chân chính, do những người cộng sản Việt Nam lãnh đạo, được Quốc tế Cộng sản thừa nhận và trong đó có vai trò của một người tiêu biểu mà ai cũng biết tên tuổi.

... Đối với Đảng Tân Việt (lúc này, chúng tôi chưa biết đích xác là đã đổi tên ra Đông Dương Cộng sản liên đoàn), nếu các đồng chí đó tha thiết yêu cầu được gia nhập Đảng Cộng sản Việt Nam thì có thể kết nạp vào”.

- 1 Theo bài *Đảng ta thành lập trong những điều kiện lịch sử nào?* Nguyễn Ngọc Tuyên và Hoàng Trung Thực (trong tập *Bước ngoặt vĩ đại của lịch sử cách mạng Việt Nam*, Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng, trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam xuất bản năm 1961) “Trước đây, nhiều đồng chí đã nhớ lắm rằng Hội nghị

nhiều người trong chúng ta có hiểu đâu rằng họp nhất là vấn đề chính cương, đường lối, tổ chức và tư duy, là trách nhiệm đối với toàn bộ phong trào và tương lai cách mạng. Ngay lúc đó, những người họp có lẽ cũng không nhận thức hết được trách nhiệm khổng lồ, nếu đứng từ 50 năm sau này mà nhìn lại.

Nhân danh Quốc tế Cộng sản, đồng chí Vương tuyên bố lý do Hội nghị.

Một đại biểu hỏi đồng chí Vương:

- Đồng chí có giấy giới thiệu không?

Đồng chí Vương tay để lên túi áo ngực, phá lên cười.

- Không có. Nếu mang theo thì không khác đeo trong mình cái án tử hình.

Tất cả cười theo. Đồng chí Hồ Tùng Mậu giới thiệu:

- Đây chính là đồng chí Nguyễn Ái Quốc.

Cảnh mỉm cười, ngược nhìn đồng chí.

Cuộc họp dẫn tới hôm nay - và ngày mai nữa - bắt đầu.

hợp nhất họp trên một bãi đá bóng ở Hương Cảng, nhưng thật ra, không phải thế. Đó chỉ là một cuộc gặp gỡ giữa đồng chí Nguyễn Ái Quốc với một vài đồng chí ở trong nước ra họp Hội nghị hợp nhất mà thôi”.

- Trong bài *Vừa đi đường, vừa kể chuyện*, đã dẫn. T. Lan thuật lại lời Bác Hồ kể về việc thành lập Đảng như sau: “Để giữ bí mật, hôm thì mấy anh em giả đánh ma chược ở khách sạn, hôm thì đến sân vận động xem đá bóng. Sau mấy buổi bàn cãi sôi nổi, đến ngày 3-2 năm 1930, (vào dịp Tết âm lịch), ba phái đều đồng ý thống nhất thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Mọi người đều vô cùng vui mừng, phấn khởi. Để chúc mừng Đảng ra đời, Bác đãi một bữa Tết Nguyên đán vừa tiết kiệm vừa linh đình...”.

THAY LỜI BẠT

ĐẢNG, MÙA XUÂN

Đảng ta sinh ra trong mùa xuân.

Cùng với tiếng gọi của mùa xuân, hướng mỗi bạn trẻ sống có tinh thần lý tưởng, giữa những giờ vui không thể thiếu được với người thân, lứa đôi, gia đình và bầu bạn, có những phút rất trang trọng nghĩ nghiêm trang về lý do để vui, tin, yêu, khi mùa xuân tới.

Về tâm tình của mình với Đảng, mỗi tuổi lại có một nét cảm riêng, mang dấu ấn thời gian, năm tháng, bước đi lịch sử và độ sáng trong cái nhìn thực tại.

* * *

“Nhưng mà, Đảng là gì? Tôi sẽ nói Đảng ngọt như bông Sầu riêng”. Đọc bài “Má” của cây bút nữ chớm khẳng định mình trong văn học trẻ thành phố, đăng trên báo *Tuổi Trẻ* vào dịp kỷ niệm 50 năm ngày thành lập Đảng, tôi thích thú là học thêm được bông Sầu riêng hóa ra có mật “chất mật trong veo, lóng lánh, làm ngọt tê đầu lưỡi... ngọt lịm và thơm ngát...”.

Bông Sầu riêng cho tuổi thơ mật ngọt thơm cuối độ xuân về, giáp Tết, gọi suốt đời tình quê hương. Vốn là một chú học trò nhỏ cũng lớn lên trên hè phố như phần đông bạn trẻ thành phố ta, tôi thầm ghen với tác giả có một mảnh trời quê hương nhỏ. Lý Lan - tác giả bài báo đó - hơn chúng ta có vườn Sầu riêng quê ngoại, năm xưa bị chất độc hóa học của Mỹ làm thui chột. Nước mắt chảy khóc bóng Sầu riêng, đau cho tình quê. Vườn sầu riêng chết, giặc đến, mẹ và dì tham gia kháng chiến. Mẹ chết và dì - cán bộ cách mạng - bị bắt. Đảng đến với Lý Lan trên tình thương của hai bà mẹ, và sự gắn bó với bưng biền nước mọi, làm nên mật ngọt của bông Sầu riêng. Đảng là máu của quê hương, là hồn của đất nước, là truyền thống, là gia phong, là chất thấm trong lòng, là cả một thế giới tinh thần thấm vào tuổi nhỏ, như hương mật sầu riêng nuôi lớn tâm hồn.

Mỗi người cảm nhận một cách khác nhau, chỗ mạnh sâu xa của lòng chúng ta, chính là hai chữ quê hương cuộn cuộn trôi lên với biết bao nhiêu tầng sâu lịch sử. Hương mật Sầu riêng đã giữ vững một tuổi trẻ. Người con gái mà chiến tranh và khủng bố đẩy vào Sài Gòn, 9 tuổi đọc chương, 15 tuổi đọc Quỳnh Dao, 17 tuổi đọc Xac-tơ-rơ, bất chấp mọi sự nhiễu loạn tinh thần. “Năm 1973, nghe nói dì được thả, tôi về quê hương. Sầu riêng nhắc tôi nhớ, một bông Sầu riêng gọi tôi về”.

Và tất nhiên, sau 1975, hương mật Sầu riêng hoàn toàn sống dậy. Qua đi những ngày sôi nổi nhập vào

cách mạng, khó khăn ngày càng gay gắt, vướng mắc xói mòn tình người, tiêu cực trong đời sống, ngòi bút trẻ trung thực nói lên một tâm trạng không vui - nói hẳn là bất mãn trước thực tại hằng ngày chưa hiểu nổi. Làm thế nào giữ vững niềm tin, giành lại thanh thản? Lý Lan đã trở về với vườn Sầu riêng xưa, cây mới trồng lại, gặp dì Tám, trút hết những điều u uẩn, tìm một câu trả lời cho những điều day dứt nhận thức và lương tâm. Tác giả mượn lời người dì cán bộ cách mạng giải quyết tư tưởng cho chúng ta bằng chân lý rất chung: “Cách mạng tiến lên thời phải gặp khó khăn”, và “chưa có hồi nào Đảng mình quang minh bằng bây giờ”. Và bằng so sánh: “Bây giờ, con làm cộng sản một cách tự nhiên, chứ cái năm dì vô Đảng, ai nói cộng sản là bị lên máy chém”. Yên tâm dễ dàng có cái lợi là chẳng phải suy nghĩ đến cùng. Từ đó, mỗi bước chệch ra - tác giả viết - tôi bỗng nghĩ đến dì Tám và lại vững bước đi lên”. Ngòi bút trẻ tìm sức mạnh cho mình bằng cách quay về với hương mật Sầu riêng thuở nhỏ.

Dù sao cũng xin cảm ơn hương mật Sầu riêng đã cho ai chỗ dựa chắc mạnh của tâm hồn, trải qua bão táp vô hình của bình minh trên đất nước.

Nhưng có lẽ hương mật Sầu riêng không phải là tất cả, nếu chỉ làm chúng ta yên tâm tin có ngày mai và đợi cho khó khăn của hôm nay tự nó đi qua, như mưa rồi sẽ tạnh. Bằng cách này hay cách khác, ai cũng có thể đợi, hoặc chờ xem, như thế được. Làm cộng sản - như dì Tám nói - là gì? Đảng là gì trong hành trình đi

tới đây? Đảng là Má mà Đảng cũng là anh, chính anh, chính ở trong anh. Đảng là cái đang nổi dậy - không phải bất mãn tiêu cực tầm thường mà dũng cảm phụ trách - trong ý thức sứ mạng tiếp nối với sức trẻ có lửa có lòng, băng băng lên đỉnh dốc mới, của người trẻ tuổi còn có cả cuộc đời sẽ đi xa để sống.

Ngày nay, chúng ta càng cần phải đọc lại bài nói của Lê-nin về “Nhiệm vụ của Đoàn Thanh niên Cộng sản”, nổi tiếng bởi khẩu hiệu “Học, học nữa, học mãi”, truyền cho mỗi thế hệ trẻ Xô viết. Lê-nin vĩ đại mà chúng ta mỗi ngày càng thấm những suy ngẫm sâu xa. Lê-nin năm 1920 nói thẳng với bạn trẻ Xô viết thời đó là lớp người tuổi năm mươi như Người chẳng có thể làm gì được nhiều. Chính những người tuổi hai mươi vào năm 1920 ấy sẽ xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Tìm hiểu dòng suy nghĩ của Lê-nin, do Cla-ra Détkin ghi lại những buổi đàm đạo, thấy Người có cùng lo sợ trước cái thiếu văn hóa mênh mông và cái thiếu học hành dữ dội của nước Nga mới thoát khỏi ách Sa hoàng. Để giải quyết những nhiệm vụ rộng lớn và phức tạp vô cùng của công cuộc sáng tạo chưa từng có, ở bất cứ nước nào cũng vậy, là xây dựng từ những cái hôm qua để lại, cả một xã hội mới, thế hệ nối tiếp thế hệ phải tích lũy cho mình và cho chung cả một rừng già hiểu biết. Một số đông bạn trẻ chúng ta ngày nay có thể được trang bị ngày càng nhiều về tri thức chuyên môn, khoa học tiên tiến, kỹ thuật hiện đại, văn hóa chung phong phú. Không có chuyên sâu, dễ chỉ nói suông, nhưng tất cả tri thức và năng lực

chuyên ngành khó mà phát huy, nếu nhìn đời không sáng, tự mình không cất nghĩa được hiện tại này, nếu không nhìn lên phía trước.

Như Đại hội Đoàn ta đã một lần khẳng định: “Cương lĩnh cách mạng xã hội chủ nghĩa của Đảng là đường lối để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội trên nước ta”. Tôi nghĩ điều đó không có thể chỉ chấp nhận bằng tình cảm thủy chung tươi đẹp của lòng mà bằng trí tuệ thiết tha trước hết, với một nhu cầu hiểu biết hăm hở tự giác. Báo cáo sửa đổi điều lệ của Đoàn lần này, trong xác định mối quan hệ giữa Đoàn với Đảng ta là ở chỗ Đảng có đường lối chính sách lãnh đạo cách mạng đúng đắn, mà mỗi đoàn viên có nhiệm vụ chấp hành tích cực và sáng tạo. Có lẽ, để làm được việc đó, các đồng chí trẻ của chúng ta cần bám sát sự suy nghĩ chung hơn nữa, tổ chức nhau tìm hiểu tư duy của Đảng trong sự phát triển sinh động, nhạy cảm hơn nữa với quá trình đang diễn ra là đổi mới cách nghĩ và cách làm chung, từ đó, tự mình tháo gỡ cho mình, tự mình bung lên theo Đảng.

Khả năng tiềm tàng không phải chỉ là ở đất đai, năng lực sản xuất và tài nguyên đất nước “Hãy dám là anh. Có những khả năng kỳ lạ trong mỗi con người”. Câu nói đó của một triết nhân tiền chiến thế giới càng đúng với quan hệ đang đổi mới, ngày càng điều chỉnh cho thật hài hòa giữa cá nhân với tập thể nhỏ và lớn.

* * *

Khi bạn trẻ viết về lòng mình với Đảng, trở về với hương mật ngọt Sầu riêng, tình cảm ruột rà quê hương gắn bó, tất cả chúng ta có lẽ đều chưa nhìn thấy thật rõ lắm đường ra của một tình hình phức tạp và rất mực khó khăn. Mùa xuân 1981, như Đồng khởi hai mươi năm về trước, đã có những trận phản kích đầu tiên vào khó khăn chồng chất, trước hết trên mặt trận kinh tế, mở đầu một cuộc phản công toàn diện, từ trong nhận thức nhìn ra hiện tại, dõ ra từng manh mối, khái quát lại, tìm ra quỹ đạo, bắt đường rầy mới đi lên, tổ chức lại cả một thế trận cuộc đời, soi sáng bởi một tư duy ngoan cường, vừa nắm được bõm con ngựa đến là bất kham: quy luật, vừa ráng nhìn cho tinh đến tận chân tơ kẽ tóc sự vật.

Có lẽ không đâu dễ bắt nhay quá trình đó bằng ở trung tâm lớn ngọn ngọn sức sống này.

Mùa xuân đang tới chưa phải là đã rực rỡ cả trời hao, nhưng trên cây đời đã thấp sáng những búp non tơ. Và chúm chím cười rồi đôi nụ hồng tươi nhân tố mới.

Chuyển động trên đất nước thể hiện rõ nhiều ở mảnh đất thân yêu của xuân Mậu Thân và ngày 30-4 lịch sử. Nghĩ về lịch sử chiến đấu, không nên quên là mỗi chiến công sự nghiệp anh hùng của nhân dân vùng lên tại chỗ và sự dồn sức dồn lòng của cả nước, đồng thời cũng là công trình sáng tạo đạt đến trình độ nghệ thuật của tư duy chỉ đạo và năng lực tổ chức tập thể.

Tư duy trưởng thành trong đánh giặc và còn phải dành nhiều sức óc tính chuyện giữ nước cho đến mai sau và sống thật hết mình với bạn, tập trung giải quyết những vấn đề mới về kinh tế và xã hội.

Những nhân tố mới đang làm chúng ta khắp khởi mừng có mầm dậy sáng tương lai, chính là kết quả - mới là bước đầu mà thôi - của một hoạt động tập thể của tư duy vận động quyết liệt để sát với quy luật, khớp với đời sống, chứng minh và phát triển cách nhìn, cách nghĩ về cách làm mới. Tôi nghĩ tuổi trẻ muốn xung kích và sáng tạo, không thể không làm quen ngay trong quá trình hình thành còn nóng hổi hồi này về một sự chuyển hướng chính sách lớn của Đảng, hơn nữa nhập nó vào mình, bởi vì nó khơi sâu, mở rộng và uốn nắn lại dòng đời, chính là để cho thanh xuân phát triển. Dưới góc độ đó, nó thiết thân vô cùng với tuổi trẻ, gắn bó tương lai của chính mình với hiện tại của đất nước.

Ở một thành phố công nghiệp, tác động của chính sách mới dễ bật lên rõ và nhanh. Bước đầu có thể thấy ngay sự nổi dậy của từng bộ phận giai cấp công nhân, ngẩng cao đầu, hưởng ứng từ máu thịt chính sách mới của Đảng. Đâu có thể chỉ cất nghĩa bằng ba lợi ích. Tự ba lợi ích này ra yếu tố tinh thần rất mới. Trên cuốn sổ vàng của nhà máy thuốc lá Vĩnh Hội và nhà máy thuốc lá Sài Gòn, ngay sau chiến dịch sản xuất một tháng gần bằng nửa năm toàn thắng, đồng chí Võ Văn Kiệt đã ghi những dòng chữ thấm tình giai cấp:

“Các đồng chí đã thi đua mỗi người làm việc bằng hai và tạo ra năng suất tăng lên gần bốn. Đảng càng hiểu thấu tâm tình và nguyện vọng của công nhân, yêu máy, yêu nghề, gắn bó với tập thể sản xuất, và trải qua những năm tháng khó khăn, cắn răng bám trận địa xã hội chủ nghĩa, cùng ham muốn sản xuất, được bung ra thì lòng vui như mở hội. Sản xuất có lên thì đời sống mới đủ, mới vui. Có lao động hết mình mới là sống thật có ý nghĩa”.

*
* *
*

Dưới chính sách mới, người công nhân xuất hiện trước thành phố và đất nước như người lao động có hiệu suất cao nhất cống hiến cho toàn xã hội. Sản xuất bung ra, xác lập vị trí xứng đáng của nhân vật trung tâm xã hội mới. Do bàn tay, khối óc và trái tim công nhân trước hết, năng lực sản xuất công nghiệp dồi dào của thành phố lớn đang được thức tỉnh, ngày càng phát huy tác dụng, làm ra khối lượng lớn lao của cải xã hội. Sự sung túc chung chưa đến ngay lập tức. Song rõ ràng là do tác động qua lại giữa công nghiệp thành phố với cả một vùng nông thôn bao la là phù sa của một dải sông lớn Cửu Long, đất đỏ miền Đông và Tây Nguyên nữa, cùng với tài nguyên sống của biển Đông, tác động qua lại giữa năng lực sản xuất, chế biến, tay nghề cao, kỹ thuật giỏi, chất lượng tốt, mặt hàng đẹp, với thị trường cả nước, và thị trường bao la các nước anh em, từ sông En-bơ đến miền Tây Xi-bia tuyết phủ, cộng thêm vào đó, bao nhiêu đầu cầu xuất

khẩu đang mở ra cho ai biết làm ăn theo cách mới, thành phố sẽ đi lên, trận địa kinh tế xã hội chủ nghĩa ngày càng vững mạnh, đời sống sẽ ổn định, tương lai tươi sáng trở nên gần lại.

Bạn trẻ tự thấy yêu hơn thành phố của mình, gắn liền vận mệnh với cả nước. Tầm cỡ trung tâm sáng tạo mang trong lòng nó sức mạnh phát triển hợp quy luật, rất biện chứng. Đối với cả thành phố ta nữa, từ đất đai, tài nguyên đất nước và lao động đi lên là khả năng hoàn toàn hiện thực. Tự hào chân chính là tạo ra giá trị cao tự nuôi sống mình và làm ra nhiều hơn cho đất nước.

Tôi cảm hứng viết bài này sau khi được dự cuộc họp chi bộ tất niên của Nhà máy dệt Thành Công, hồi chiều, vừa được làm lễ nhận lẵng hoa khen thưởng truyền thống của Chủ tịch nước. Đêm qua, chi bộ nhà máy làm lễ kết nạp gần một tiểu đội đảng viên công nhân trẻ do chi đoàn giới thiệu. Cùng với nhà máy dệt Phong Phú, cơ sở Đảng ở đây đã phát triển qua phong trào quần chúng thi đua sản xuất thật sự một lớp đảng viên trẻ khóa 1980 đông nhất thành phố ta, Đảng bộ trong năm qua mạnh lên với bao nhiêu sức sống tươi mới, gắn chặt Đảng với quần chúng công nhân tại chỗ, nhân tố phát huy kiên quyết làm chủ tập thể của công nhân ở cơ sở.

Tôi mừng các đồng chí trẻ của tôi được kết nạp trong làn gió mới, sản xuất có mầm xuân, từ đây thẳng đường phát triển, mạnh đường sáng tạo, dễ dàng phát huy cao bản chất giai cấp của lứa tuổi.

Tôi đã tặng Chi bộ nhà máy thân yêu số báo *Nhân Dân* ngày 31-12-1980 - trích đăng Nghị quyết của Bộ Chính trị về vấn đề tổ chức, trong đó Đảng tự đòi hỏi mình: tăng cường lãnh đạo và quản lý theo phương thức mới đòi hỏi một sự chuyển biến sâu sắc về tổ chức và cách làm, với những tiêu chuẩn ngang tầm cái mới về con người cách mạng chủ động sáng tạo, hoạt bát, tính toán khoa học, trách nhiệm, kỷ luật, đức tính công nhân, tác phong công nghiệp. Cuộc sống từ đây sàng lọc, thúc đẩy con người mới nẩy sinh, hình thành và phát triển. Bao nhiêu cái lỗi thời, trì trệ vứt trả lại với hôm qua. Có kế thừa và có phủ định trong cơ thể sống là Đảng. Sự vật sống, sự vật đi lên đòi hỏi phải như vậy, Đảng rồi trẻ lại, Đảng biết lớn lên.

* * *

Trên đây là bài báo nhỏ đăng trên báo *Tuổi Trẻ* Thành phố Hồ Chí Minh, viết ngay sau khi được dự cuộc họp chi bộ nhà máy dệt Thành Công, đầm ấm một không khí sinh hoạt Đảng đích thực, sống thật tình đồng chí trong tình giai cấp, được ngấm vào lòng một chất men đời có gì đã mới, hy vọng nhiều ở cả một lớp người đến với Đảng từ đây chuyển sản xuất của máy.

Khi tôi viết những dòng này để giới thiệu tập sách nhỏ về thời dựng Đảng tôi vừa lại đến thăm Chi bộ nhà máy dệt Thành Công, vào dịp Đại hội lần thứ ba của Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh. Kinh nghiệm tiên tiến về phát triển Đảng và xây dựng Đảng bước

đầu thành công rõ ở nhà máy dệt Thành Công, đã được khẳng định như một lá cờ đầu dũng cảm, sáng tạo bay vào quỹ đạo năm ăn, năm thua của lối làm ăn mới.

Một trong những điều phấn khởi nhất đối với mỗi người được theo dõi những cuộc thảo luận ở Đại hội Đảng bộ lần III, là sự đặt vấn đề rất cao đối với yêu cầu cấp bách về phát huy “nhân tố quyết định bảo đảm hoàn thành thắng lợi những nhiệm vụ và công tác cụ thể của Đại hội đề ra là phải *nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ*, xây dựng Đảng và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh vững mạnh. Nghị quyết về xây dựng Đảng của Đại hội Đảng bộ nhấn mạnh: Kiện toàn cơ sở Đảng là khâu then chốt của toàn bộ công tác xây dựng Đảng, đặt rõ vấn đề thường xuyên quan tâm xây dựng và phát triển lực lượng chính trị, phát triển Đảng mạnh vào những công nhân ưu tú đang trực tiếp sản xuất, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ công nhân giác ngộ xã hội chủ nghĩa: “Phải hết sức quan tâm đào tạo ngày càng nhiều cán bộ xuất thân từ thành phần công nhân, nhất là công nhân kỹ thuật. Các cấp, các ngành, nhất là các cơ sở công nghiệp (kể cả các đơn vị thuộc ngành Trung ương trên địa bàn thành phố) phải thấy hết ý nghĩa của vấn đề này, không những chỉ đối với công nghiệp của thành phố mà còn đối với sự nghiệp chung của cả nước”.

Đảng đi vào sáng tạo, tái tạo lại tất cả, kể cả chính mình nữa, chỉ có thể tráng kiện trên cơ sở giai cấp công nhân cường tráng. Từ một kiểu sản xuất

nhỏ đi lên, càng cần chất thép mà ta chưa có mấy của những con người được sớm gần gũi nhất những yếu tố sản xuất lớn. Trung tâm công nghiệp không phải chỉ có ý nghĩa về làm ra của cải vật chất. Đó là mỏ quý về giá trị tinh thần, giá trị con người mà đôi khi cuộc nhảy múa động cốn tiền - hàng - tiền, đấm đuổi chạy theo chênh lệch giá, che mất, lấp mất. Có lẽ chỉ có từ lửa công nghiệp, con người Việt Nam, dù đã từng trải qua cả mấy lửa chiến đấu, mới tập dần sống khác.

Ý mới về cuộc đời phải khác đó, tôi đã được nắm bắt những tín hiệu đầu tiên tại cuộc họp chi bộ ba năm về trước, đêm xuân ấy, tại nhà máy dệt Thành Công, vừa mới gan cùng mình chuyển cách sống trong sản xuất. Tôi trở lại nhà máy hôm nay để, ngoài bao nhiêu điều học hỏi sự vật đi lên, làm theo thôi thúc tình cảm, bắt tay lại các đồng chí trẻ đã ba năm tuổi Đảng của tôi, và tay bắt mặt mừng gặp cả nửa trăm đồng chí mới nữa, kết nạp trên tuyến lửa sản xuất công nghiệp. Xin tặng các đồng chí trẻ của tôi tập sách nhỏ mà tôi đã viết, tám năm về trước, để lay động chính mình trước hết về một điều khám phá không chép nguyên si sách vở: từ thưở ban đầu nhen nhúm dựng lên chính cuộc đời này, Đảng đã sinh ra trong lòng giai cấp.

Tập sách nhỏ ***Thời dựng Đảng*** là những bài báo viết đăng trên báo *Nhân Dân* nhân dịp kỷ niệm Ngày thành lập Đảng (3 tháng 2). Tâm tư người viết lúc đó bỗng nhiên bùng lên dưới ánh sáng của nhiều điều đã khá mới trong nghị quyết về xây dựng Đảng của Hội

ng nghị Trung ương khóa III lần thứ 23 (khóa III là khóa thắng Mỹ), mà có lẽ hôm nay ít ai còn nhớ đến nữa. Bởi vì nghị quyết vừa ra, cả đất nước lại chọn rộn lên đường, lịch sử lao như tên bắn xốc tới ngày 30-4 sang trang mới.

Viết trước hết là làm công tác tư tưởng cho chính mình. Đảng là gì, suốt đời ta phải hỏi ta điều đó. Đối với tôi, khi viết ***Thời dựng Đảng*** là lúc mà sau những năm tháng ở chiến trường, trở về sống cuộc sống hậu phương những ngày cuối cùng xối xả bom đạn của chiến tranh, rồi bước đầu xây dựng chế độ mới với biết bao khó khăn, bỡ ngỡ, tâm tư không khỏi đôi lúc sững sờ, vì bên cạnh cái vĩ đại, cái anh hùng vẫn đang dạy tôi, đã ló mới mầm tiêu cực, triết lý sống thực dụng, đã len tới, lách lên trong đời sống. Đã nghiệm ra đôi lúc có phần khô héo tình đời, nguội nguội tình người.

Từ bấy đến nay, càng thấy sống như mình đã từng muốn, khó hơn nhiều so với những ngày và đêm sống dưới mưa bom, bão đạn. Phải tính hết độ vênh của cuộc đời khi chuyển giai đoạn. Nói như đồng chí Lê Duẩn tại chính thành phố này, trước hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ, ngay từ đầu năm 1978: Mỗi bước ngoặt của cách mạng cũng là bước ngoặt trong cuộc đời hoạt động của cán bộ, đảng viên. Một số đồng chí khi còn trẻ rất hăng say cách mạng, không mảy may tính toán chuyện được mất cho cá nhân, nhưng trong bước ngoặt hiện nay, trong số đó có người bị cuốn hút bởi lợi ích vật chất trước mắt, không đứng vững trước

cám dỗ vật chất tầm thường Đối với một Đảng cầm quyền, lãnh đạo và xây dựng kinh tế là nhiệm vụ quan trọng nhất. Cho nên các tổ chức Đảng phải đi vào kinh tế, phải theo dõi sát hoạt động của cán bộ đảng viên trên mặt trận kinh tế thì mới làm tốt công tác xây dựng Đảng.

Có một sự chiêu hồi thường xuyên trong cuộc đấu tranh “ai thắng ai”.

* * *

Một câu nói của một nhà thơ Pháp, được chính Phê-đê-rích Ăng-ghen hay nhắc lại: “Hạnh phúc một cuộc đời là vào tuổi bạc đầu vẫn còn giữ được mới nguyên tấm lòng của tuổi hai mươi”.

Bạn trẻ hôm nay thế mà có lý.

“Nhưng mà, Đảng là gì, tôi sẽ nói Đảng ngọt như bông Sầu riêng, chất mật trong veo, lóng lánh, làm ngọt tê đầu lưỡi, ngọt lịm và thơm ngát”. Có vị ngọt đó, át lên tất cả, hòa với vị mặn của máu và mồ hôi đánh bật cả cái chất của thiếu gì trò đời đen bạc. Mãi mãi thơm lòng vị ngọt Sầu riêng, vì như đồng chí Phạm Văn Đồng đã từng phát biểu: “Đối với nhân dân ta, chủ nghĩa xã hội là cuộc gặp gỡ như cùng hẹn trước giữa hay và đẹp”. Đảng trước hết là cái nhìn hành động, thăm thẳm biết mấy từng sâu, tin ở con người và đất nước, và từ đó dứt khoát, thanh thoát, hòa vào trong cuộc đi lên phía trước.

Thời dựng Đảng phải chăng là cái thuở ban đầu
gặp gỡ nghìn xuân giữa quê hương và ngày mới.

Phải chăng có ý mới cảm, gợi nghĩ về Đảng và chủ
nghĩa xã hội với những gì sâu nhất của lòng ta?

THÉP MỚI

MỤC LỤC

Lời nói đầu	5
Hai chữ giác ngộ	13
Đường Kách mệnh	33
Tư cách người Kách mệnh	51
Từ mảnh đất Thăng Long	67
Đảng đã mọc trong lòng giai cấp	101
Từ truyền đơn đến cờ đỏ	121
Tết 1930	155
Thay lời bạt	168

THỜI DỰNG ĐẢNG

THÉP MỚI

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc - Tổng Biên tập

NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG

Biên tập

NGUYỄN HOÀI NAM - HOÀNG THỊ HƯỜNG

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

62 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

ĐT: (08) 38 296 764 - 38 256 713 - 38 247 225

Fax: 84.8.38222726 - Email: tonghop@nxbhcm.com.vn

Website: **www.nxbhcm.com.vn** - Sách điện tử: **www.sachweb.vn**

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 1

62 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh ♦ **ĐT: 38 256 804**

NHÀ SÁCH TỔNG HỢP 2

86 - 88 Nguyễn Tất Thành, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh ♦ **ĐT: 39 433 868**

XNĐKXB 300-13-00/CXB/02-30/THTPHCM cấp ngày 13/3/2013

QĐXB số: 1586/QĐ-THTPHCM-2013 ngày 10/12/2013

ISBN: 9 7 8 - 6 0 4 - 5 8 - 0 5 2 3 - 7

Lưu chiều tháng 1 năm 2014

THỜI DUNG ĐẢNG

“Cả một thời kỳ thai nghén, mang nặng, đẻ đau, đã quyết định tính chất và vai trò của Đảng, hướng đi lên chính xác của đất nước, cái kiên và cái cường của phong trào, độ vững và sức bật của dân tộc và mỗi con người...”

Lúc này đây, đang có một sự khao khát trở về nguồn để bồi dưỡng cho mình sức mạnh đi tới, khi đến lượt chúng ta đây vươn cao lên để giải quyết tổng hợp những nhiệm vụ nặng nề và rộng lớn của thời kỳ mới, trực tiếp thực hiện những điều mơ ước - vì nó mà sống và chết - của những người cộng sản Việt Nam thuộc lớp đầu tiên”.

Thép Mới



ISBN 978-6-04-580523-7



9 786045 805237

Giá: 35.000 đ

